

TÀI LIỆU HỌC HỎI TRONG NĂM THÁNH

GIÁO HỘI TẠI VIỆT NAM

MÀU NHIỆM – HIỆP THÔNG – SỨ VỤ

BAN TỔ CHỨC NĂM THÁNH 2010



LỜI NGỎ

Học hỏi là một trong những hoạt động chính của Năm Thánh 2010, bên cạnh các hoạt động khác như cử hành và đại hội.

Tài liệu Học hỏi này được soạn thảo với mục đích giúp cộng đồng dân Chúa học hỏi trong Năm Thánh, cụ thể là khơi dậy nơi các tín hữu tâm tình hân hoan và cảm tạ, cảm thức sâu xa về Giáo Hội và tinh thần tham gia vào đời sống và sứ vụ của Giáo Hội.

Tài liệu gồm 3 phần chính: Mẫu nhiệm Giáo Hội, Giáo Hội hiệp thông và Hiệp thông trong sứ vụ.

Tài liệu được khai triển thành 14 bài; ngoài hai bài mở và kết phục vụ cho việc khai mạc và bế mạc Năm Thánh vào các tháng 12/2009 và 1/2011, còn có 12 bài phục vụ cho việc học hỏi trong mười hai tháng, cách riêng cho Đại hội Dân Chúa vào tháng 11/2010.

Mỗi bài thường có bốn ý tưởng chính, mỗi ý tưởng ứng với mỗi tuần, và được biên soạn dưới các hình thức trình bày, hỏi-đáp và gợi ý trao đổi. Phần hỏi-đáp không được soạn đề học thuộc lòng nhưng để trình bày cách vắn gọn và chuẩn xác.

Hy vọng tài liệu này đem lại nhiều lợi ích thiêng liêng cho Dân Chúa, đặc biệt trong việc hiểu để tham gia và sống Năm Thánh 2010.

BAN TỔ CHỨC

CÁC CHỮ VIẾT TẮT

– Kinh Thánh:

Cl : Cô-lô-sê	Gl : Galata
Cv : Công vụ Tông đồ	Kh : Khải huyền
1Cr : 1 Corinthô	Lc : Luca
2Cr : 2 Corinthô	Lv : Lêvi
Đnl : Đệ nhị luật	Mc : Marcô
Ep : Ê-phê-sô	Mt : Matthêô
Ga : Gioan	Pl : Philipphê
1Ga : 1 Gioan	1Pr : 1 Phê-rô
Gc : Giacô-bê	Rm : Rô-ma

– Văn kiện Công đồng chung Vaticanô II:

GH: Hiến chế tín lý về Giáo Hội “ <i>Lumen Gentium</i> ”
LM: Sắc lệnh về chức vụ và đời sống Linh Mục “ <i>Presbyterorum Ordinis</i> ”
MV: Hiến chế mục vụ về Giáo Hội trong thế giới ngày nay “ <i>Gaudium et Spes</i> ”
TĐ: Sắc lệnh về Tông Đồ Giáo dân “ <i>Apostolicam Actuositatem</i> ”
TG: Sắc lệnh về hoạt động Truyền Giáo của Giáo Hội “ <i>Ad Gentes</i> ”

– Các chữ viết tắt khác:

FABC: Liên Hội đồng Giám mục Á châu
GL: Giáo luật
GLHTCG: Sách Giáo lý Hội Thánh Công Giáo
HDGMVN: Hội đồng Giám mục Việt Nam
KTHGD: Tông huấn Kitô hữu Giáo dân “ <i>Christifideles Laici</i> ”
LBTM: Tông huấn Loan báo Tin Mừng “ <i>Evangelii Nuntiandi</i> ”
PL: Giáo phụ (<i>Patrologiae Latinae Cursus Completus</i>)

PHẦN MỞ

THỜI ĐIỂM AN SỬNG VÀ CANH TÂN

Phần mở đầu trình bày ý nghĩa, mục đích và các hoạt động chính của Năm Thánh với mục đích mời gọi các tín hữu tham gia vào các hoạt động trong Năm Thánh. Phần này còn có ý khơi dậy nơi các tín hữu tâm tình hân hoan và tạ ơn khi nhìn lại từng chặng đường lịch sử Giáo Hội tại Việt Nam. Cụ thể, Dân Chúa sẽ được hướng dẫn để tìm hiểu về Năm Thánh và Lịch sử Giáo Hội Việt Nam.

TÌM HIỂU NĂM THÁNH

A. TRÌNH BÀY

Trong thư gửi Cộng Đồng Dân Chúa ngày 17.4.2009, Hội đồng Giám mục Việt Nam trình bày ý nghĩa, mục đích và hoạt động của Năm Thánh 2010 như sau:

“Nhu anh chị em biết, ngày 24.11.1960, Đức Thánh Cha Gioan XXIII đã ban hành Tông hiến Venerabilium Nostrorum, quyết định thiết lập Hàng Giáo Phẩm Việt Nam. Như thế, bước sang năm 2010, chúng ta sẽ kỷ niệm 50 thiết lập Hàng Giáo Phẩm Việt Nam, ghi nhớ một chặng đường lịch sử, đánh dấu sự phát triển của Giáo Hội tại Việt Nam. Chính vì thế, ngày 29.9.2008, chúng tôi đã gửi thư thỉnh nguyện lên Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI, xin phép mở Năm Thánh 2010. Chúng tôi vui mừng báo tin cho anh chị em: ngày 11.2.2009, qua thư của

Tòa Ân giải Tối Cao, Đức Thánh Cha đã chuẩn nhận thỉnh nguyện của Hội đồng Giám mục Việt Nam, cho phép cử hành Năm Thánh 2010, từ ngày lễ Các Thánh Tử Đạo Việt Nam 24.11.2009, đến lễ Hiến Linh 6.1.2011. Giáo Hội Việt Nam sẽ khai mạc Năm Thánh trọng thể tại Hà Nội và bế mạc bằng cuộc hành hương lớn tại Thánh Địa La Vang. Đặc biệt, vào tháng 11 năm 2010, chúng ta sẽ có Đại Hội Dân Chúa được tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh, quy tụ các đại diện của các giáo phận và mọi thành phần Dân Chúa, để cùng với Hội đồng Giám mục Việt Nam định hướng cho đời sống Giáo Hội trong tương lai. Ngoài những cử hành chung trong cả nước, mỗi giáo phận sẽ có những cử hành riêng tại địa phương nhằm tạo cơ hội cho tất cả mọi tín hữu tham gia tích cực vào việc cử hành và sống Năm Thánh đặc biệt này.

Cử hành năm Thánh 2010 là dịp để chúng ta cùng nhau nhìn lại chặng đường lịch sử đã qua trong tâm tình tạ ơn vì biết bao hồng ân Chúa ban, tạ ơn vì những hy sinh của các bậc tiền nhân, các ân nhân cũng như các chứng nhân đức tin; đồng thời tạ lỗi vì đã chưa bày tỏ được hình ảnh Giáo Hội như lòng Chúa mong ước. Đây cũng là cơ hội cho ta nhìn vào hiện tại với cặp mắt đức tin để phân định những thách đố cũng như những thuận lợi cho đời sống và sứ mạng của Giáo Hội. Đây còn là thời điểm thúc đẩy chúng ta nhìn tới tương lai với quyết tâm xây dựng một Giáo Hội như gia đình của Chúa, như cộng đoàn hiệp thông huynh đệ, và là cộng đoàn loan báo Tin Mừng Chúa Kitô nhằm phục vụ sự sống và phẩm giá của mọi người, nhất là những người nghèo khổ.

Để tạo điều kiện cho mọi thành phần Dân Chúa có thể tham gia tích cực vào việc cử hành Năm Thánh, chúng tôi sẽ thường xuyên gửi thông tin đến anh chị em qua trang web và qua tập san Hiệp Thông của Hội đồng Giám mục Việt Nam, cũng như qua những thông tin tại mỗi giáo xứ và cộng đoàn.

Chúng tôi tha thiết xin anh chị em tích cực tham gia vào việc cử hành Năm Thánh 2010 bằng nhiều hình thức: tham gia bằng cách cầu nguyện ngay từ bây giờ cho việc cử hành Năm Thánh đạt kết quả tốt đẹp; tham gia bằng cách xây dựng cộng đoàn và giáo xứ mà anh chị em đang hiện diện và phục vụ; tham gia bằng cách đóng góp ý kiến gửi về cho Ban Tổ Chức Năm Thánh. Chúng tôi cũng mong anh chị em tham gia bằng cách giúp Giáo Hội có ngân khoản cần thiết để lo chi phí tổ chức những sự kiện lớn trong Năm Thánh.”

Có nhiều hình thức kỷ niệm 50 năm thiết lập Hàng Giáo Phẩm Việt Nam, nhưng Hội đồng Giám mục Việt Nam chọn cử hành Năm Thánh. Cử hành này có nguồn gốc từ trong Cựu Ước. Năm Thánh hay Năm Toàn Xá là lễ của Do thái giáo được tổ chức 50 năm một lần để tưởng nhớ việc dân Israel được giải phóng khỏi Ai Cập, như Chúa đã dạy ông Môisen: “Các ngươi sẽ công bố năm thứ 50 là năm thánh và sẽ tuyên cáo trong xứ lệnh ân xá cho mọi người sống tại đó. Đối với các ngươi, đó là thời kỳ toàn xá: mọi người trong các ngươi sẽ trở về phần sở hữu của mình, mỗi người sẽ trở về dòng họ của mình” (Lv 25,10). Trong Giáo Hội Công Giáo, Năm Thánh chủ yếu là năm Đức Thánh Cha dành riêng để ban ân xá đặc biệt cho các tín hữu với những điều kiện đã quy định như xưng tội, rước lễ và cầu nguyện theo ý Đức Giáo Hoàng; ân xá có thể tha một phần hay tha hết mọi hình phạt tạm do tội đã phạm và đã được tha. Theo ý hướng này, Năm Thánh 2010, đối với Giáo Hội Việt Nam, là thời điểm của ân sủng và canh tân.

B. HỎI-ĐÁP

1- H. Hội đồng Giám mục Việt Nam mở Năm Thánh 2010 để làm gì?

8 – TÀI LIỆU HỌC HỎI TRONG NĂM THÁNH

T. Hội đồng Giám mục Việt Nam mở Năm Thánh 2010 để kỷ niệm 50 năm thành lập Hàng Giáo Phẩm, biến cố đánh dấu sự trưởng thành của Giáo Hội Việt Nam.

2- H. Đầu là ý nghĩa của Năm Thánh 2010?

T. Năm Thánh 2010 là dịp để chúng ta nhìn lại chặng đường lịch sử đã qua trong tâm tình tạ ơn và tạ lỗi cũng như tìm về cội nguồn nơi Ba Ngôi Thiên Chúa để biết mình là ai và có mặt tại Việt Nam để làm gì; kế đến, nhìn vào hiện tại với cặp mắt đức tin để nhận ra lời mời gọi của Thiên Chúa qua những dấu chỉ thời đại; cuối cùng, nhìn tới tương lai với quyết tâm xây dựng một Giáo Hội như lòng Chúa mong ước.

3- H. Năm Thánh 2010 khởi sự và kết thúc vào thời điểm nào?

T. Năm Thánh 2010 khởi sự từ lễ Các Thánh Tử Đạo Việt Nam 24 tháng 11 năm 2009 đến lễ Hiền Linh 6 tháng Giêng năm 2011. Giáo Hội tại Việt Nam sẽ khai mạc Năm Thánh cách trọng thể tại Hà Nội và bế mạc bằng cuộc hành hương lớn tại Thánh Địa La Vang.

4- H. Trong Năm Thánh 2010, Giáo Hội cử hành những gì?

T. Ngoài những cử hành chung trong cả nước, đặc biệt là Đại hội Dân Chúa được tổ chức vào tháng 11 năm 2010 tại Thành phố Hồ Chí Minh, mỗi giáo phận còn có những cử hành riêng nhằm tạo cơ hội cho mọi tín hữu tham gia tích cực vào cử hành và sống Năm Thánh đặc biệt này.

5- H. Chúng ta có thể làm những gì để tham gia tích cực vào việc cử hành Năm Thánh?

T. Để tham gia tích cực vào việc cử hành Năm Thánh, chúng ta có thể cầu nguyện cho việc cử hành Năm Thánh

đạt được kết quả tốt đẹp, học hỏi và tham gia các cử hành, nỗ lực xây dựng cộng đoàn và giáo xứ mà chúng ta đang hiện diện và phục vụ, đóng góp ý kiến cho Ban Tổ chức Năm Thánh, và giúp Giáo Hội có đủ ngân khoản chi phí cho việc tổ chức các sự kiện lớn trong Năm Thánh này.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Bạn biết gì về Năm Thánh nói chung và Năm Thánh 2010?
2. Đối với bạn, Năm Thánh 2010 có ý nghĩa như thế nào?
3. Bạn và cộng đoàn hay giáo xứ của bạn sẽ làm gì để tham gia và sống Năm Thánh 2010?

NHÌN LẠI CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ GIÁO HỘI HÌNH THÀNH TẠI VIỆT NAM

A. TRÌNH BÀY

“Cây có cội, nước có nguồn”. Sức sống của Hội Thánh hôm nay là thành quả của gần 500 năm hạt giống Tin Mừng được gieo trồng. Cũng là thành quả của gần 500 năm cây đức tin được vun xới và phát triển, gần năm trăm năm Hội Thánh chia sẻ muôn nỗi thăng trầm của quê hương, và cũng là gần 500 năm chan hòa hồng ân Thiên Chúa. Trong Thư Chung 1980, HĐGMVN viết: “Nhìn về quá khứ, chúng tôi cảm mến sâu sắc bàn tay nhân lành của Thiên Chúa, đã êm ái và mạnh mẽ hướng dẫn Hội Thánh Người trên đất nước Việt Nam của

chúng ta. Chúng tôi biết ơn công lao của vô vàn tín hữu đã làm sáng tỏ đức tin và lòng yêu nước của mình...” (số 17).

1. Hạt giống Tin Mừng được gieo vãi (Thế kỷ XVI)

Những tiến bộ của ngành hàng hải giúp Christophe Colomb đến được Mỹ Châu năm 1492, cũng đã nối dài những bước chân truyền giáo của các thừa sai vượt đại dương, đến quê hương Việt Nam. Năm 1533, theo Khâm Định Việt Sử (33,6b), chỉ dụ cấm đạo của vua Lê Trang Tôn đã nói đến một thừa sai tây phương tên I-Nê-Khu, men theo đường biển vào truyền đạo tại làng Ninh Cường, và làng Trà Lũ. Tiếp theo là dấu chân rao giảng của các linh mục dòng Đa Minh: Năm 1550, cha Gaspar Da Santa Cruz đến giảng đạo tại Hà Tiên; Năm 1588, hai cha Luis de Fonseca và Grégoire de la Motte bị vua Chiêm Thành hãm hại tại Quảng Nam. Trước đó, năm 1583, do lời mời của nhà Mạc, các linh mục dòng Phaxicô đã đến Bắc Hà. Cha Bartôlômêô Ruiz đã giảng đạo bằng tranh ảnh tôn giáo. Sự kiện nổi bật cuối thế kỷ XVI (1591) là việc trở lại của công chúa Mai Hoa (Maria Flora) tại Thanh Hóa, do linh mục Ordoñez. Hiện nay tại An Trường (Thanh Hóa) vẫn còn một nền nhà thờ và một giếng Da-tô do công chúa cho đào.

Người tín hữu đầu tiên. Dựa vào gia phả nhà họ Đỗ, cụ Đỗ Hưng Viễn, người làng Bồng Trung tỉnh Thanh Hóa, được coi là tín hữu Việt Nam tiên khởi. Cụ đi sứ và được rửa tội tại Macao thời vua Lê Anh Tôn (1573), nhưng con cái không ai theo đạo.

2. Và những người đầu tiên

Việc các cha dòng Tên, dưới sự điều hành của cha Buzomi đến Cửa Hàn, Quảng Nam, năm 1615, đã khai mở một giai đoạn mới trong lịch sử truyền giáo. Thừa hưởng kinh nghiệm “hội nhập văn hóa” của cha Matteo Ricci tại Trung Hoa và

Valignanô tại Nhật Bản, các vị quan tâm đặc biệt đến việc học ngôn ngữ, phong tục dân Việt, và giảng đạo bằng tiếng Việt. Thế là chỉ trong vài chục năm, Tin Mừng đã đi vào văn hóa Việt Nam.

Các tín hữu Việt Nam tiên khởi đã đóng góp vai trò rất lớn lao trong công trình ấy. Ngoài việc giúp các thừa sai học tiếng, các vị còn phiên dịch kinh sách và giáo lý ra chữ Nôm để phổ biến. Sử sách còn nhắc đến cụ nghệ Giuse, sư cụ Manuel giúp cha Pina ở Quảng Nam, đến cụ Gioakim giúp cha Đắc Lộ ở An Vực (Thanh Hóa) và những vần thơ văn của công chúa Catarina: “lịch sử đạo Thiên Chúa từ tạo thiên lập địa đến khi Chúa xuống thế...”. “... Thơ văn đó được các người có đạo truyền tụng nhau, họ ngâm lên lúc làm việc ở nhà, ở ngoài đồng hay lúc đi đường”. Phần lớn những bài văn dâng hoa cổ và cung giọng ngấm “15 sự thương khó” hiện nay, cũng đã xuất phát từ giai đoạn này.

Nếu người ta quan tâm nhiều hơn đến việc hình thành chữ quốc ngữ trong giai đoạn này, được ổn định năm 1651, khi cha Đắc Lộ cho xuất bản tại Rôma tự điển Việt-Bồ-La, sách văn phạm An Nam và cuốn song ngữ “Phép giảng tám ngày”; thì cũng đừng quên những tác phẩm tôn giáo bằng chữ Nôm; thừa sai Majorica với 48 tác phẩm về suy niệm và hạnh các Thánh; một giáo hữu Quảng Ngãi là Gioan Thanh Minh với 15 thi phẩm về tiểu sử các Thánh; và nhất là linh mục Lu-y Đoan với tập thơ lục bát “Sấm truyền ca” (1670) viết lại truyện Cựu Ước, với nhiều điển tích và thành ngữ Á Đông.

Cộng tác với thừa sai, còn có một đội ngũ đông đảo các tín hữu Việt Nam, hiến toàn thân cho việc tông đồ, đó là các thầy giảng. Các thầy tuyên khấn độc thân, để tài sản chung và vâng lời thầy bề trên (lớp đầu tại Kẻ Chợ, Hà Nội năm 1630; tại Cửa Hàn Quảng Nam năm 1643). Các thầy giảng hỗ trợ các thừa sai

trong việc giảng dạy giáo lý, điều hành và duy trì các cộng đoàn Dân Chúa, khi các ngài bị trục xuất hoặc vắng mặt.

Những chứng nhân đức tin đầu tiên:

– Tại Đàng Ngoài: Năm 1630, anh Phanxicô, dù bị chủ là một hoàng thân căm đoán, vẫn tiếp tục chôn xác người chết, nên bị giam, tra tấn và bị giết.

– Tại Đàng Trong: Năm 1644, Thầy Anrê Phú Yên bị bắt tại nhà cha Đắc Lộ. Dù bị quan quân đe dọa, thầy không bỏ đạo, nên bị chém đầu, trên môi còn mấp máy Danh Đức Giêsu. Ngày 05-03-2000 Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã tôn phong Thầy Anrê Phú Yên lên bậc Chân phước.

Nói về tín hữu Việt Nam thời này, cha Đắc Lộ viết: “... Điều làm tôi cảm động hơn hết là thấy ở xứ đó, bao nhiêu người Công Giáo là bấy nhiêu Thiên Thần, và ơn Phép Rửa đã ban cho họ một tinh thần mà chúng ta gặp thấy ở các Tông Đồ và các Thánh Tử Đạo tiên khởi...”.

(Trích “Lược Sử Hội Thánh Công Giáo Tại Việt Nam” trong *Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo* của HĐGMVN, trang 105-107)

B. HỎI-ĐÁP

1- H. Tin Mừng đến Việt Nam từ bao giờ?

T. Năm 1533, theo Khâm Định Việt Sử, chỉ dụ cấm đạo của vua Lê Trang Tôn đã nói đến một thừa sai Tây phương tên là I-nê-khu đã theo đường biển vào truyền đạo tại hai làng Ninh Cường và Trà Lũ thuộc tỉnh Nam Định ngày nay. Từ đó, hạt giống Tin Mừng đã lớn lên và trở sinh nhiều hoa trái.

2- H. Để rao giảng Tin Mừng, các vị thừa sai đầu tiên đã làm gì?

T. Các vị thừa sai đã hòa mình vào xã hội và hòa nhập vào văn hóa gia đình Việt Nam, đặc biệt sáng tạo và hoàn thành chữ Quốc ngữ với sự cộng tác của một số người Việt trong tu hội Thầy giảng.

3- H. Các tín hữu đầu tiên đã cộng tác thế nào với các vị thừa sai trong công cuộc rao giảng Tin Mừng ?

T. Các tín hữu đầu tiên đã giúp các vị thừa sai học ngôn ngữ và làm quen với phong tục Việt Nam, để các ngài có thể giảng đạo bằng tiếng Việt Nam. Các thầy giảng còn giúp các ngài trong việc dạy giáo lý, điều hành, và duy trì các cộng đoàn Dân Chúa.

4- H. Ai là những chứng nhân đức tin đầu tiên tại Việt Nam?

T. Tại Đàng Ngoài (miền Bắc) có anh Phanxicô, làm việc bác ái mà bị tra tấn và bị giết năm 1630. Tại Đàng Trong (miền Nam), có thầy Anrê Phú Yên là học trò của cha Đắc Lộ, bị chém đầu ngày 26-7-1644.

5- H. Các tín hữu đầu tiên được đồng bào lương yêu thương gọi là gì?

T. Các tín hữu đầu tiên yêu thương nhau đến nỗi đồng bào lương gọi các ngài là những người theo **đạo Yêu nhau**.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Khi nhìn lại chặng đường lịch sử này, bạn tâm đắc điều gì? Tại sao?

2. Trước những nỗ lực rao giảng Tin Mừng của các vị thừa sai đầu tiên, bạn cảm thấy thế nào?

3. Bạn có thấy cộng đoàn tín hữu đầu tiên thật tuyệt vời không?
Theo bạn, tuyệt vời ở điểm nào?

NHÌN LẠI CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ GIÁO HỘI PHÁT TRIỂN TẠI VIỆT NAM

A. TRÌNH BÀY

Năm 1622 là khúc ngoặt quan trọng trong lịch sử truyền giáo của Hội Thánh. Trước những lạm dụng của các vị vua Bảo Trợ, Tòa Thánh lấy lại quyền điều hành việc truyền giáo, và thiết lập Thánh Bộ Truyền Bá Đức Tin (1622), Thánh Bộ đã kiểm tra lại toàn bộ sinh hoạt truyền giáo trên thế giới, và cung cấp nhiều phương tiện truyền giáo như: mở nhà in đa ngữ, hỗ trợ tài chính, gửi các sách phụng vụ và giáo lý, lập chủng viện Urbano 1627, để đào tạo các chủng sinh ở các miền truyền giáo gửi về, lập ra chức Giám quản Tông Tòa cho các giám mục miền truyền giáo, trực thuộc Tòa Thánh. Phương pháp truyền giáo ở các nơi đều phải tuân theo sự hướng dẫn của Thánh Bộ, dựa trên bản Huấn Thị 1659, với những chỉ thị tích cực: “Các thừa sai phải được huấn luyện theo luật bác ái Tin Mừng, biết thích nghi với phong tục và tính tình người khác... Công việc trước mắt của chư huynh là đưa những người địa phương, xứng đáng lên chức linh mục và cả giám mục nữa... Hãy rao giảng cho tín hữu bản phận trung thành với chính quyền... Đừng đưa vào nước họ đất nước của mình, mà là Đức Tin, Đức Tin này không hề khai trừ hay làm tổn thương những nghi lễ tập tục của bất cứ dân tộc nào cả...”

Cũng năm đó, ngày 9-9-1659. Tòa Thánh thiết lập hai giáo phận trên đất Việt, và đặt hai Giám Quản Tông Tòa đầu tiên:

– Giáo phận Đàng Trong: từ sông Gianh trở vào, với Đức cha Lambert de la Motte.

– Giáo phận Đàng Ngoài: từ sông Gianh trở ra, với Đức cha François Pallu.

Trải qua ba trăm năm (từ 1659-1960). Hội Thánh Việt Nam đã phát triển trong sự chăm sóc của nhiều đơn vị thừa sai; với sự đóng góp rất lớn lao của các linh mục và tu sĩ Việt Nam; đã đồng hành cùng dân tộc trong mọi biến cố, và đã tích cực làm chứng cho niềm Tin bằng nhiều hoạt động bác ái phục vụ, cũng như bằng chính cả mạng sống mình.

1. Những vòng tay thân ái

Năm trong sự điều hành chung của Thánh Bộ Truyền Giáo, tuổi thơ của Hội Thánh Việt Nam đã được biết bao trái tim và bàn tay các tín hữu khắp bốn phương săn sóc và dưỡng nuôi: Các nhà truyền giáo tại Việt Nam, linh mục hoặc tu sĩ nam nữ, thuộc nhiều quốc tịch như Pháp, Tây Ban Nha, Ý, Đức, Bỉ, Ái Nhĩ Lan, Gia Nã Đại, Hoa Kỳ, Trung Hoa... Các ngài đã sẵn sàng từ bỏ quê cha đất tổ, để đến hoạt động tại Việt Nam, và ước nguyện được phục vụ Tin Mừng trên giải đất này. Các ngài đã chấp nhận nếp sống thiếu thốn tiện nghi, cư ngụ trong các mái nhà tranh vách đất, chịu đựng khí hậu nóng bỏng của vùng nhiệt đới, chấp nhận cả những ngược đãi, hiểu lầm. Trong những tập thể đóng góp nhiều công sức nhất cho chúng ta có ngày hôm nay, phải kể đến Hội Thừa Sai Paris, Dòng Đaminh, Dòng Tên, và Dòng Phanxicô.

Hàng ngàn thành viên Hội Thừa Sai Paris đã đảm nhiệm toàn bộ khu vực địa phận Tây Đàng Ngoài (nay là các địa phận

Hà Nội, Vinh, Hưng Hóa, Phát Diệm và Thanh Hóa), và khu vực địa phận Đàng Trong (nay là 15 địa phận thuộc giáo tỉnh Huế và Sài Gòn) suốt 300 năm, trước khi giao lại cho hàng Giáo phẩm Việt Nam.

Tương tự như thế là dòng Đa Minh với địa phận Đông Đàng Ngoài (nay là các địa phận Hải Phòng, Bùi Chu, Bắc Ninh, Thái Bình và Lạng Sơn), với 243 thừa sai Tây Ban Nha và 134 linh mục Dòng người Việt.

Ngoài ra Dòng Tên, sau 1659 vẫn còn một số thừa sai hoạt động tại Đàng Trong đến năm 1783, và Đàng Ngoài đến 1802. Riêng Dòng Phanxicô, với hơn một thế kỷ (từ 1719-1834), đã thiết lập thêm hàng trăm giáo xứ mới tại miền Trung và miền Nam. Từ năm 1862, khi vua Tự Đức chấp thuận cho việc giảng đạo, số các Dòng Tu đến trên giải đất hình chữ “S” này ngày càng nhiều, và đảm nhiệm những sinh hoạt ngày càng đa dạng.

– Dòng Nữ có các Dòng: Phaolô thành Chartres (1860), Dòng kín Cát minh (1862), Chúa Quan Phòng (1876), Đức Bà Truyền Giáo (1924), Vinh Sơn Phaolô (1925), Nữ Tá Quốc Tế, Biển Đức và Tiểu Muội (1954), Nữ tu Đấng Chấn Chiên Lành (1958), Con Đức Mẹ Phù Hộ Salésian và Nữ Tỳ Đức Giêsu - Mẹ Maria (1961), tu hội Dân Truyền (1964) và dòng Phaolô Thiện Bản (1974).

– Dòng Nam có các Dòng: Lasan (1866), Đaminh Lyon (1902), Chúa Cứu Thế (1925), Phanxicô (1928), Tu hội Xuân Bích (1933), Đan viện Xitô Mỹ Ca (1933), Biển Đức (1935), Gioan Thiên Chúa (1952), Don Bosco (1952), Tiểu Đệ Đức Giêsu (1953), Lazariste (1954), Dòng Tên (1957), Đức Mẹ Người nghèo (1970) và Dòng Thánh Thể (1971).

Ngoài ra chúng ta không thể quên những “đồng xu mỗi tuần” của hàng triệu tín hữu khắp nơi, tham gia vào các Hội

Truyền Bá Đức Tin ở Lyon (1822), Hội Thánh Nhi (1843) nhằm giúp trẻ em miền truyền giáo, và Hội Thánh Phêrô (1893) giúp các chủng viện truyền giáo. Cũng không thể quên, đằng sau các nhà truyền giáo là tập thể các Dòng tu quốc tế, sẵn sàng yểm trợ các chương trình từ thiện, tặng học bổng... Và cũng thế, làm sao quên được hàng triệu các thân hữu, và ân nhân khắp hoàn cầu, mỗi ngày dâng lời cầu nguyện cho Hội Thánh Việt Nam.

2. Đảm nhận vận mệnh chính mình

Đọc lại lịch sử Giáo Hội Việt Nam, người ta thấy ngoài vai trò của các thừa sai nước ngoài, việc phát triển của Hội Thánh đã nhờ vào chính những người Việt thiện chí và hăng say, dâng hiến trọn cuộc sống cho Nước Trời, đưa Tin Mừng đến khắp các hang cùng ngõ hẻm, và nuôi dưỡng đời sống đức tin cho anh em mình, đó là các linh mục và tu sĩ Việt Nam.

a. Hàng giáo sĩ Việt Nam. Năm 1668, Đức cha Lambert đã đặt tay truyền chức cho bốn linh mục tiên khởi tại Juthia, Thái Lan là: Cha Giuse Trang, cha Luca Bền, (thuộc Đàng Trong) cha Bênêdictô Hiền, Gioan Huệ (thuộc Đàng Ngoài) và năm sau, thêm bảy tân linh mục khác thuộc Đàng Ngoài. Chín linh mục Đàng Ngoài đã cùng với Đức Cha Lambert và ba thừa sai, họp Công Đồng đầu tiên của Hội Thánh Việt Nam tại phố Hiến, tháng 2-1670. Các vị đã cùng nhau đưa ra một chương trình hoạt động, chia giáo xứ, chọn thánh Giuse làm bản mạng, và ấn định việc đào tạo chủng sinh qua tổ chức nhà Đức Chúa Trời. Với tổ chức Nhà Đức Chúa Trời, từ nay, mỗi giáo xứ ổn định đều trở thành một “tiểu chủng viện” ươm trồng ơn gọi. Những người có khả năng sẽ được chọn gọi vào chủng viện, hoặc vào trường Kê Giảng để trở thành linh mục hoặc thầy giảng. Chính nhờ đó, Hội Thánh Việt Nam không bao giờ thiếu linh mục, kể cả trong những giai đoạn bách hại gay go nhất, khi

toàn bộ các thừa sai bị trục xuất. Không kể các chủng viện liên địa phận tại Juthia (1665), Pondichéry, Ấn Độ (1769-1782), và Pénang, Mã Lai Á (từ 1807), đã có biết bao linh mục xuất thân từ các chủng viện:

– Miền Nam tại Hà Tiên (1776) dời lên Tân Triều, Biên Hòa (1778), rồi Mỹ Tho (1783), và Lái Thiêu (1789-1832).

– Miền Trung tại Thợ Đúc, Huế (1739-1750), rồi Bình Định, mới đầu ở Dinh Cát (1782), sau ở Hòa Ninh (1784) và An Ninh (1801-1820).

– Miền Bắc có chủng viện Nghệ An (1685). Kẻ Lô (1697). Kiên Lao (1683), Kẻ Cốc, Bắc Ninh (1684), Lục Thủy, Bùi Chu (1686) và Kẻ Bù (1773).

Sau này, mỗi địa phận mới được thành lập, lại đi kèm với các chủng viện mới. Thống kê sau đây cho ta thấy mức phát triển của hàng giáo sĩ Việt Nam qua các giai đoạn: 43 linh mục năm 1700, 119 vị năm 1800, 385 vị năm 1900, 1158 vị năm 1933 và năm 1963 số linh mục Việt Nam đã lên đến 2018 (393 linh mục Dòng).

b. Các dòng tu Việt Nam (thế kỷ XVII - XIX). “Hội Thánh Việt Nam từ thuở khai nguyên, đã được Thiên Chúa ban cho một quà tặng quý báu là Dòng Mến Thánh Giá, như một cánh tay hữu hình của Chúa Kitô, để cộng tác với Hội Thầy Giảng, hàng giáo sĩ bản quốc, và các quý chức xây dựng nhiệm thể Chúa Cứu Thế...” Dòng Mến Thánh Giá là hội dòng nữ đầu tiên mang bản sắc Á Châu và hướng hẳn về việc truyền giáo cho lương dân. Quả thực, ngay từ đầu năm 1670 (thứ tư Lễ Tro), Đức Cha Lambert đã nhận lời khẩn của hai nữ tu tiên khởi Anê và Paula, tại Kiên Lao; đã soạn thảo và ban hành hiến pháp Dòng. Năm sau, ngài thiết lập thêm một cộng đoàn tại Quảng Ngãi. Kể từ đó, dần dần nữ tu Mến Thánh Giá có mặt

trên các miền đất nước, giữ ba lời khấn, sống cộng đoàn và liên kết với nhau: giáo dục giới trẻ về văn hóa và đức tin, phục vụ bệnh nhân, bảo vệ trẻ thơ và góp phần thăng tiến nữ giới bằng giáo dục và hướng nghiệp. Năm 1854, Đức Cha Retord Liêu đã gửi tin về Châu Âu: “Dòng Mến Thánh Giá có 72 nhà, 1600 chị em; và đã rửa tội hơn 51.000 trẻ em hấp hối”.

Tại miền Truyền giáo thuộc dòng Đaminh, ngoài các nữ tu Mến Thánh Giá, còn có đông đảo các chị em Đaminh Dòng Ba Sống Chung. Kể từ thời cha chính Bustamante Hy, nhà phước Đaminh đầu tiên được lập ở Trung Linh năm 1715. Về tinh thần, chị em học theo gương Thánh Phụ Đaminh và các Thánh Dòng; về tổ chức, chị em như một tu hội có lời khấn tỵ, còn về hoạt động thì tương tự các nữ tu Mến Thánh Giá. Thống kê của cha chính Alonso Phê năm 1780 cho biết trong khu vực Đaminh có 5 nhà Mến Thánh Giá (48 dì) và 12 nhà nữ Đaminh (178 dì). Đến năm 1933, số nữ tu Đaminh tại bốn địa phận Dòng là 780.

Cuối thế kỷ XIX nhiều Dòng tu mới đã được thành lập tại Việt Nam:

– Dòng Nam gồm có: Kitô Vua, Cái Nhum (1870), Sư huynh Thánh Tâm Huế (1925), Thánh Giuse Nha Trang (1926), Qui Nhơn (1928), Đức Mẹ Đồng Công (1953); các tu hội: Nhập Thể Tận Hiến (1969), Thánh Gia Long Xuyên (1970), Nhà Chúa (1971), Đắc Lộ (1957), Gioan Tiền Sử (1974), Truyền Giáo Cần Thơ (1963), Gia đình Na-Gia (1964). Riêng Dòng Phước Sơn được lập năm 1920, đã gia nhập gia đình Xitô năm 1934, được nâng lên thành chi dòng Thánh Gia năm 1964 (gồm các Đan viện Phước Sơn 1920, Châu Sơn 1936, Phước Lý 1952, Châu Sơn Đà Lạt 1957 và Châu Thủy Bình Tuy 1972).

– Dòng Nữ gồm có: Con Đức Mẹ Vô Nhiễm (1920), Con Đức Mẹ Thăm Viếng (1937), Con Đức Mẹ Mãn Côi (1946), Nữ Tu Ảnh Phép lạ Kontum (1947), Trinh Vương (1953), Khiết Tâm Nha Trang (1961), Tu hội Nữ Tỳ Đức Giêsu Linh Mục (1966, thành hội dòng 1987), Con Đức Mẹ Bình Thủy Cần Thơ (1967), Nữ Vương Hòa Bình (1969, Ban Mê Thuộc), Tu hội Nhập Thể Tận Hiến (1969). Ngoài ra còn một số tu hội thử nghiệm như: Tôi Tá Thánh Linh, Nữ Thánh Tâm, Nữ Tá Truyền Giáo, Nữ Tu Lasan, Nữ Tỳ Thiên Chúa, Nữ tu Thánh Thể, Chúa Hải Đồng, và một số các Gia Đình Bác Ái (Foyers de charité).

3. Dẫn thân phục vụ con người

Với tỷ lệ nhỏ nhoi trong cộng đồng dân tộc, Hội Thánh thực ra chỉ tham gia một phần nào với sự nghiệp chung của đồng bào. Thế nhưng, Hội Thánh vẫn canh cánh bên lòng mỗi bận tâm phục vụ cho công cuộc con người ngày càng tươi sáng, tiến bộ và bình an, đã để lại những chứng tá tập thể đặc biệt về mặt an sinh, giáo dục và bác ái từ thiện.

Góp phần vào sự sống còn của quê hương, đã có không ít tín hữu tham gia quân đội của Tây Sơn, nhiều người còn giữ những vị trí chỉ huy. Trong phong trào yêu nước thời cận đại, sử sách ghi lại danh tính nhiều nhân vật, như linh mục Đặng Đức Tuấn, như Nguyễn Trường Tộ, linh mục Nguyễn Điều, Đội Vũ, Lãnh Phiên, thầy già Mai Lão Bạng, hoặc các linh mục Đậu Quang Lĩnh, Nguyễn Tường, Nguyễn Thành Đồng... Các vị đã đóng góp phần tim óc để “Hiến Bình Tây Sách” để “Tế cấp luận”, và đóng góp phần xương máu trên những chặng đường dài đầy chông gai, để dành độc lập cho dân tộc.

Trong hướng an sinh, các tín hữu cùng nhịp bước với mọi người trong bối cảnh kinh tế khó khăn: từ những đoàn người đông đảo theo chân cụ Nguyễn Công Trứ đến lập cư tại Tiền

Hải, Thái Bình và Kim Sơn, Ninh Bình; cho tới những đoàn người theo kế hoạch của Chúa Nguyễn, đến an cư lập nghiệp ngay từ giai đoạn đầu Môi Xuy, Biên Hòa. Rồi qua những năm tháng lịch sử, tương tự những đơn viện thời Trung Cổ làm nên những làng mạc Âu Châu, các linh mục đã dẫn dân đi “lập trại” biến những khu vực hoang vu thành khu dân cư đông đảo, sinh hoạt sầm uất.

Trong lãnh vực giáo dục và xã hội, hầu như bất cứ nhà thờ hay tu viện nào cũng kèm theo trường học và tổ chức bác ái từ thiện, như những lớp miễn phí, những bệnh viện hoặc trạm xá, xin đơn cử một thống kê của các địa phận miền Trung và miền Nam vào năm 1969. Các nhà thờ và dòng tu đã đảm nhiệm tất cả:

- 1030 trường tiểu học, với 345.756 học sinh (25% không công giáo).
- 226 trường trung học, 152.928 học sinh (46% không công giáo).
- 41 bệnh viện, với 7.000 giường.
- 239 trạm phát thuốc, 36 nhà hộ sinh, 29 nhà dưỡng lão.
- 9 trại phong, với 2.500 bệnh nhân.
- 82 cô nhi viện chăm sóc 11.000 em.

Dĩ nhiên những con số ấy cũng chưa nhiều, nhưng cũng đủ nhắc nhở người tín hữu hôm nay, theo cách thế của mình, nối tiếp vào truyền thống mục vụ ấy.

4. Lớn lên trong thử thách

Trước hiểm họa thực dân Pháp, triều đình Nhà Nguyễn phải chọn một trong hai con đường: hoặc là tiến hành cải cách trong nước, mở rộng bang giao để bảo toàn chủ quyền; hoặc là chìm đắm trong chính sách thủ cựu, tự cô lập, cố gắng duy trì

chế độ quân chủ chuyên chế lạc hậu. Và triều đình đã chọn con đường thứ hai: dùng những điều luật hà khắc để trừng trị mọi hành vi bị coi như là chống đối, và thi hành những chính sách cấm đạo Giatô ngặt nghèo. Phân tích lý do việc cấm đạo là trách nhiệm của khoa lịch sử, trong khi đó, 14 chỉ dụ cấm đạo từ 1833-1862 là một thực tế lịch sử.

Và, chính giữa bối cảnh khó khăn đó, niềm tin của người Kitô hữu được thanh luyện. Khi mà việc giữ đạo chẳng đem lại cho họ một lợi tức nào cụ thể, số Kitô hữu vẫn tiếp tục gia tăng, từ 320.000 năm 1800, lên 426.000 năm 1855. Số địa phận từ 3 nâng lên thành 8 địa phận năm 1850, và 13 địa phận năm 1933.

Trong số những người đổ máu đào minh chứng cho niềm tin: 117 vị đã được suy tôn chân phước trong 4 đợt: Đức Lêô XIII suy tôn 64 vị năm 1900; Đức Piô X suy tôn 8 vị năm 1906, và 20 vị năm 1909; Đức Piô XII suy tôn 25 vị năm 1951. Thành Phần gồm 8 giám mục, 50 linh mục, 1 chủng sinh, 14 thầy giảng và 44 giáo dân. Tất cả đã được Đức Gioan Phaolô II suy tôn Hiển Thánh ngày 19-6-1988.

Các địa phận mới được thành lập trước 1933:

– Tại Đàng Ngoài: Vinh (1846), Bùi Chu (1848), Bắc Ninh (1883), Hưng Hóa (1895), Phát Diệm (1901), Lạng Sơn (1913), Thanh Hóa (1932).

– Địa phận Đàng Trong: năm 1844 được chia thành 2 địa phận Đông (Qui Nhơn) và Tây (Sài Gòn) tách ra thêm các địa phận Huế (1950), Nam Vang (1950) và Kontum (1932). Năm 1933, Hội Thánh Việt Nam có Giám Mục tiên khởi là Đức Cha J.B. Nguyễn Bá Tòng, khởi sự cho giai đoạn mới, giai đoạn tiến triển đến trưởng thành.

(Trích “Lược Sử Hội Thánh Công Giáo Tại Việt Nam” trong *Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo* của HĐGMVN, trang 107-114)

B. HỎI-ĐÁP

1- H. Các giáo phận đầu tiên tại Việt Nam được thiết lập khi nào?

T. Ngày 9.9.1659, Toà Thánh đã thiết lập 2 giáo phận đầu tiên trên đất Việt Nam và đặt hai Giám quản tông toà: miền Nam (Đàng Trong) với Đức Giám mục Lambert de la Motte và miền Bắc (Đàng Ngoài) với Đức Giám mục François Pallu.

2- H. Những linh mục đầu tiên người Việt Nam là ai?

T. Đàng Trong có các linh mục Giuse Trang và Luca Bền, còn Đàng Ngoài có các linh mục Bê-nê-đi-cô Hiên và Gioan Huệ. Tất cả đều được Đức Giám mục Lambert de la Motte truyền chức tại Thái Lan.

3- H. Công đồng đầu tiên của Giáo Hội tại Việt Nam được tổ chức tại đâu?

T. Công đồng đầu tiên của Giáo Hội tại Việt Nam được tổ chức tại Phố Hiến (Hưng Yên) vào tháng 2 năm 1670 dưới quyền chủ toạ của Đức Giám mục Lambert de la Motte.

4- H. Nội dung của công đồng gồm những gì?

T. Công đồng đã đưa ra một chương trình hoạt động: chia giáo xứ, chọn thánh Giuse làm bổn mạng Giáo Hội tại Việt Nam và ấn định việc đào tạo chủng sinh qua tổ chức Nhà Đức Chúa Trời.

5- H. Các Kitô hữu Việt Nam đã sống đức tin thế nào?

T. Các Kitô hữu Việt Nam đã kiên cường giữ vững đức tin; hàng trăm ngàn đã phải đổ máu đào để minh chứng cho đức tin của mình. Trong số đó, có 117 vị tử đạo gồm 8 giám mục, 50 linh mục, 59 giáo dân đã được Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II tôn phong lên bậc hiển thánh ngày 19 tháng 6 năm 1988. Ngoài ra còn có thầy giảng Anrê Phú Yên được Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II tôn phong chân phước ngày 5 tháng 3 năm 2000.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Ngay từ thuở đầu, Giáo Hội Việt Nam đã được biết bao trái tim và bàn tay các tín hữu khắp bốn phương săn sóc và dưỡng nuôi. Sự kiện này gợi lên cho bạn những cảm nghĩ và tâm tình nào?
2. Công đồng đầu tiên của Giáo Hội Việt Nam đã được tổ chức tại Phó Hiến (Hưng Yên) vào tháng 2 năm 1670 dưới quyền chủ tọa của Đức Giám mục Lambert de la Motte. Theo bạn, Công đồng là gì? Công đồng có ý nghĩa và vai trò nào trong đời sống của Giáo Hội?
3. Kể lại cuộc đời và chứng từ của một vị thánh tử đạo tại Việt Nam mà bạn tôn kính và mến yêu.

NHÌN LẠI CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ GIÁO HỘI TRƯỞNG THÀNH TẠI VIỆT NAM

A. TRÌNH BÀY

Việc thành lập hàng giáo phẩm địa phương, vốn là ước vọng của Thánh Bộ Truyền Giáo ngay từ bản huấn thị 1659, nhưng trong thực tế, phải đến thế kỷ XX mới thành sự thật. Năm 1846, Đức Piô IX đã đưa ra những chỉ thị rất cụ thể: “Phải hủy bỏ tập tục chỉ chấp nhận một hàng giáo sĩ bản xứ phụ thuộc. Những người làm việc Tin Mừng, dù thuộc xứ nào, đều bình đẳng”. Sau đó, Đức Lêô XIII đã đẩy công việc nhanh hơn bằng cách lập các Tòa Khâm Sứ, trước tiên là tại Ấn Độ (1884) rồi đến Hoa Kỳ và Canada (1898). Đến thời Đức Piô XI, Việt Nam có Tòa Khâm Sứ tại Huế năm 1925. Chính dưới thời Đức Piô XI, nhiều quốc gia thuộc miền truyền giáo có Giám mục: Ấn Độ (1923), Trung Hoa (1926), Nhật Bản (1927) và Việt Nam (1933). Đặc biệt kỳ đó, Tòa Thánh không chỉ hỏi ý kiến các thừa sai, mà cả ý kiến các linh mục Việt Nam tại Sài Gòn năm 1925, và tại Huế 1930. Kể từ đây sinh hoạt của Giáo Hội Việt Nam linh động hẳn lên: đón nhận nhiều Dòng Tu quốc tế, thành lập và cải tổ các Dòng Tu trong nước, số linh mục Việt ngày càng đông đảo, số địa phận ngày càng gia tăng. Các địa phận mới được thiết lập là: Thái Bình (1936), Vĩnh Long (1938), Cần Thơ (1955) và Nha Trang (1957).

1. Ngày lịch sử 24-11-1960

Qua Tông Hiến *Venerabilium Nostrorum*, ngày 24-11-1960, Đức Gioan XXIII đã thiết lập thêm ba địa phận mới là Đà Lạt, Mỹ Tho và Long Xuyên, tuyên bố thiết lập ba Giáo

Tỉnh (Hà Nội, Huế, Sài Gòn) và bổ nhiệm các giám mục chính tòa. Số giáo phận tại Việt Nam lúc này là 20, được phân chia như sau: Hà Nội 10, Huế 4 và Sài Gòn 6. Đứng đầu ba Giáo Tỉnh là ba Tổng Giám Mục Giuse Trịnh Như Khuê, Phêrô Ngô Đình Thục và Phaolô Nguyễn Văn Bình. Chỉ trừ hai giáo phận Nha Trang (Đức Cha Piquet Lợi), và Kontum (Đức Cha Seitz Kim), 18 Giáo phận còn lại đều do các giám mục Việt Nam phụ trách. Việc thiết lập hàng giáo phẩm Việt Nam năm 1960 quả là một bước ngoặt đáng ghi nhớ. Hạt giống Tin Mừng đã được gieo trồng suốt bốn thế kỷ, nay đơm bông kết trái trong bối cảnh Công Đồng Vaticanô II đã đưa người người tín hữu Việt Nam vào trào lưu chung của Hội Thánh toàn cầu: trở về nguồn Tin Mừng và canh tân thích nghi với thời đại; cởi mở và đối thoại với mọi nền văn hóa, cùng chung âu lo và hy vọng với mọi người, để dần thân phục vụ xã hội ngày càng đa dạng và phong phú hơn.

2. Nhìn lại một chặng đường ...

Sau 1960, sáu địa phận khác được thành lập là Đà Nẵng (1963), Xuân Lộc (1966), Phú Cường (1966), Ban Mê Thuột (1967), Phan Thiết (1975), và Bà Rịa (2005) nâng tổng số giáo phận Việt Nam hiện nay lên 26 địa phận (Hà Nội 10, Huế 6, Sài Gòn 10). Không kể 3 giám mục ở hải ngoại, tính đến tháng 5 năm 2010 đã có 104 giám mục Việt Nam. Từ năm 1975, trong bối cảnh đất nước thống nhất, Hội Thánh Việt Nam ở hai miền Nam Bắc được sum họp một nhà. Kể từ 1980, Đại hội các Giám mục toàn quốc đã được tiến hành hằng năm, và Hội Thánh Việt Nam khẳng định ý muốn là “Hội Thánh Chúa Giêsu Kitô trong lòng dân tộc Việt Nam, để phục vụ hạnh phúc của đồng bào” (x. Thư chung 1980).

Nhìn lại lịch sử hơn 400 năm, như Mẹ MARIA, người tín hữu Việt Nam cất cao lời ngợi khen và cảm tạ Thiên Chúa, vì

khi quay nhìn quá khứ với cặp mắt đức tin, ta nhận ra Chúa hằng hiện diện và đồng hành với Hội Thánh trong từng bước đi, dù khi thành công hay thất bại, dù lúc chan hòa ánh sáng hay bóng tối đong đầy. Nhìn lại lịch sử hơn 400 năm, người tín hữu Việt Nam cũng ý thức rằng đức tin mà mình lãnh nhận, đã được gieo trồng và vun xới bằng mồ hôi và nước mắt; hơn nữa bằng cả máu đào của tiền nhân. Vì thế, phải hết sức trân trọng, gìn giữ và phát huy đức tin ấy bằng cả cuộc đời. Hơn thế nữa, nếu đức tin là hồng ân đã lãnh nhận xuyên qua gian khổ của tiền nhân, người tín hữu Việt Nam hôm nay phải tiếp tục công trình của cha ông trong nỗ lực truyền giáo, để tinh thần Phúc Âm được thâm nhập vào mọi thực tại xã hội, và quê hương Việt Nam thân yêu được phát triển theo hướng đi của Nước Trời, Nước Công Chính, Yêu Thương và An Bình. MARANATHA, Lạy Chúa GIÊSU, Xin Ngài đến! (Kh 22,20).

(Trích “Lược Sử Hội Thánh Công Giáo Tại Việt Nam” trong *Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo* của HĐGMVN, trang 114-116)

B. HỎI-ĐÁP

1- H. Đức Giám mục tiên khởi người Việt Nam là ai?

T. Đức Giám mục tiên khởi người Việt Nam là Đức cha Gioan Baotixita Nguyễn Bá Tòng. Ngài được tấn phong Giám mục ngày 11.6.1933.

2- H. Hàng Giáo phẩm Việt Nam được thiết lập năm nào?

T. Ngày 24.11.1960, Đức Giáo Hoàng Gioan 23 đã thiết lập hàng Giáo Phẩm Việt Nam, đánh dấu sự trưởng thành của Giáo Hội Việt Nam sau 4 thế kỷ đón nhận Tin Mừng.

3- H. Hiện nay Giáo Hội Việt Nam có bao nhiêu giáo phận?

T. Hiện nay Giáo Hội Việt Nam có 26 giáo phận, hợp thành 3 giáo tỉnh là Hà Nội, Huế và Sài Gòn.

4- H. Sau ngày thống nhất đất nước, đường hướng mục vụ của Giáo Hội Việt Nam là gì?

T. Năm 1980, các giám mục trong cả nước đã nhóm họp và khẳng định ý muốn là “Hội Thánh Chúa Giêsu Kitô trong lòng dân tộc Việt Nam, để phục vụ hạnh phúc của đồng bào.”

5- H. Để là “Hội Thánh Chúa Giêsu Kitô trong lòng dân tộc Việt Nam,” Giáo Hội Việt Nam phải làm gì?

T. Giáo Hội Việt Nam phải hội nhập vào trong nền văn hóa Việt Nam và trở thành một Giáo Hội địa phương để có thể hoàn thành sứ vụ yêu thương và phục vụ của mình.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Cùng với Giáo Hội Việt Nam nhìn lại lịch sử hơn 400 năm, bạn cảm thấy thế nào? Vì sao?
2. Theo bạn, điều gì giúp Giáo Hội Việt Nam vượt qua những khó khăn và không ngừng phát triển?
3. Nhìn lại lịch sử, Giáo Hội Việt Nam học được những bài học gì cho đời sống cũng như sứ vụ của mình?

PHẦN MỘT

VỀ NGUỒN ĐỂ KHÁM PHÁ LẠI BẢN CHẤT VÀ SỨ MẠNG

Cùng với Giáo Hội, chúng ta tìm về cội nguồn và hướng về cùng đích để khám phá lại bản chất và sứ mạng của mình, để biết rõ mình là ai và hiện diện để làm gì; nhờ đó, ý thức được vai trò và nhiệm vụ của mình trong Giáo Hội – tránh những phê phán và đòi hỏi không đúng đắn đối với Giáo Hội.

ĐỀ TÀI 1: GIÁO HỘI Ý THỨC MÌNH LÀ MỘT THỰC TẠI THIÊN LIÊNG

A. TRÌNH BÀY

Trong Năm Thánh 2010, Giáo Hội Việt Nam muốn thực hiện một cuộc canh tân toàn diện. Để canh tân cách toàn diện, Giáo Hội phải biết mình là ai và có mặt trên thế giới để làm gì. Muốn thế, Giáo Hội phải tìm về cội nguồn và cùng đích của mình là Thiên Chúa. Khi tìm về cội nguồn, Giáo Hội Việt Nam ý thức mình là một với Giáo Hội Phổ Quát và có mặt trên thế giới không do ý muốn của bất kỳ một cá nhân hay tập thể nào, nhưng do lòng nhân hậu của Chúa Cha muốn cho mọi người được nhận biết và quy tụ trong Chân Lý Tình Yêu là chính Ngài.

Giáo Hội được hình thành từ ý định muôn đời của Chúa Cha hằng hữu, là công trình của Chúa Con và Chúa Thánh Thần (x. Ep 1,3-14). Giáo Hội là cộng đoàn được Thiên Chúa yêu thương cách đặc biệt, được Chúa Giêsu cứu chuộc và giao hòa với Thiên Chúa bằng giá máu của mình, được Thánh Thần làm cho sinh động và trang bị bằng muôn vàn ân sủng để kết hợp với Đức Kitô ngày một hơn (x. Rm 12,3-8 ; Ep 4,7-13 ; 1 Cr 12,4-11). Hiến chế “Ánh Sáng Muôn Dân” của Công đồng Vaticanô II xác định Giáo Hội phát sinh từ mầu nhiệm Ba Ngôi nghĩa là được quy tụ “do sự hiệp nhất giữa Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần” và được thiết lập như “dấu chỉ và khí cụ của sự kết hợp mật thiết với Thiên Chúa và của sự hiệp nhất toàn thể nhân loại.”

Vi vậy, sự quy tụ của Giáo Hội hoàn toàn khác hẳn với bất cứ cộng đồng chính trị hay kinh tế nào của nhân loại, và Giáo Hội cũng không đơn thuần là một tổ chức nhân đạo do con người chủ xướng. Giáo Hội là một thực tại xã hội nhưng trước hết và trên hết là một thực tại mầu nhiệm. Để diễn tả phần nào mầu nhiệm này, Giáo Hội tự giới thiệu như là Dân Thiên Chúa, Thân Mình Chúa Kitô và Đền Thờ Chúa Thánh Thần.

B. HỎI-ĐÁP

- 1- H. Muốn dẫn thân vào một cuộc canh tân toàn vẹn, Giáo Hội Việt Nam phải bắt đầu từ đâu?
T. Giáo Hội phải tìm về cội nguồn và cùng đích của mình là Thiên Chúa để biết mình là ai và có mặt tại Việt Nam để làm gì.
- 2- H. Quy chiếu vào Thiên Chúa, Giáo Hội Việt Nam nói mình là ai?

T. Giáo Hội Việt Nam ý thức mình là một với Giáo Hội Phổ Quát và có mặt không do ý muốn của bất kỳ một cá nhân hay tập thể nào, nhưng do lòng nhân hậu của Chúa Cha muốn cho mọi người được nhận biết và quy tụ trong Chân Lý Tình Yêu là chính Ngài. Giáo Hội biết rằng mình được khai sinh từ mầu nhiệm Ba Ngôi và được thiết lập như “dấu chỉ và khí cụ của sự kết hợp mật thiết với Thiên Chúa và của sự hiệp nhất toàn thể nhân loại.”

3- H. Giáo Hội nói chung và Giáo Hội Việt Nam nói riêng khác với cộng đồng chính trị hay kinh tế ở những điểm nào?

T. Giáo Hội khác hẳn với cộng đồng chính trị hay kinh tế vì được quy tụ do sáng kiến của Thiên Chúa và để phục vụ cho công trình cứu độ của Ngài.

4- H. Nhờ đâu mà Giáo Hội có mặt tại Việt Nam?

T. Giáo Hội có mặt tại Việt Nam nhờ hoạt động của Chúa Thánh Thần xuyên qua lịch sử truyền giáo của toàn thể Giáo Hội, theo lệnh truyền của Chúa Giêsu: “Anh em hãy đi loan báo Tin Mừng cho mọi thụ tạo và làm phép rửa cho họ nhân danh Cha, và Con, và Thánh Thần.”

5- H. Hiến chế “Ánh Sáng Muôn Dân” của Công đồng Vaticanô II xác định thế nào về nguồn gốc của Giáo Hội?

T. Hiến chế “Ánh Sáng Muôn Dân” của Công đồng Vaticanô II xác định Giáo Hội phát sinh từ mầu nhiệm Ba Ngôi, nghĩa là từ sáng kiến của Chúa Cha, khôn ngoan của Chúa Con và tình yêu của Chúa Thánh Thần.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Tại sao muốn canh tân cách toàn vẹn, Giáo Hội Việt Nam lại phải tìm về cội nguồn và cùng đích của mình là Thiên Chúa?

2. Nhiều người mong muốn và đòi hỏi Giáo Hội dẫn thân vào các hoạt động chính trị và xã hội như một tổ chức hay một thể lực. Đòi hỏi ấy, theo bạn, có đúng không? Tại sao?
3. Giáo Hội Công Giáo nói chung và Giáo Hội Việt Nam nói riêng quan niệm thế nào về trách nhiệm của Giáo Hội trước các vấn đề chính trị và xã hội ?

1.1 GIÁO HỘI Ý THỨC MÌNH LÀ DÂN THIÊN CHÚA

A. TRÌNH BÀY

“Chắc chắn trong mọi thời đại và mọi dân tộc, bất cứ người nào kính sợ Thiên Chúa và thực hành đức công chính đều được Ngài đoái thương (x. Cv 10,35). Tuy nhiên Thiên Chúa không muốn thánh hóa và cứu rỗi loài người riêng rẽ, thiếu liên kết, nhưng Ngài muốn qui tụ họ thành một dân tộc để họ nhận biết Ngài trong chân lý và phụng sự Ngài trong thánh thiện. Vì thế Ngài đã chọn dân Israel làm dân của Ngài, đã thiết lập với họ một giao ước, giáo huấn họ dần dần. Tuy nhiên những điều ấy chỉ là hình bóng của giao ước mới là hoàn hảo hơn sẽ được ký kết trong Chúa Kitô. Chính giao ước mới trong máu Ngài. Ngài kêu gọi một dân gồm những người Do Thái và lương dân (GH 9). Toàn thể dân Thiên Chúa tham dự vào ba chức năng: tiên tri, tư tế và mục tử của Chúa Kitô, mang trách nhiệm thừa sai và phục vụ, khơi nguồn từ ba chức năng đó.

– **Tiên tri:** khi gia nhập dân Thiên Chúa nhờ đức tin và Bí tích Thánh Tẩy, chúng ta tham dự vào chức vụ tiên tri của Chúa Kitô. Được vĩnh viễn gắn bó với đức tin đã được truyền

lại cho các thánh và đào sâu hiểu biết về đức tin, chúng ta trở thành chứng tá cho Chúa Kitô giữa thế giới này.

– **Tư tế:** khi gia nhập Dân Thiên Chúa, chúng ta còn tham dự vào chức vụ tư tế của Chúa Kitô. Chúa Kitô đã tạo nên những tư tế cho Chúa Cha từ dân tộc mới... những người được thánh tẩy, được Thánh Thần xúc dầu, để trở thành tư tế thánh thiện (x. GH 10).

– **Mục tử:** Chúa Kitô, vị Mục tử tốt lành, đã lôi kéo mọi người đến với Ngài nhờ cái chết và sự sống lại của Ngài. Chúa Kitô là vua và là Chúa của vũ trụ nhưng nay đã trở thành tôi tớ của mọi người. Ngài “không đến để được phục vụ, nhưng để phục vụ” (Mt 20,28). Vì vậy với Kitô hữu “cai trị là phục vụ” (GH 36). Dân Thiên Chúa thể hiện chức vụ mục tử khi sống ơn gọi phục vụ.

Hội Thánh là dân Thiên Chúa. Thiên Chúa đã không cứu độ con người cách riêng lẻ, nhưng đã qui tụ họ thành một Dân. Ý thức này, phải thúc đẩy chúng ta rũ bỏ chủ nghĩa cá nhân trong đời sống đức tin, và sống tinh thần cộng đoàn nhiều hơn. Mỗi người có một trách nhiệm nhưng tất cả đều nhằm phục vụ lợi ích chung (Trích “Hội Thánh trong Chương trình Cứu độ của Thiên Chúa” trong *Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo* của HĐGMVN, trang 88-89).

B. HỎI-ĐÁP

1- H. Khi tự giới thiệu mình như là Dân Thiên Chúa, Giáo Hội muốn nói lên điều gì?

T. Khi tự giới thiệu mình như là Dân Thiên Chúa, Giáo Hội muốn khẳng định mình là dân tộc được Thiên Chúa tuyển chọn và thiết lập qua giao ước mới và vĩnh cửu trong máu Đức Kitô.

2- H. Là Dân của giao ước mới, Giáo Hội có những đặc điểm nào?

T. Là Dân của giao ước mới, Giáo Hội có những đặc điểm này:

- Một là có thủ lãnh là Đức Kitô;
- Hai là có phẩm giá và tự do của những người con Thiên Chúa;
- Ba là có điều răn mới là yêu thương như Đức Kitô;
- Bốn là có sứ mạng trở nên muối men và ánh sáng cho trần gian;
- Và năm là có định mệnh gắn liền với Nước Trời.

3- H. Chúng ta gia nhập Giáo Hội bằng cách nào?

T. Chúng ta gia nhập Giáo Hội nhờ lòng tin vào Đức Kitô và nhờ phép Rửa tội.

4- H. Khi gia nhập Giáo Hội, chúng ta được tham dự vào những chức vụ nào của Đức Kitô?

T. Chúng ta được tham dự vào những chức vụ tư tế, ngôn sứ và vương đế của Đức Kitô.

5- H. Đâu là phẩm giá và quyền căn bản của người Kitô hữu?

T. Phẩm giá và quyền căn bản của người Kitô hữu là được làm con cái Thiên Chúa và được hưởng tự do của người con.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Không có ơn gọi làm người Kitô hữu ngoài Giáo Hội: một Kitô hữu đơn độc, riêng lẻ là một điều mâu thuẫn. Khẳng định này, theo bạn, có chính xác không? Vì sao?

2. Thánh Lê Cả đã thốt lên: “Hỡi Kitô hữu, hãy nhận biết phẩm giá của mình!” (PL 54,192) Là Kitô hữu, đối với bạn, có ý nghĩa gì ?
3. Có người cho rằng càng biết ít về lề luật và giáo lý càng được tự do sống theo sở thích. Theo bạn, đó có phải là tự do của người con cái Thiên Chúa, tự do mà Đức Kitô ban tặng không?

1.2 GIÁO HỘI Ý THỨC MÌNH LÀ THÂN MÌNH CHÚA KITÔ

A. TRÌNH BÀY

Hội Thánh hiệp thông với Chúa Kitô: Từ ban đầu Đức Giêsu cho các môn đệ tham dự cuộc sống của Ngài: mặc khải cho họ mầu nhiệm Nước Trời: cho tham dự sứ vụ, niềm vui và những thống khổ của Ngài: Ngài còn mời gọi hiệp thông sâu xa hơn: “Hãy ở lại trong Thầy... Thầy là cây nho, các con là cành” (Ga 15,4-5). “Ai ăn thịt và uống máu Tôi thì ở lại trong Tôi, và Tôi ở lại trong người ấy” (Ga 6,56). Hội Thánh không chỉ qui tụ mà còn hiệp nhất trong một thân mình với Chúa Kitô.

Hiệp nhất giữa các phần thân thể nhờ hiệp nhất với Chúa Kitô. “Trong thân thể này sức sống của Chúa Kitô luôn tràn qua các tín hữu” (GH 7). - Chúa Kitô là Đầu thân thể: Chúa Kitô “là Đầu của thân thể, nghĩa là Đầu của Hội Thánh” (Cl 1,18) “Ngài đứng hàng đầu trong mọi sự” (Cl 1,18) chủ yếu là trên Hội Thánh, qua đó Ngài mở rộng vương quốc Ngài.

Hội Thánh là hiền thê của Chúa Kitô: Tương quan giữa Chúa Kitô và Hội Thánh, tức đầu và các chi thể, luôn được

diễn tả bằng hình ảnh bạn tình (phu quân và hiền thê) các ngôn sứ đã chuẩn bị và Gioan Tiênn Hô đã loan báo chủ đề Chúa Kitô là phu quân (x. Mc 2,19). Thánh Phaolô giới thiệu Hội Thánh và mỗi tín hữu như “hiền thê” đã “đính hôn” với Chúa Kitô để nên một thân trí với Ngài (x. 1Cr 6,15-16).

Hội Thánh là dấu chỉ và khí cụ xây dựng sự hiệp nhất giữa con người với Thiên Chúa, cũng như giữa con người với nhau. Hơn ai hết, người Kitô hữu phải là người xây dựng sự hiệp nhất, yêu thương trong cuộc sống hằng ngày.

(Trích “Hội Thánh trong Chương trình Cứu độ của Thiên Chúa” trong *Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo* của HĐGMVN, trang 89-90)

B. HỎI-ĐÁP

1- H. Khi tự giới thiệu như là Thân Thể Chúa Kitô, Giáo Hội xác tín điều gì?

T. Khi tự giới thiệu như là Thân Thể Chúa Kitô, Giáo Hội xác tín rằng mình có nhiều chi thể mà vẫn là một thân thể duy nhất nhờ liên kết với Đầu là Chúa Kitô.

2- H. Với tư cách là Đầu, Chúa Kitô làm gì cho Giáo Hội?

T. Chúa Kitô làm cho Giáo Hội sống động và hài hòa; nghĩa là Ngài không chỉ ban cho Giáo Hội muôn vàn ân sủng mà còn phối hợp các chức năng cũng như tác vụ trong Giáo Hội với nhau để làm cho toàn thân được lớn lên và tăng trưởng.

3- H. Là Thân Mình Chúa Kitô, Giáo Hội phải làm gì?

T. Giáo Hội từng phục Chúa Kitô theo nghĩa luôn để cho Ngài tác động và hướng dẫn.

4- H. Đề trở nên phần tử sống động của Giáo Hội, trước tiên chúng ta phải làm gì?

T. Trước tiên, chúng ta phải liên kết với Chúa Kitô; nhờ đó, liên kết với nhau.

5- H. Chúa Kitô đã làm những gì để liên kết Giáo Hội vào sự sống của Ngài?

T. Chúa Kitô đã yêu thương và hiến mình cho Giáo Hội.

B. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Bạn có nghĩ rằng chính khi gắn bó và nên một với Chúa Kitô mà chúng ta làm cho Giáo Hội lớn lên và tăng trưởng không? Vì sao bạn nghĩ như vậy?
2. Khi nào thì chúng ta được kết hợp mật thiết với Chúa Kitô?
3. Nhờ đâu mà hai thánh tông đồ Phêrô và Phaolô, vốn có nhiều khác biệt, lại có thể hợp nhất với nhau trong sự đa dạng và phong phú?

1.3 GIÁO HỘI Ý THỨC MÌNH LÀ ĐÈN THỜ CHÚA THÁNH THẦN

A. TRÌNH BÀY

Linh hồn có vai trò đối với thân xác con người thế nào, thì Thánh Thần cũng có vai trò như vậy đối với Hội Thánh, Thân Mình Chúa Kitô” (Thánh Âu tinh). Chính Thần Khí Chúa Kitô, như một nguyên lý ẩn giấu, đã nối kết mọi phần thân thể với nhau cũng như với đầu, vì Ngài hiện diện hoàn toàn nơi đầu,

hoàn toàn nơi thân thể, cũng như hoàn toàn trong mọi chi thể. Chúa Thánh Thần làm cho Hội Thánh trở thành “đền thờ sống động của Thiên Chúa” (2Cr 6,16) bởi Ngài hiện diện trong mỗi phần tử và trong toàn thân¹.

Công đồng Vaticanô II dạy: “Qua mọi thời đại, Chúa Thánh Thần hợp nhất toàn thể Giáo Hội bằng niềm hiệp thông và thực thi tác vụ, ban phát cho các ơn phẩm trật và đoàn sủng khác nhau, để tựa như linh hồn, thông truyền sức năng động cho các định chế trong Giáo Hội” (TG 4). Chúa Thánh Thần xây dựng ngôi Đền thờ Giáo Hội bằng Lời Thiên Chúa và bằng đức Ái của Tin Mừng, canh tân và phát triển Giáo Hội bằng các Bí Tích, bằng muôn vàn ơn phúc và các nhân đức, cũng như các đặc sủng giúp các tín hữu “có đủ khả năng và sẵn lòng đảm nhận các công việc và nhiệm vụ khác nhau để mưu ích cho việc canh tân, xây dựng và phát triển Giáo Hội.” (TG 4).

Chúa Thánh Thần không ngừng thúc đẩy Giáo Hội truyền giáo đến nỗi lòng nhiệt thành truyền giáo được xem là dấu chỉ của việc Chúa Thánh Thần thực sự hiện diện trong Giáo Hội.

Chúa Thánh Thần hiện diện và hoạt động nơi tâm hồn các tín hữu, làm cho họ trở nên giống Đức Kitô, nên “những viên đá sống động xây nên ngôi Đền Thờ” của Thiên Chúa (x. 1Pr 2,5) – nơi Thiên Chúa ngự trị và nơi con người có thể dâng lên Thiên Chúa hy lễ thiêng liêng trong Thần Khí và Sự Thật.

¹ (Trích “Hội Thánh trong Chương trình Cứu độ của Thiên Chúa” trong *Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo* của HĐGMVN, trang 90)

B. HỎI-ĐÁP

- 1- H. Khi tự giới thiệu mình như là Đền Thờ Chúa Thánh Thần, Giáo Hội xác tín điều gì?
T. Khi tự giới thiệu mình như là Đền Thờ Chúa Thánh Thần, Giáo Hội xác tín Chúa Thánh Thần là linh hồn của Giáo Hội, là nguyên lý vô hình liên kết mọi chi thể với nhau và với Đầu.
- 2- H. Chúa Thánh Thần xây dựng Giáo Hội bằng cách nào?
T. Chúa Thánh Thần xây dựng Giáo Hội bằng Lời Thiên Chúa và đức Ái của Tin Mừng.
- 3- H. Chúa Thánh Thần canh tân và phát triển Giáo Hội bằng cách nào?
T. Chúa Thánh Thần canh tân và phát triển Giáo Hội bằng các ân sủng và bí tích, bằng các nhân đức và đặc sủng.
- 4- H. Chúa Thánh Thần thúc giục Giáo Hội làm gì?
T. Chúa Thánh Thần không ngừng thúc đẩy Giáo Hội truyền giáo đến nỗi lòng nhiệt thành truyền giáo được xem là dấu chỉ của việc Chúa Thánh Thần thực sự hiện diện trong Giáo Hội.
- 5- H. Chúng ta phải làm gì để xây dựng Giáo Hội như là Đền Thờ của Chúa Thánh Thần?
T. Chúng ta phải để cho Thiên Chúa dùng chúng ta như những viên đá sống động mà xây nên ngôi Đền Thờ thiêng liêng và để Người đặt chúng ta làm hàng tư tế thánh, dâng những lễ tế thiêng liêng đẹp lòng Người, nhờ Đức Giêsu Kitô (x. 1Pr 2,5).

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Chúa Thánh Thần hiện diện và hoạt động trong Giáo Hội như thế nào?
2. Đây là những dấu chỉ cho thấy Giáo Hội là Đền Thờ của Chúa Thánh Thần?
3. Theo bạn, mỗi phần tử phải làm gì để Giáo Hội thực sự là Đền Thờ của Chúa Thánh Thần?

ĐỀ TÀI 2: GIÁO HỘI Ý THỨC MÌNH CÒN LÀ MỘT THỰC TẠI HỮU HÌNH

A. TRÌNH BÀY

Giáo Hội ý thức mình là thực tại thiêng liêng (đề tài 1) đồng thời cũng là thực tại hữu hình (đề tài 2). Trong Hiến Chế về Giáo Hội, các nghị phụ xác tín rằng “Đấng trung gian duy nhất là Đức Kitô đã thiết lập và không ngừng bảo vệ Giáo Hội thánh thiện, cộng đoàn đức tin - cây - mền, như một thực tại hữu hình trên trần gian, qua đó, Ngài thông truyền chân lý và ân sủng cho mọi người. Thế nhưng, không được quan niệm đoàn thể tổ chức theo phẩm trật và thân thể mâu nhiệm của Đức Kitô, đoàn thể hữu hình và cộng đoàn thiêng liêng, Giáo Hội tại thế và Giáo Hội dư tràn của cải trên trời, như là hai thực tại khác nhau. Trái lại, chúng làm thành một thực thể phức tạp mang tính nhân loại và thần linh” (GS 8).

B. HỎI-ĐÁP

1- H. Giáo Hội do Chúa Kitô thiết lập có những chiều kích nào?

T. Có hai chiều kích này:

- Một là chiều kích nhân loại; theo đó, Giáo Hội là một đoàn thể hữu hình và là một tổ chức theo phẩm trật.
- Hai là chiều kích thần linh; theo đó, Giáo Hội là một cộng đoàn thiêng liêng và là Nhiệm Thể Chúa Kitô.

2- H. Hai chiều kích thần linh và nhân loại của Giáo Hội kết hợp với nhau như thế nào?

T. Hai chiều kích nêu trên không giản lược vào nhau nhưng kết hợp chặt chẽ với nhau, làm thành một thực thể phức tạp mang tính nhân loại và thần linh.

3- H. Giáo Hội sẽ ra sao, nếu chiều kích thiêng liêng bị loại bỏ?

T. Nếu chiều kích thiêng liêng bị loại bỏ, thì Giáo Hội chỉ còn là một thể chế nhân loại như bao tổ chức chính trị, kinh tế hay xã hội khác.

4- H. Giáo Hội sẽ ra sao, nếu chiều kích trần thế bị loại bỏ?

T. Nếu chiều kích trần thế bị loại bỏ, thì Giáo Hội không còn là cộng đoàn được thiết lập để loan báo Tin mừng Cứu độ cho mọi người.

5- H. Vì sao Chúa Kitô không ngừng bảo vệ Giáo Hội như một thực tại hữu hình trên trần gian?

T. Vì Chúa muốn thông truyền chân lý và ân sủng của Ngài cho mọi người qua thực tại hữu hình ấy.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Giáo Hội giống và khác các tổ chức xã hội ở những điểm nào?
2. Bạn nghĩ thế nào về chủ trương Giáo Hội chỉ nên hoạt động trong lãnh vực thiêng liêng hoặc ngược lại, đấu tranh như một lực lượng chính trị hay xã hội?
3. Qua các nhóm sinh hoạt trong giáo xứ cũng như giáo phận, bạn nhận ra đâu là yếu tố nhân loại và thiêng liêng của Giáo Hội? Hai yếu tố ấy có hòa hợp với nhau không? Nếu không thì làm thế nào để kết hợp chúng lại với nhau?

2.1 GIÁO HỘI VIỆT NAM Ý THỨC MÌNH LÀ MỘT VỚI GIÁO HỘI PHỔ QUÁT VÀ VỚI CÁC GIÁO HỘI ĐỊA PHƯƠNG KHÁC

A. TRÌNH BÀY

Mỗi cộng đoàn Giáo Hội địa phương không được phép khép lại với chính mình nhưng cần liên kết với các cộng đoàn khác, cụ thể là với những giáo xứ và giáo phận khác. Một hiệp thông này được diễn tả cách tuyệt vời qua từ ngữ “các Giáo Hội chị em” được sử dụng lần đầu tiên trong Hội nghị khoáng đại lần thứ ba của FABC [Liên Hội đồng Giám mục Á Châu]. Sau khi nói đến mối hiệp thông giữa các Giáo Hội địa phương tại châu Á trong việc cầu nguyện với nhau và cho nhau, học hỏi những thành công cũng như thất bại của nhau, chia sẻ với nhau những mối quan tâm chung về thần học cũng như mục vụ, hỗ trợ nhau về nhân sự cũng như vật chất, các giám mục Á châu đã tóm tắt những hoạt động đó trong một câu: “càng ngày

chúng ta càng trở nên những Giáo-Hội-Chị-Em đích thực trong một gia đình duy nhất là Giáo Hội Chúa Giêsu Kitô.”²

Đồng thời mỗi Giáo Hội địa phương phải liên kết với Giáo Hội duy nhất và phổ quát; có thể mới thực sự sống tính duy nhất Công giáo (catholica unitas) của Giáo Hội Chúa Kitô ... Theo giáo huấn của Công đồng Vaticanô II, Giáo Hội duy nhất và phổ quát hiện diện *trong* và *ngoài* các Giáo Hội địa phương. Điều này có nghĩa là Giáo Hội phổ quát không chỉ đơn thuần là tổng số các Giáo Hội địa phương gộp lại. Nhưng mỗi Giáo Hội địa phương đã là “một thực tại đầy đủ và toàn diện của mẫu nhiệm hiệp thông trong Chúa Kitô, và Giáo Hội phổ quát là sự hiệp thông của tất cả những mối hiệp thông đó, là Giáo Hội của các Giáo Hội.”³ Nói theo cách diễn tả quen thuộc và nổi tiếng của Henri de Lubac thì “Giáo Hội là toàn thể trong từng phần: duy nhất trong số nhiều, và tất cả trong mỗi phần.”⁴ Sự hiệp thông đó được diễn tả cách hữu hình qua tập đoàn tính của các giám mục mà đứng đầu là giám mục của Rôma. Quyền bính của giám mục Rôma không thể chỉ được nhìn như quyền bính về mặt luật pháp đối với các Giáo Hội địa phương, nhưng trước hết và trên hết phải được nhìn như “ưu quyền về mục vụ nhằm phục vụ tính duy nhất đức tin và sự sống của toàn thể Dân Thiên Chúa.”⁵ Giây liên kết này bảo đảm cho tính Tông đồ và Công giáo đích thực của mỗi Giáo Hội địa phương, đồng thời bảo đảm rằng một Giáo Hội địa phương sẽ không bao giờ rời

² “Statement of the Third Plenary Assembly of the FABC,” *For All the Peoples of Asia*, Vol. I, 54.

³ FABC’s Theological Advisory Commission, “Theses on the Local Church,” *Being Church in Asia*, 11.

⁴ Henri de Lubac, *The Splendor of the Church*, (New York: Sheed & Ward, 1956), 105.

⁵ *Ecclesia in Asia*, số 24.

xa cấu trúc căn bản mà Đấng Sáng lập đã ban cho Giáo Hội.⁶
(Nguyễn Khảm, “Đi Tìm Một Cách Thể Hiện Diện Mới của Giáo Hội tại Châu Á,” trang 13-15)

B. HỎI-ĐÁP

- 1- H. Giáo Hội Phổ Quát có phải là tổng số các Giáo Hội địa phương gộp lại không?
 - T. Không, chỉ có một Giáo Hội duy nhất và phổ quát hiện diện trong từng Giáo Hội địa phương và trong toàn thể các Giáo Hội địa phương. Mỗi Giáo Hội địa phương đều có đủ tính chất của một Giáo Hội và toàn thể các Giáo Hội địa phương là một với Giáo Hội phổ quát.

- 2- H. Sự hiệp thông giữa Giáo Hội địa phương với Giáo Hội phổ quát cũng như với nhau được thể hiện như thế nào?
 - T. Sự hiệp thông giữa Giáo Hội địa phương với Giáo Hội phổ quát được thể hiện qua sự hiệp thông giữa các giám mục với Đức Giáo Hoàng là thủ lãnh và nguyên lý hiệp nhất của Giáo Hội toàn cầu.

- 3- H. Giáo Hội Việt Nam hiệp thông với Đức Giáo Hoàng như thế nào?
 - T. Giáo Hội Việt Nam luôn hiệp thông bền chặt với Đức Giáo Hoàng, sẵn sàng tiếp nhận những hướng dẫn của

⁶ Xem “Asian Colloquium on Ministries in the Church”, *For All the Peoples of Asia, Vol. I*, 73. Để tìm hiểu về vị trí và quyền bính của Đức Giáo Hoàng trong viễn tượng Giáo Hội học về hiệp thông, có thể đọc Hermann Josef Pottmeyer, *Towards a Papacy in Communion: Perspectives from Vatican Council I and II*, (New York: Crossroad, 1998); Jean Marie Tillard, *The Bishop of Rome*, (Wilmington, Del: Micheal Glazier, 1983).

ngài với tinh thần vâng phục, sốt sắng cầu nguyện cho ngài và cho sự hiệp nhất trong Giáo Hội.

4- H. Giáo Hội Việt Nam vâng phục quyền bính phổ quát của Đức Giáo Hoàng theo ý hướng nào?

T. Giáo Hội Việt Nam vâng phục quyền bính phổ quát của Đấng kế vị thánh Phêrô không như quyền bính về mặt luật pháp đối với các Giáo Hội địa phương, nhưng trước hết và trên hết như “ưu quyền về mục vụ nhằm phục vụ sự hiệp nhất của đức tin và đời sống của toàn thể Dân Thiên Chúa.”

5- H. Giáo Hội Việt Nam hiệp thông như thế nào với các Giáo Hội địa phương tại châu Á?

T. Giáo Hội Việt Nam liên kết với các Giáo Hội địa phương tại châu Á trong việc cầu nguyện với nhau và cho nhau, học hỏi và chia sẻ với nhau những mối quan tâm chung về thần học cũng như mục vụ, hỗ trợ nhau về nhân sự cũng như vật chất.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Bạn biết gì về tổ chức và hoạt động chính của Toà Thánh?
2. Bạn biết gì về tổ chức và hoạt động chính của Liên Hội đồng Giám mục Á Châu (FABC)?
3. Quyền bính của Đức Giáo Hoàng phải được hiểu như thế nào?

2.2 GIÁO HỘI Ý THỨC MÌNH LÀ MỘT TỔ CHỨC THEO PHÂN TRẬT

A. TRÌNH BÀY

Đức Giêsu đã thiết lập cộng đoàn Mười Hai Tông Đồ và đặt thánh Phêrô đứng đầu. Các giám mục kế vị các Tông đồ cùng họp thành giám mục đoàn, có Đức Giáo Hoàng kế vị thánh Phêrô làm đầu. Đức Giáo Hoàng là giám mục Rôma “là nguyên lý và nền tảng hữu hình và vĩnh cửu của sự hiệp nhất giữa các giám mục cũng như giữa đông đảo các tín hữu” (GH 23). “Vì là đấng đại diện Chúa Kitô và chủ chăn của toàn thể Hội Thánh nên ngài có quyền tròn đầy, tối cao, và phổ quát để có thể tùy ý hành xử” (GH 22).

Các giám mục theo phân mình cũng là nguyên lý và nền tảng hữu hình của sự hiệp nhất trong các Hội Thánh ở địa phương mình. Các ngài được các linh mục và phó tế trợ giúp, Giám mục là thành viên trong Giám mục đoàn, nên không những phải điều khiển tốt Hội Thánh ở địa phương mình, mà còn phải quan tâm đến tất cả các Hội Thánh địa phương khác nữa (x. GH 23). Giám mục đoàn “có quyền bính tối cao và tròn đầy trên toàn Hội Thánh, nhưng quyền ấy chỉ được thi hành khi có sự chấp thuận của Giám mục Rôma” (GH 22).

Các giáo sĩ gồm giám mục, linh mục và phó tế. Các ngài được chọn lựa và thiết lập để bảo đảm cho dân Thiên Chúa có các chủ chăn, và được tăng trưởng không ngừng. Các ngài nhận những tác vụ khác nhau trong Hội Thánh và trở thành thừa tác viên có chức thánh, hầu mưu ích cho toàn thân thể (x. GH 18). Vì thế, các ngài hành động nhân danh Chúa Kitô là Đầu, nhận lãnh tác vụ và quyền bính để phục vụ như “tôi tớ của Chúa Kitô” (Rm 1,1), và thi hành tác vụ của mình trong

một cộng đoàn, giám mục trong giám mục đoàn, linh mục trong linh mục đoàn. Sau hết mỗi vị cũng hành động với tư cách cá nhân, chịu trách nhiệm cá nhân trước Đấng đã kêu gọi và trao quyền cho từng vị (GLHTCG, trang 99).

B. HỎI-ĐÁP

1- H. Chúa Kitô đã thiết lập các chức vụ khác nhau trong Giáo Hội để làm gì?

T. Chúa Kitô đã thiết lập các chức vụ khác nhau trong Giáo Hội để hướng dẫn và phát triển Dân Thiên Chúa.

2- H. Đức Giáo Hoàng là ai?

T. Đức Giáo Hoàng là giám mục giáo phận Rôma và là Đấng kế vị thánh Phêrô, là đại diện Chúa Kitô và là chủ chăn của toàn thể Giáo Hội, là nguyên lý và nền tảng hữu hình của sự hiệp thông đức tin trong Giáo Hội.

3- H. Các giám mục là những ai?

T. Giám mục là các vị đại diện Chúa Kitô và là chủ chăn của các Giáo Hội địa phương, là nguyên lý và nền tảng của sự hiệp thông đức tin trong Giáo Hội địa phương.

4- H. Các linh mục và phó tế là những ai?

T. Các linh mục và phó tế là những thừa tác viên có chức thánh và là những cộng sự viên của các giám mục.

5- H. Các thừa tác viên có chức thánh trong Giáo Hội hành động với tư cách nào?

T. Các thừa tác viên trong Giáo Hội hành động nhân danh Chúa Kitô là Đầu và thi hành tác vụ của mình trong một cộng đoàn. Vì là thành viên của giám mục đoàn, nên

giám mục chia sẻ trách nhiệm với Giáo Hội toàn cầu. Vì là thành viên của linh mục đoàn, nên linh mục chia sẻ trách nhiệm của giáo phận.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Theo bạn, các chức vụ khác nhau trong Giáo Hội có cần thiết không? Điều này có phương hại đến sự bình đẳng giữa các tín hữu trong Giáo Hội không?
2. Vì sao các chức vụ khác nhau trong Giáo Hội chỉ được trao ban mà không do dân cử?
3. Vai trò của các giám mục trong Giáo Hội cần thiết và quan trọng như thế nào?

2.3 GIÁO HỘI Ý THỨC MÌNH LÀ THÁNH NHƯNG CÒN PHẢI NÊN THÁNH

A. TRÌNH BÀY

Hội Thánh được tuyên xưng là thánh thiện vì “Chúa Kitô đã yêu thương Hội Thánh như hiền thê mình và đã hiến thân để thánh hóa Hội Thánh. Người kết hợp với Hội Thánh như thân thể Người và ban cho dư đầy ơn Thánh Thần” (GH 39).

Thứ đến, vì Thánh Thần ban cho Hội Thánh dồi dào phương tiện cứu rỗi và sự thánh thiện, đó là việc rao giảng Tin Mừng, các bí tích, các nhân đức luân lý, lòng hy sinh phục vụ tha nhân và các đặc sủng (x. GH 48).

Cụ thể hơn, sự thánh thiện của Hội Thánh đã chiếu tỏa ra nơi vô số các vị thánh đã được tuyên phong và trở thành những gương mẫu cho đời sống thánh thiện.

Sự thánh thiện của Hội Thánh là một hành trình tăng trưởng, một cuộc “lữ hành Vượt Qua”, chứ không phải là tình trạng tĩnh tọa an toàn. Vì thế, Hội Thánh vừa thánh thiện vừa phải luôn thanh tẩy mình, và không ngừng theo đuổi con đường sám hối, canh tân (x. GH 8). Các Kitô hữu luôn được khuyến nhủ “Anh em phải cởi bỏ con người cũ với nếp sống xưa, là con người phải hư nát vì bị những ham muốn lừa dối, anh em phải để Thần Khí đổi mới tâm trí anh em, và phải mặc lấy con người mới, là con người đã được sáng tạo theo hình ảnh Thiên Chúa, để thực sự sống công chính và thánh thiện” (Ep 4,22-24). Điều này chứng tỏ “tất cả chúng ta thường hay vấp ngã” (Gc 3,2) và cần đến ơn tha thứ của Thiên Chúa (x. GH 8). Đồng thời cũng có nghĩa là mọi người trong Hội Thánh đều được mời gọi nên Thánh, và Đức Ái là tâm điểm của đời sống thánh thiện “Tất cả các Kitô hữu, bất cứ theo bậc sống hay địa vị nào, đều được kêu gọi tiến đến sự viên mãn của đời sống Kitô giáo và đến sự trọn lành của Đức Ái” (GH 40) vì “Đức Ái là mối dây liên kết của sự trọn lành, là sự viên mãn của lề luật, nên Đức Ái chi phối mọi phương thế nên thánh, làm cho chúng hình thành và đạt đến cùng đích. Vì thế, Đức Ái đối với Thiên Chúa và tha nhân là dấu chỉ người môn đệ chân chính của Chúa Kitô” (GH 42).

B. HỎI-ĐÁP

1- H. Giáo Hội thánh thiện có phải vì có các tín hữu thánh thiện không?

T. Giáo Hội thánh thiện vì hai lẽ:

- Một là vì được tham dự vào sự thánh thiện của Chúa Kitô là Đầu;
- Hai là vì Giáo Hội được Chúa Kitô dùng làm phương thế thánh hóa các tín hữu và có đủ phương thế để làm việc này.

2- H. Giáo Hội thánh thiện sao còn phải nên thánh?

T. Giáo Hội thánh thiện nhưng con cái của Giáo Hội thì yếu đuối và thường hay vấp ngã nên Giáo Hội không ngừng sám hối và canh tân.

3- H. Theo thánh Phaolô, người Kitô hữu phải làm những gì để nên thánh?

T. Theo thánh Phaolô, người Kitô hữu phải “cởi bỏ con người cũ” đầy tham lam dối trá, và “mặc lấy con người mới” được sáng tạo theo hình ảnh Thiên Chúa, để thực sự sống “công chính và thánh thiện.”

4- H. Đâu là tâm điểm của đời sống thánh thiện?

T. Tâm điểm của đời sống thánh thiện là Đức Ái.

5- H. Đâu là đích điểm của đời sống thánh thiện?

T. Đích điểm của đời sống thánh thiện là Chúa Kitô. Nhờ sức mạnh của Chúa Thánh Thần, Giáo Hội không ngừng vươn lên đạt tới tầm vóc viên mãn của Chúa Kitô (x. Ep 4,13).

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Bạn có thái độ nào trước những lầm lỗi và thiếu sót của Giáo Hội?
2. Đối với bạn, thánh và nên thánh nghĩa là gì?

3. Theo bạn, sự thánh thiện của mỗi Kitô hữu có liên hệ đến Giáo Hội không? Liên hệ như thế nào?

ĐỀ TÀI 3: GIÁO HỘI VIỆT NAM SỐNG CHO ĐỨC KITÔ VÀ NƯỚC TRỜI

A. TRÌNH BÀY

Theo Công Đồng Vaticanô II, Chúa Cha hằng hữu đã tạo dựng vũ trụ và quyết định nâng con người lên tham dự đời sống thần linh. Khi con người sa ngã, Ngài đã không từ bỏ nhưng luôn trợ giúp để họ được cứu rỗi nhờ Chúa Kitô.

Chúa Cha cũng muốn qui tụ những ai tin kính Chúa Kitô vào trong Giáo Hội mà Ngài đã chuẩn bị từ thời Cựu ước, Chúa Kitô đã khai mở bằng việc rao giảng Tin Mừng Nước Thiên Chúa, và Thánh Thần đang làm tăng trưởng cho tới khi được hoàn tất trong vinh quang.

Vì thế, trong Chúa Kitô, Giáo Hội được xem là bí tích nghĩa là dấu chỉ và khí cụ của sự kết hợp mật thiết với Thiên Chúa và của sự hiệp nhất toàn thể nhân loại. Giáo Hội còn được xem là mầm mống và khởi đầu của Nước Thiên Chúa.

Là dấu chỉ và khí cụ của Nước Thiên Chúa, Giáo Hội không ngừng rao truyền và thiết lập Nước ấy giữa mọi dân tộc. Giáo Hội hằng mong cho Nước Thiên Chúa được hoàn tất và khao khát được kết hợp với Vua của mình trong vinh quang. Có thể nói, Giáo Hội không sống cho chính mình, nhưng sống cho Đức Kitô và Nước Trời (x. GH 1-5).

B. HỎI-ĐÁP

- 1- H. Nước Thiên Chúa hay Nước Trời là gì?
 - T. Nước Thiên Chúa hay Nước Trời không phải là một nơi chốn nhưng là tương quan với Thiên Chúa. Được vào Nước Trời nghĩa là được hiệp thông sự sống và hạnh phúc vô tận của Thiên Chúa.

- 2- H. Vì ý gì Chúa Cha muốn qui tụ những người tin kính Chúa Kitô vào trong Giáo Hội?
 - T. Chúa Cha muốn qui tụ những người tin kính Chúa Kitô vào trong Giáo Hội vì muốn dùng Giáo Hội như là dấu chỉ và khí cụ của sự kết hợp mật thiết với Thiên Chúa và của sự hiệp nhất toàn thể nhân loại.

- 3- H. Giáo Hội này đã được hình thành và phát triển như thế nào?
 - T. Giáo Hội này đã được Chúa Cha chuẩn bị từ thời Cựu ước, được Chúa Con khai mở bằng việc rao giảng Tin Mừng Nước Thiên Chúa, và Thánh Thần đang làm tăng trưởng cho tới khi được hoàn tất trong vinh quang.

- 4- H. Với tư cách là dấu chỉ và khí cụ của Nước Thiên Chúa, Giáo Hội đã làm những gì?
 - T. Là dấu chỉ và khí cụ của Nước Thiên Chúa, Giáo Hội hằng mong cho Nước Thiên Chúa được hoàn tất và không ngừng rao truyền cũng như thiết lập Nước ấy giữa mọi dân tộc.

- 5- H. Nhìn về tương lai, Giáo Hội ý thức điều gì?
 - T. Nhìn về tương lai, Giáo Hội ý thức mình không sống cho chính mình, nhưng sống cho Đức Kitô và Nước Trời.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Đối với bạn, vào Nước Thiên Chúa hay vào Nước Trời nghĩa là gì? Loạn báo hay xây dựng Nước Trời là loạn báo và xây dựng những gì?
2. Giáo Hội và Nước Trời có liên hệ với nhau như thế nào?
3. Hoạt động của nhóm hay giáo xứ của bạn có gắn liền với việc loạn báo và xây dựng Nước Trời không? Nếu có thì ở những điểm nào? Nếu không, cần chỉnh lại những gì?

3.1 NƯỚC THIÊN CHÚA ĐÃ HIỆN DIỆN VÀ CÒN ĐANG PHÁT TRIỂN

A. TRÌNH BÀY

Qua lời rao giảng và những dấu lạ Chúa Giêsu làm, Nước Thiên Chúa đã bắt đầu trong xã hội loài người và âm thầm tăng trưởng cho tới khi hoàn tất trong ngày quang lâm. Vì mới khởi đầu và còn đang tăng trưởng, nên hiện nay, ở trần gian, Nước Thiên Chúa chưa hoàn toàn nghĩa là chưa đạt tới tình trạng hoàn hảo chung cuộc của nó.

Giáo Hội là hình thức phôi thai của Nước Thiên Chúa ở trần gian, chưa phải là chính Nước Thiên Chúa trong hình thái hoàn hảo chung cuộc của nó. Thánh Thần, Đấng đã được ban cho Giáo Hội và các tín hữu như hoa quả đầu mùa, như lời hứa và bảo chứng của Nước Thiên Chúa mai sau, không ngừng làm cho Giáo Hội và các tín hữu vươn lên đạt đến tầm vóc viên mãn của Đức Kitô (x. Ep 4,13).

Thánh Thể mà Giáo Hội cử hành và phân phát hằng ngày báo trước và là bảo chứng bữa tiệc thiên quốc được hứa ban cho các tín hữu. Chính nhờ Thánh Thể mà đời sống Giáo Hội luôn được thanh luyện và đổi mới. Theo cách nói của Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI, Thánh Thể phải tạo nên một sự “bùng nổ hạt nhân” kích hoạt sự biến đổi tận gốc toàn thể Giáo Hội, thế giới và vũ hoàn (Ratzinger, *Thánh Thể: Hiệp thông và Liên đới*, 2002).

Vì Nước Thiên Chúa còn ở trong tình trạng phôi thai nên Giáo Hội hằng tha thiết cầu xin cho Nước Chúa trị đến và góp phần kiến tạo Nước Thiên Chúa ở trần gian bằng cách: (1) loan báo Tin Mừng và kêu gọi hoán cải; (2) thiết lập những cộng đoàn mới trên đức tin và đức ái; (3) diễn đạt và quảng bá những giá trị Tin Mừng để giúp các dân tộc đón nhận kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa ; và (4) cổ xúy đối thoại, gặp gỡ và chăm sóc cho những người nghèo khổ, yếu đau.

B. HỎI-ĐÁP

1- H. Nước Thiên Chúa hiện nay đang ở trong tình trạng nào?

T. Nước Thiên Chúa hiện nay chưa hoàn toàn nghĩa là chưa đạt tới tình trạng hoàn hảo chung cuộc của nó.

2- H. Giáo Hội có phải là Nước Thiên Chúa không?

T- Giáo Hội là hình thức phôi thai, là dấu chỉ và khí cụ của Nước Thiên Chúa ở trần gian. Giáo Hội chưa phải là chính Nước Thiên Chúa trong hình thái hoàn hảo chung cuộc của nó.

3- H. Chúa Thánh Thần làm gì cho Giáo Hội?

T. Chúa Thánh Thần luôn sống trong Giáo Hội và không ngừng làm cho Giáo Hội vươn lên, đạt đến tầm vóc viên mãn của Đức Kitô (x. Ep 4, 13).

4- H. Mâu nhiệm Giáo Hội liên hệ thế nào với mâu nhiệm Thánh Thể?

T. Giáo Hội làm nên Thánh Thể và Thánh Thể làm nên Giáo Hội, nghĩa là Giáo Hội cử hành Thánh Thể và nhờ Thánh Thể mà đời sống Giáo Hội luôn được thanh luyện và đổi mới.

5- H. Giáo Hội làm gì để kiến tạo Nước Thiên Chúa ở trần gian?

T. Giáo Hội kiến tạo Nước Thiên Chúa bằng những cách sau đây:

- Một là loan báo Tin Mừng và kêu gọi hoán cải;
- Hai là thiết lập những cộng đoàn mới trên đức tin và đức ái;
- Ba là diễn đạt và quảng bá những giá trị Tin Mừng để giúp các dân tộc đón nhận kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa;
- Bốn là cố võ đối thoại, gặp gỡ và chăm sóc cho những người nghèo khổ, yếu đau.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Bạn có biết vì sao Giáo Hội hằng ngóng đợi và tha thiết cầu xin cho Nước Chúa trị đến không?
2. Điểm son của các cộng đoàn tín hữu Việt Nam là luôn gắn bó với Chúa Giêsu Thánh Thể, phần đông vẫn siêng năng tham

dự thánh lễ hàng ngày với một đức tin sống động. Theo bạn, làm thế nào để thánh lễ thực sự trở nên sức mạnh sinh động hoá nếp sống Kitô hữu mọi ngày?

3. Trong những việc Giáo Hội cần phải làm để kiến tạo Nước Thiên Chúa ở trần gian, việc nào khởi sắc nhất trong hoạt động của nhóm hay giáo xứ của bạn?

3.2 NƯỚC THIÊN CHÚA LÀ CHÍNH ĐỨC KITÔ

A. TRÌNH BÀY

Hiến chế *Ánh Sáng Muôn Dân* khẳng định: “Chúa Giêsu đã khai sinh Giáo Hội bằng việc rao giảng Tin Mừng, loan báo Nước Thiên Chúa đang đến như đã hứa trong Thánh Kinh từ ngàn xưa: “Thời gian đã trọn, Nước Thiên Chúa gần đến” (Mc 1, 15; x. Mt 4, 17).

Nước này chiếu sáng trước mặt mọi người qua lời nói, hành động và sự hiện diện của Chúa Kitô. Lời Chúa ví như hạt giống gieo xuống ruộng (x. Mc 4,14): ai tin nghe Lời Chúa và gia nhập đàn chiên nhỏ của Chúa Kitô (x. Lc 12,32), thì đã đón nhận chính Nước Ngài; rồi tự sức mình, hạt giống nảy mầm và lớn lên cho đến mùa gặt (x. Mc 4,26-29).

Các phép lạ của Chúa Giêsu cũng chứng minh rằng Nước Ngài đã đến trong trần gian: “Nếu ta dùng ngón tay Thiên Chúa để trừ ma quỷ, ắt Nước Thiên Chúa đã đến nơi các ngươi rồi” (Lc 11,20; x. Mt 12,28). Nhưng trước tiên, Nước ấy biểu lộ trong chính bản thân Chúa Kitô, Con Thiên Chúa và Con loài người, Đấng đã đến “để hầu hạ và hiến mạng sống làm giá chuộc muôn dân” (Mc 10,45).

Như vậy, Nước Thiên Chúa không là một khái niệm trừu tượng, một học thuyết hay một kế hoạch xa rời thực tế, nhưng trước hết và trên hết là một ngôi vị sống động với khuôn mặt và tên gọi Giêsu Nazareth, hình ảnh của Thiên Chúa vô hình.⁷

B. HỎI-ĐÁP

1- H. Chúa Giêsu đã khai sinh Giáo Hội bằng cách nào?

T. Chúa Giêsu đã khai sinh Giáo Hội bằng việc rao giảng Tin Mừng Nước Trời đang đến như đã hứa trong Thánh Kinh từ ngàn xưa.

2- H. Nước Trời được tỏ hiện như thế nào?

T. Nước Trời được tỏ hiện trong chính bản thân Chúa Giêsu, qua sự hiện diện, lời nói và việc làm của Ngài.

3- H. Các phép lạ của Chúa Giêsu chứng tỏ điều gì?

T. Các phép lạ của Chúa Giêsu chứng tỏ Nước Trời đã đến trong thế gian.

4- H. Theo Đức Thánh Cha Bênêdictô XVI, Nước Trời là gì?

T. Nước Trời không là một khái niệm trừu tượng, một học thuyết hay một kế hoạch xa rời thực tế, nhưng trước hết và trên hết là một ngôi vị sống động với khuôn mặt và tên gọi Giêsu Nazareth, hình ảnh của Thiên Chúa vô hình.

5- H. Theo Công Đồng, những ai được xem là người đón nhận Nước Trời?

⁷ Đức Gioan-Phaolô II, Thông điệp *Redemptoris missio*, 13-15; Đức Bênêdictô XVI, Thông điệp *Deus caritas est*, [25 -12 2005], 1.

T. Những ai nghe Lời Chúa với lòng tin và gia nhập đàn chiên nhỏ bé của Ngài, được xem là người đón nhận Nước Thiên Chúa.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Việc gia nhập Giáo Hội, đối với bạn, có ý nghĩa gì?
2. Nguyên việc gia nhập Giáo Hội có đủ để được xem là đón nhận Nước Trời không? Nếu không thì cần thêm điều gì?
3. Bạn có hiểu vì sao Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI, khi nói về Nước Trời, lại nhấn mạnh đến ngôi vị sống động là Chúa Giêsu không?

3.3 NƯỚC THIÊN CHÚA LÀ THẾ GIỚI CỦA SỰ CÔNG CHÍNH, BÌNH AN VÀ HOAN LẠC

A. TRÌNH BÀY

Khi rao giảng Nước Trời đang đến, Chúa Giêsu kêu gọi con người hoán cải và tin vào Tin Mừng. Hoán cải để vượt thoát tội lỗi, căn nguyên của mọi thứ nô lệ, để đứng lên và quay về với Thiên Chúa trong niềm tin vào tình yêu Chúa Cha, được tỏ lộ và ban tặng cách nhưng không trong Chúa Con nhờ Chúa Thánh Thần. Trong tình yêu của Thiên Chúa, quan hệ giữa người với người sẽ được thăng hoa nhờ yêu thương, tha thứ và phục vụ.

Trong Nước Thiên Chúa, con người được mời gọi nên hoàn thiện như Cha trên trời (x. Mt 5,48), yêu thương như Đức

Kitô (x. Ga 15,3), trao cho nhau công chính, bình an và hoan lạc trong Thánh Thần (x. Rm 14,17).

B. HỎI-ĐÁP

1- H. Khi rao giảng Nước Trời đang đến, Chúa Giê-su mời gọi ta điều gì?

T. Khi rao giảng Nước Trời đang đến, Chúa Giê-su mời gọi ta hoán cải và tin vào Tin Mừng, để thoát ách tội lỗi và quay về với Thiên Chúa trong niềm tin vào tình yêu Chúa Cha, được tỏ lộ và ban tặng cách nhưng không trong Chúa Con nhờ Chúa Thánh Thần.

2- H. Niềm tin vào tình yêu của Thiên Chúa giúp người Kitô hữu sống với mọi người như thế nào?

T. Niềm tin vào tình yêu của Thiên Chúa giúp người Kitô hữu yêu thương, tha thứ và phục vụ mọi người.

3- H. Để có thể hiệp thông sự sống tràn đầy hạnh phúc của Thiên Chúa, người Kitô hữu phải làm gì?

T. Để có thể hiệp thông sự sống tràn đầy hạnh phúc của Thiên Chúa, người Kitô hữu được mời gọi nên hoàn thiện như Cha trên trời, yêu thương như Đức Kitô, trao cho nhau công chính, bình an và hoan lạc trong Thánh Thần.

4- H. Công chính nghĩa là gì?

T. Công chính là sự hòa hợp giữa con người với Thiên Chúa, nhờ đó hòa hợp với chính bản thân cũng như với người khác và thiên nhiên.

5- H. Thế nào là bình an và hoan lạc trong Thánh Thần?

T. Bình an là hoa trái của sự công chính trong khi hoan lạc là hoa trái của bình an. Do đó, con người chỉ có được sự bình an và hoan lạc trong Thánh Thần, khi sống hòa hợp với Thiên Chúa, với bản thân cũng như với người khác và thiên nhiên.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Nước Trời là nước của sự công chính. Theo bạn, công chính là gì?
2. Nước Trời là nước của sự bình an. Theo bạn, thế nào là bình an đích thực?
3. Nước Trời là vương quốc chan hoà niềm vui. Niềm vui nào?

ĐỀ TÀI 4: GIÁO HỘI VIỆT NAM ĐANG TIẾN BƯỚC TRONG LỊCH SỬ

A. TRÌNH BÀY

Hiến chế *Ánh Sáng Muôn Dân* gọi Giáo Hội là “Dân Thiên Sai” (GH 9b) nghĩa là dân của Đấng Thiên Sai, của Đức Kitô. Dân này ở vào “thời cuối cùng,” đang tiến bước giữa lòng lịch sử loài người với sứ mạng của Đức Kitô cũng như đang sống thân phận lữ hành hướng tới thời hoàn tất cánh chung (Yves Congar, *Dân thiên sai*, Paris 1975).

Là Dân Thiên Sai, Giáo Hội không những áp ủ trong lòng niềm hy vọng của Đức Kitô về một thế giới công bằng và hạnh phúc Thiên Chúa đã hứa ban cho toàn thể nhân loại, mà còn

thực thi sứ mạng Đức Kitô đã giao phó là dẫn thân cho mọi người được sống như Thiên Chúa muốn; hoặc nói cách khác, cho Nước Thiên Chúa đến được với họ.

Cùng với Giáo Hội phổ quát còn đang bước đi trong đức tin, Giáo Hội Việt Nam cũng đang ở trong lịch sử và thời gian vốn biến động liên tục đang khi hướng tới ngày Thiên Chúa hoàn tất công cuộc đổi mới mọi sự đã được khởi sự nơi Giáo Hội. Trong một thế giới lộ rõ thất vọng vì lạc hướng, Giáo Hội phải là niềm hy vọng cho thế giới. Trong một thế giới đầy bất hoà và chia rẽ, Giáo Hội phải là “dấu chỉ và khí cụ” của sự hiệp nhất và hiệp thông toàn thể gia đình nhân loại.

Giáo Hội không “định cư” ở thế gian, nhưng luôn tiến bước. Giáo Hội không trói buộc mình vào bất cứ một ý thức hệ hoặc chủ nghĩa nào, một thời đại hoặc một nền văn hoá nào, một nền thần học hoặc triết học nào... nhưng ra sức giữ cho mình được hoàn toàn tự do đối với mọi thực tại của thế gian đang biến đổi này.

Dù còn phải đối diện với bao cám dỗ và bách hại từ phía các thế lực trần gian, Giáo Hội vẫn luôn tin tưởng và trung thành với Đức Kitô, bởi biết rằng ngay cửa địa ngục cũng không thể rung chuyển được nền Đá Phêrô. Hơn nữa, Giáo Hội còn lợi dụng cơ hội này để tăng trưởng đến mức trưởng thành.

B. HỎI-ĐÁP

1- H. Khi gọi Giáo Hội là Dân Thiên Chúa đang trên đường lữ hành, Công Đồng muốn nói gì?

T. Khi gọi Giáo Hội là Dân Thiên Chúa đang trên đường lữ hành, Công Đồng muốn nói Giáo Hội đang tiến bước trong lịch sử loài người và đang trên đường đạt tới vinh quang toàn vẹn của Nước Trời.

2- H. Ý thức mình còn đang ở trong tình trạng lữ hành, Giáo Hội sẽ làm gì?

T. Ý thức mình còn đang ở trong tình trạng lữ hành, Giáo Hội sẽ không ngừng canh tân khuôn mặt thần linh của mình và dân thân cho mọi người được vào Nước Trời nghĩa là được sống như Thiên Chúa muốn.

3- H. Phải chăng Giáo Hội chỉ hướng tới và chờ đợi ngày Thiên Chúa hoàn tất việc đổi mới mọi sự?

T. Giáo Hội không chỉ hướng tới và chờ đợi ngày Thiên Chúa hoàn tất việc đổi mới mọi sự, nhưng còn cộng tác với Thiên Chúa trong công cuộc canh tân này, bắt đầu từ chính Giáo Hội.

4- H. Làm thế nào Giáo Hội thoát được cơn cám dỗ “định cư” ở thế gian này, để luôn tiến bước về Nước Trời?

T. Giáo Hội không trói buộc mình vào bất cứ một ý thức hệ hoặc chủ nghĩa, một thời đại hoặc một nền văn hoá nào... nhưng giữ cho mình được hoàn toàn tự do đối với mọi thực tại của thế gian đang biến đổi này.

5- H. Khi phải đối diện với những thử thách và khó khăn từ phía các thế lực trần gian, Giáo Hội ứng phó thế nào?

T. Giáo Hội luôn tin tưởng và trung thành với Chúa Kitô nhờ xác tín rằng quyền lực tử thần cũng không rung chuyển được nền Đá Phêrô.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Trong cuộc lữ hành, Giáo Hội luôn có trước mặt hình ảnh về một thế giới mới và nỗ lực làm cho thế giới ấy trở thành hiện thực. Theo bạn, đó là hình ảnh gì? Có khả thi không?

2. Bao lâu còn là lữ khách, bấy lâu Giáo Hội còn tiến bước giữa những cám dỗ và thử thách đau thương. Nhờ đâu mà Giáo Hội vẫn tin tưởng và trung thành với Chúa Kitô đồng thời đổi mới chính mình dưới tác động của Chúa Thánh thần?
3. Theo bạn, Giáo Hội Việt Nam hôm nay – cụ thể là bạn hoặc đoàn thể và giáo xứ của bạn – có giữ cho mình được hoàn toàn tự do đối với mọi thực tại trần thế hoặc mọi thế lực trần gian không?

4.1 GIÁO HỘI XÂY DỰNG THẾ GIỚI, NƠI CÔNG CHÍNH, BÌNH AN VÀ NIỀM VUI NGỰ TRỊ

A. TRÌNH BÀY

Ý thức mình còn đang trên đường lữ hành không làm cho các tín hữu trốn chạy thế giới, nhưng trái lại, thúc đẩy họ tham gia tích cực vào đời sống và sự tiến bộ của nhân loại. Thật vậy, Giáo Hội luôn sẵn sàng cộng tác với mọi người nhằm xây dựng một thế giới hoàn thiện và tươi đẹp hơn. Hiện diện giữa nhân loại và lịch sử thế giới, dù không chủ tâm xây dựng thành đô ở trần gian, nhưng Giáo Hội vẫn luôn tích cực xây dựng trần thế.

Đồng hành với toàn thể nhân loại, “chúng ta có một sứ mệnh phải hoàn thành trong thế giới; chúng ta có trách nhiệm đối với thế giới, và một công việc bác ái phải hoàn thành”.⁸

⁸ Đức Phaolô VI, *The Teachings of Pope Paul VI*, 1970, 192.

B. HỎI-ĐÁP

- 1- H. Ý thức mình còn đang trên đường lữ hành có làm cho các tín hữu trốn chạy thế giới không?
T. Không, ý thức này chẳng những không làm cho các tín hữu trốn chạy thế giới, mà ngược lại còn thúc đẩy họ tham gia tích cực vào đời sống và sự tiến bộ của nhân loại, luôn sẵn sàng cộng tác với mọi người nhằm xây dựng một thế giới hoàn thiện và tươi đẹp hơn.
- 2- H. Thế giới ở đây được hiểu là gì?
T. Thế giới ở đây được hiểu là xã hội loài người với mọi sinh hoạt chính trị, văn hoá, kinh tế của nó.
- 3- H. Đây là thái độ mà người Kitô hữu phải có đối với xã hội loài người?
T. Người Kitô hữu hiểu rằng mình ở trong trần gian và có một trách nhiệm phải chu toàn đối với xã hội loài người, nhưng đồng thời phải có tinh thần siêu thoát trên đường thực hiện vận mệnh vĩnh cửu của mình.
- 4- H. Công đồng Vaticanô II kêu gọi các tín hữu có thái độ nào đối với thế giới?
T. Công đồng Vaticanô II kêu gọi các tín hữu quan tâm đến vận mệnh của thế giới và liên đới với xã hội loài người trong hy vọng cũng như trong lo âu.
- 5- H. Giáo Hội có thể đóng góp gì cho thế giới?
T. Ngoài việc đem ơn cứu chuộc đến cho thế giới là nhiệm vụ tôn giáo thiết yếu của mình, Giáo Hội còn phục vụ xã hội loài người bằng cách giúp mọi người suy nghĩ và hiểu được ý nghĩa của cuộc sống, tôn trọng và bảo vệ

phẩm giá của mình, xây dựng tinh thần tương trợ và hiệp nhất trong cộng đồng nhân loại.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Theo Công đồng Vaticanô II, tại sao Giáo Hội lại có trách nhiệm đối với thế giới?
2. Kể ra những thái độ lệch lạc đối với thế giới mà người Kitô hữu nên tránh.
3. Kể ra những điều Giáo Hội có thể nhận được từ thế giới cũng như có thể đóng góp cho thế giới.

4.2 GIÁO HỘI CHỐNG LẠI TRÀO LƯU TỤC HOÁ VÀ CHỦ NGHĨA VÔ TÍN

A. TRÌNH BÀY

Hiến chế *Giáo Hội Trong Thế Giới Ngày Nay* khẳng định: “Không bị một tham vọng trần thế nào thúc đẩy, Giáo Hội chỉ nhắm một điều là dưới sự dẫn dắt của Chúa Thánh Thần, tiếp tục công cuộc của chính Đức Kitô, Đấng đã đến thế gian để làm chứng cho chân lý, để cứu rỗi chứ không luận phạt, để phục vụ chứ không để được hầu hạ” (GH 3). Sứ mệnh và trách nhiệm này thúc đẩy Giáo Hội cương quyết chống lại mọi trào lưu tục hoá cũng như chủ nghĩa vô tín.⁹

Trào lưu tục hoá chủ trương Giáo Hội chỉ có một mục đích là phụng sự thế giới, không phải để thế giới được cứu rỗi,

⁹ Đức Phaolô VI, *The Teachings of Pope Paul VI*, 1970, 5.

nhưng để thế giới hoàn tất mỹ mãn những công trình chân thiện nằm trong tâm tay và sức mạnh của nó.

Chủ nghĩa vô tín thì có nhiều hình thức khác nhau. Theo Công Đồng, “có người phủ nhận Thiên Chúa cách tỏ tường, có người lại nghĩ rằng con người hoàn toàn không thể quả quyết gì về Thiên Chúa. Có người cứu xét vấn đề Thiên Chúa theo một phương pháp làm cho vấn đề đó xem ra thiếu hẳn ý nghĩa. Vượt quá phạm vi khoa học thực nghiệm một cách vô lý, nhiều người hoặc chủ trương giải thích mọi sự bằng khoa học này, hoặc trái lại, hoàn toàn không chấp nhận một chân lý nào là tuyệt đối. Có người lại quá đề cao con người đến nỗi sự tin tưởng vào Thiên Chúa trở nên như vô nghĩa; những người này xem ra muốn đề cao con người hơn là muốn chôn bỏ Thiên Chúa. Có người hình dung một Thiên Chúa theo kiểu họ tưởng đến nỗi Thiên Chúa mà họ bài xích không phải là Thiên Chúa của Phúc âm. Cả vấn đề Thiên Chúa cũng không hề được đặt ra bởi vì xem ra họ không cảm thấy áy náy gì về tôn giáo cũng như không thấy tại sao lại phải bận tâm về vấn đề đó. Ngoài ra, chủ nghĩa vô thần nhiều lúc phát sinh hoặc do sự phản kháng mãnh liệt chống lại sự dữ trong thế gian hoặc do nhận định sai lầm cho một số giá trị của con người là tuyệt đối đến nỗi lấy chúng thay thế cho chính Thiên Chúa. Ngay cả nền văn minh hiện đại nhiều lúc có thể làm cho người ta khó đến với Thiên Chúa hơn, không phải tự nó, nhưng vì nó quá bám víu vào những thực tại trần gian ... Tín hữu có thể chịu phần trách nhiệm không nhỏ trong việc khai sinh vô thần, hoặc bởi xao lãng việc giáo dục đức tin, hoặc trình bày sai lạc về giáo lý, hoặc do những thiếu sót trong đời sống tôn giáo, luân lý và xã hội. Phải nói rằng họ che giấu hơn là bày tỏ khuôn mặt đích thực của Thiên Chúa và tôn giáo” (GH 19).

Vì vậy, Công Đồng kêu gọi các tín hữu tiến tới một đức tin sống động và trưởng thành, nghĩa là một đức tin được huấn

luyện để có thể sáng suốt nhận định và vượt thắng những khó khăn, một đức tin thấm nhập vào toàn thể đời sống của các tín hữu, kể cả đời sống thế tục, và thúc đẩy họ sống công bằng, bác ái nhất là đối với người nghèo khổ (x. GH 21).

B. HỎI-ĐÁP

1- H. Công Đồng khẳng định thế nào về sứ mạng của Giáo Hội đối với thế giới?

T. Công Đồng khẳng định: “Giáo Hội chỉ nhắm một điều là dưới sự dẫn dắt của Chúa Thánh Thần, tiếp tục công cuộc của chính Đức Kitô, Đấng đã đến thế gian để làm chứng cho chân lý, để cứu rỗi chứ không luận phạt, để phục vụ chứ không để được hầu hạ” (GH 3).

2- H. Động lực nào thúc đẩy Giáo Hội cương quyết chống lại mọi trào lưu tục hoá, chủ nghĩa chiều ngang, chủ nghĩa cục bộ và vô tín?

T. Chính sứ mệnh làm chứng cho chân lý thúc đẩy Giáo Hội cương quyết chống lại mọi trào lưu tục hoá cũng như chủ nghĩa cục bộ và vô tín.

3- H. Theo Công Đồng, người ta phủ nhận Thiên Chúa vì những lý do nào?

T. Người ta thường phủ nhận Thiên Chúa vì những lý do này:

- một là quan niệm con người không thể biết gì về Thiên Chúa;
- hai là quá đề cao khoa học;
- ba là quá đề cao con người;
- bốn là quan niệm sai lầm về Thiên Chúa;

- năm là vấn nạn về sự dữ,
- sáu là quá bám víu vào những thực tại trần gian.

4- H. Người tín hữu có trách nhiệm thế nào trong việc khai sinh vô thần?

T. Người tín hữu có trách nhiệm không nhỏ trong việc khai sinh vô thần, hoặc bởi xao lãng việc giáo dục đức tin, hoặc trình bày sai lạc về giáo lý, hoặc do những thiếu sót trong đời sống tôn giáo, luân lý và xã hội.

5- H. Trong hoàn cảnh này, người tín hữu phải làm gì?

T. Người tín hữu phải có một đức tin sống động và trưởng thành, nghĩa là một đức tin được huấn luyện để có thể sáng suốt nhận định và vượt thắng những khó khăn, một đức tin thâm nhập vào toàn thể đời sống và thúc đẩy thực thi công bằng, bác ái nhất là đối với người nghèo khổ (x. GH 21).

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Một trong những nguyên nhân khiến nhiều tín hữu mất đức tin là kiến thức khoa học của họ rất cao trong khi kiến thức đức tin thì quá thấp. So với kiến thức khoa học, kiến thức đức tin của bạn thế nào?
2. Nhiều người không tin vào Thiên Chúa vì lối sống đạo của nhiều tín hữu: mê tín và dị đoan, bảo thủ và cố chấp, bất hoà và chia rẽ, thiếu quan tâm và dấn thân trong những vấn đề xã hội vv... Trong lối sống đạo của bạn hoặc nhóm của bạn, cần sửa lại những gì để bạn và nhóm của bạn có thể bày tỏ khuôn mặt đích thực của Thiên Chúa?
3. Quá bám vào của cải vật chất và tìm hưởng thụ tối đa cũng là nguyên nhân khiến nhiều người khó đến với Thiên Chúa. Lối

sống này tác động vào đời sống của người tín hữu, đặc biệt là những tín hữu trẻ, như thế nào?

4.3 GIÁO HỘI CHẤP NHẬN ĐAU KHỔ VÀ HỌC BIẾT THA THỨ

A. TRÌNH BÀY

Để tiếp tục sứ mạng của Chúa Kitô, Giáo Hội sẽ phải sống và hoạt động trong những điều kiện khó khăn vì chính Chúa đã hoàn tất công trình cứu độ trong khó nghèo và bách hại. “Lữ hành giữa cơn bách hại của thế gian và trong niềm an ủi của Thiên Chúa, Giáo Hội rao truyền cái chết và thập giá Chúa cho đến khi Người lại đến (x.1Cr 11,26). Giáo Hội vững mạnh nhờ thần lực của Chúa phục sinh để toàn thắng những khó khăn và sào mạt từ bên trong cũng như bên ngoài bằng yêu thương với kiên trì và trung thành mạc khải cho thế gian mầu nhiệm của Chúa còn giấu trong bóng tối, cho đến khi được phô bày dưới ánh sáng vẹn toàn trong ngày sau hết” (GH 8).

Chính niềm tin vào Đức Kitô Phục sinh đã khơi dậy niềm hy vọng sống động thúc đẩy Giáo Hội luôn khẩn thiết cầu nguyện “Lạy Chúa Giêsu, xin nọ đến!” (Kh 22,2), lời cầu được dâng lên trong thái độ khiêm tốn thú nhận mình hãy còn xa với điều Thiên Chúa mong đợi. Do đó, Giáo Hội luôn thực hiện việc sám hối, canh tân. Dầu tin chắc mình đã được thánh hoá, tẩy rửa và cứu chuộc, Giáo Hội vẫn còn “ôm ấp những kẻ có tội trong lòng” nên phải khiêm nhường xin ơn tha thứ, và học biết thứ tha như hằng khẩn nguyện trong kinh Lạy Cha: “Xin tha nợ chúng con, như chúng con cũng tha kẻ có nợ

chúng con” (Mt 6, 12). Chính trong sức mạnh tha thứ này mà lịch sử và vũ hoàn được biến đổi thành nơi công lý, bình an và ân sủng ngự trị.

B. HỎI-ĐÁP

1- H. Động lực nào giúp Giáo Hội chấp nhận những điều kiện khó khăn để chu toàn sứ mệnh được giao phó?

T. Giáo Hội chấp nhận sống và hoạt động trong những điều kiện khó khăn vì chính Chúa đã hoàn tất công trình cứu độ trong khó nghèo và bách hại.

2- H. Động lực nào giúp Giáo Hội vượt thắng những khó khăn này?

T- Nhờ thần lực của Chúa Kitô phục sinh mà Giáo Hội được vững mạnh và thắng vượt những khó khăn để chu toàn sứ mệnh của mình.

3- H. Ý thức lễ hành giúp Giáo Hội điều gì?

T. Ý thức lễ hành giúp Giáo Hội dần thân xây dựng Nước Thiên Chúa vì Nước Thiên Chúa đã khởi sự mà chưa hoàn tất.

4- H. Ý thức lễ hành còn giúp Giáo Hội điều gì?

T. Ý thức lễ hành giúp Giáo Hội biết mình còn hữu hạn và tội lỗi cần sám hối và canh tân để có thể bày tỏ khuôn mặt đích thực của Thiên Chúa cho mọi người.

5- H. Để có thể sám hối và canh tân, Giáo Hội phải làm gì?

T. Giáo Hội phải khiêm nhường xin ơn tha thứ và học biết thứ tha như hằng khẩn nguyện trong kinh Lạy Cha: “Xin

tha nợ chúng con, như chúng con cũng tha kẻ có nợ chúng con” (Mt 6, 12).

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Giáo Hội còn đang “trên đường lữ thứ trần gian,” chắc chắn còn nhiều khiếm khuyết trong cơ cấu, nhân sự và phương pháp làm việc. Sánh với những gì bạn nhận được qua và nhờ Giáo Hội thì những khiếm khuyết này có đáng kể không?
2. Khi đề cập đến những “khó khăn và sâu muộn từ bên trong” Giáo Hội, Công Đồng muốn nhắc nhớ và nhấn nhủ các tín hữu điều gì?
3. Bạn yêu mến và nghe theo Giáo Hội vì lẽ gì: vì tài đức của những người trong Giáo Hội hay vì Chúa Giêsu và Thánh Thần của Ngài luôn hiện diện và hoạt động trong Giáo Hội?



“Cử hành Năm Thánh 2010 mời gọi và thúc đẩy tất cả chúng ta cùng nhau xây dựng một Giáo Hội hiệp thông; một Giáo Hội trong đó mỗi người đồng cảm với Giáo Hội, vui niềm vui của Giáo Hội và đau nỗi đau của Giáo Hội; một Giáo Hội trong đó mỗi người cảm nhận mình được yêu thương chăm sóc, đồng thời có trách nhiệm chăm lo cho người khác cũng như cho ích chung của Giáo Hội.”

(Trích Diễn văn khai mạc năm Thánh 2010 của Đức cha Phêrô Nguyễn Văn Nhơn, Chủ tịch Hội đồng Giám mục Việt Nam)

P H Ì N H A I

NHÌN VÀO HIỆN TẠI ĐỂ KHÁM PHÁ NHỮNG DẤU CHỈ THỜI ĐẠI

Cùng với Giáo Hội, chúng ta đi tìm một cách thể mới để hiện diện và hoạt động trong bối cảnh hiện tại của đất nước. Cách thể hiện diện mới của Giáo Hội tại Việt Nam là trở nên một cộng đoàn HIỆP THÔNG, trong đó mọi tín hữu tích cực THAM GIA vào đời sống và sứ mạng của Giáo Hội trong cộng đoàn cũng như trong thế giới. Nhận thức này định hướng và chi phối cách sống đạo của chúng ta; đó là gắn bó và dẫn thân với cộng đoàn thay vì khép lại và đóng khung trong chủ nghĩa cục bộ và lối sống đạo đức cá nhân.

ĐỀ TÀI 5: GIÁO HỘI MUỐN TRỞ NÊN CỘNG ĐOÀN HIỆP THÔNG

A. TRÌNH BÀY

Sự hiệp thông trong Giáo Hội bắt nguồn từ sự hiệp thông của chính Ba Ngôi Thiên Chúa. Do đó, Giáo Hội là dấu chỉ và khí cụ của sự hiệp thông giữa Thiên Chúa và nhân loại theo hai mặt: một bên là Thiên Chúa vì yêu thương tự thông đạt cho nhân loại (self-communication), một bên là sự đáp trả của nhân loại trong tin yêu và hy vọng.

Sự hiệp thông này trước hết là sự hiệp thông của người tín hữu với Thiên Chúa, sự hiệp thông làm cho họ được nên một với Thiên Chúa và được diễn tả qua tương giao hài hòa với Chúa trong cuộc sống của người tín hữu. Sự hiệp thông ở chiều sâu này khơi nguồn cho mỗi hiệp thông mà Kitô hữu chia sẻ cho nhau trong Đức Kitô qua tác động của Thánh Thần.

Hiệp thông với Chúa và hiệp thông với nhau, hai chiều kích này không thể tách rời nhau: chiều dọc và chiều ngang của mầu nhiệm hiệp thông duy nhất. Một đảng, sự hiệp thông với Thiên Chúa là nền tảng và điều kiện thiết yếu cho mỗi hiệp thông đích thực giữa các Kitô hữu. Đảng khác, mỗi hiệp thông giữa các anh chị em Kitô hữu lại chính là hoa trái hữu hình nhất và thuyết phục nhất cho sự hiệp thông với Thiên Chúa. Chỉ trong sự hiệp thông toàn diện và sâu xa này, chúng ta mới có thể nói về Giáo Hội như bí tích của sự hiệp nhất nhân loại...

Theo ý hướng trên, Giáo Hội Việt Nam trước hết phải là một cộng đoàn hiệp thông đậm rễ sâu trong đời sống Chúa Ba Ngôi, một cộng đoàn cầu nguyện và chiêm niệm, một cộng đoàn cử hành bí tích với Thánh Thể là trung tâm; kế đến, phải là cộng đoàn tham gia và đồng trách nhiệm, một cộng đoàn hiệp nhất với các chủ chăn cũng như với Giáo Hội duy nhất. Cuối cùng, phải là cộng đoàn làm chứng cho những ý nghĩa và giá trị mà mình tuyên xưng, để cho những giá trị đó nhập thể vào trong lối sống của mình, diễn tả chúng trong cách thể hiện diện, đối thoại và thực hành của mình trong mọi lãnh vực hoạt động của Giáo Hội ngay giữa lòng thế giới. Giáo Hội không ngừng tiến về phía trước trong sứ vụ của mình và đồng hành với toàn thể nhân loại trong hành trình đi tới Vương quốc của Chúa Cha (x. *Nguyễn Khảm, Đi Tìm Một Cách Thể Hiện Diện Mới Của Giáo Hội Tại Châu Á*).

B. HỎI-ĐÁP

- 1- H. Các giám mục Việt Nam muốn xây dựng Giáo Hội như thế nào?
T. Các giám mục Việt Nam muốn xây dựng Giáo Hội Hiệp Thông.
- 2- H. Sự hiệp thông trong Giáo Hội bắt nguồn từ đâu?
T. Sự hiệp thông trong Giáo Hội bắt nguồn từ sự hiệp thông của Ba Ngôi Thiên Chúa. Chúa Cha – Đấng đã ban cho chúng ta Thần Khí của Ngài qua Chúa Con – đòi hỏi chúng ta phải hiệp thông với nhau.
- 3- H. Sự hiệp thông trong Giáo Hội được thể hiện trên bình diện nào ?
T. Sự hiệp thông trong Giáo Hội được thể hiện trên hai bình diện: một là hiệp thông với Thiên Chúa, hai là hiệp thông giữa các Kitô hữu với nhau.
- 4- H. Hai mối hiệp thông này liên kết với nhau như thế nào?
T. Hiệp thông với Thiên Chúa là nền tảng của sự hiệp thông giữa các Kitô hữu và hiệp thông giữa các Kitô hữu là hoa trái của sự hiệp thông với Thiên Chúa.
- 5- H. Sự hiệp thông trong Giáo Hội được biểu lộ qua những hình thức nào?
T. Sự hiệp thông trong Giáo Hội được biểu lộ qua việc các tín hữu lắng nghe giáo huấn các Tông đồ, tham dự Thánh Thể, chuyên cần cầu nguyện và chia sẻ huynh đệ.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Bạn hiểu thế nào về Giáo Hội Hiệp Thông mà Hội Đồng Giám Mục đề nghị với Dân Chúa trong Năm Thánh này?
2. Giáo xứ hay nhóm của bạn đang phát triển theo sự đồng nhất hay hiệp thông, chu cấp hay tham gia?
3. Để xây dựng và phát triển giáo xứ hay nhóm của bạn nên Giáo Hội Hiệp Thông, theo bạn, cần điều chỉnh và canh tân những gì?

5.1 HIỆP THÔNG TRONG KINH NGUYỆN VÀ THÁNH THỂ

A. TRÌNH BÀY

Sự hiệp thông của các tín hữu đầu tiên được biểu lộ qua việc chuyên cần cầu nguyện. Các tín hữu phải có sự đồng tâm nhất trí với nhau mới có thể hiệp thông trong kinh nguyện, vì thiếu sự đồng tâm nhất trí này, lời kinh ca ngợi Thiên Chúa của họ sẽ mất đi ý nghĩa tôn giáo, trở nên giả tạo và không thể hài lòng Thiên Chúa. Vì thế mà thánh Phaolô đã xin Thiên Chúa làm cho giáo đoàn Roma “được đồng tâm nhất trí với nhau, như Đức Giêsu Kitô đòi hỏi. Nhờ đó, [họ] có thể hiệp ý đồng thanh mà tôn vinh Thiên Chúa, là thân phụ của Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta” (Rm 15, 5-6). Lời nguyện của thánh Phaolô nhắc chúng ta nhớ lại lời nhắn nhủ của Đức Giêsu trong Tin Mừng: “Nếu ở dưới đất, hai người trong anh em “tâm đồng ý hiệp” cầu xin bất cứ điều gì, Cha Thầy, Đấng ngự trên trời, sẽ ban cho” (Mt 18, 19). Hơn nữa, Đức Giêsu còn đòi hỏi chúng

ta phải giao hoà với anh chị em trước khi dâng lễ vật lên Thiên Chúa (Mt 5, 23-24).

Sự hiệp thông của các tín hữu còn được biểu lộ, nuôi dưỡng và tăng trưởng nhờ các bí tích đức tin, bắt nguồn từ bí tích Thánh Tẩy và không ngừng được xây dựng nhờ bí tích Thánh Thể. Thánh Thể là suối nguồn và đỉnh cao của cộng đoàn Kitô hữu. Sự hiệp thông trong Giáo Hội không bắt nguồn từ bên ngoài như cuộc họp mặt trong đời sống xã hội mà “từ bên trong và từ bên trên”; do đó, không làm nên một tập thể nhưng trở thành “một Dân, một Thân Mình.”

Chính vì Giáo Hội liên kết chặt chẽ với Thánh Thể như thế mà các nghị phụ trong Thượng Hội Đồng khóa đặc biệt năm 1985, một đảng nhấn mạnh rằng hiệp thông là “ý tưởng nền tảng và trung tâm” để hiểu về Giáo Hội; đảng khác kêu gọi đào sâu một nền Giáo Hội học mang chiều kích Thánh Thể (Eucharistic Ecclesiology).

B. HỎI-ĐÁP

- 1- H. Sự chuyên cần cầu nguyện cho thấy cộng đoàn tín hữu đầu tiên là cộng đoàn thể nào?
 - T. Sự chuyên cần cầu nguyện cho thấy cộng đoàn tín hữu đầu tiên là cộng đoàn đồng tâm nhất trí với nhau.
- 2- H. Tại sao sự chuyên cần cầu nguyện cho thấy cộng đoàn tín hữu đầu tiên có sự đồng tâm nhất trí với nhau?
 - T. Vì thiếu sự đồng tâm nhất trí này, các tín hữu khó có thể họp lại mà cầu nguyện và nếu có, thì lời kinh ca ngợi Thiên Chúa của họ cũng mất hết ý nghĩa, trở nên giả tạo và không thể hài lòng Thiên Chúa.

3- H. Giáo Hội liên kết chặt chẽ với Thánh Thể như thế nào?

T. Thánh Thể là trung tâm và cao điểm của đời sống Giáo Hội. Trong bí tích Thánh Thể, Đức Kitô liên kết Giáo Hội vào hy lễ thập giá của Ngài. Nhờ đó, Giáo Hội được tràn đầy ân sủng, được thanh luyện và đổi mới.

4- H. Thánh Thể có ý nghĩa gì đối với Giáo Hội Việt Nam?

T. Thánh Thể đã nên nguồn sức mạnh cho Giáo Hội Việt Nam trong mọi lúc, nhất là khi gặp khó khăn và bách hại.

5- H. Các tín hữu Việt Nam gắn bó với Thánh Thể như thế nào?

T. Phần đông các tín hữu Việt Nam yêu mến Thánh Thể. Họ sốt sắng tham dự thánh lễ và siêng năng cầu Thánh Thể, nhưng Thánh Thể chưa thực sự trở nên sức mạnh cho họ trong đời sống thường ngày.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Sự hiệp thông trong Giáo Hội không bắt nguồn “từ bên ngoài” như cuộc họp mặt trong đời sống xã hội mà “từ bên trong và từ bên trên”; do đó, không làm nên một tập thể nhưng trở thành “một Dân, một Thân Mình.” Thế nào là bắt nguồn từ bên trong và từ bên trên? Theo bạn, ghi nhận này có tầm quan trọng như thế nào?
2. Theo bạn, kinh nguyện chung trong gia đình hoặc giáo xứ quan trọng và cần thiết như thế nào? Làm sao để bảo tồn và phát triển việc cầu nguyện chung này?
3. Theo bạn, các tín hữu Việt Nam cần phải làm gì để Thánh Thể thực sự trở nên sức mạnh trong đời sống thường ngày?

5.2 HIỆP THÔNG TRONG NIỀM TIN VÀ HY VỌNG NHỜ LẮNG NGHE GIÁO HUẤN CỦA CÁC TÔNG ĐỒ

A. TRÌNH BÀY

Sự hiệp thông trong niềm tin và hy vọng của các tín hữu đầu tiên được thể hiện qua việc lắng nghe giáo huấn các Tông đồ.

Các Tông đồ là những vị được Chúa Kitô tuyển chọn để ở lại với Chúa và sai đi làm cho muôn dân trở nên môn đệ của Chúa. Chúa cũng đã đặt ông Phêrô làm thủ lĩnh các tông đồ, làm “nguyên lý cùng nền tảng cho sự hiệp nhất và hiệp thông trong đức tin” (GH 18). Chân lý này được trình bày rõ ràng và đơn giản trong kinh tiền tụng lễ các Tông đồ: “Cha là Mục Tử hằng hữu, không bỏ rơi đoàn chiên của Cha, nhưng nhờ các Tông Đồ, Cha vẫn luôn giữ gìn che chở. Cha còn hướng dẫn đoàn chiên đó nhờ các ngài là những vị lãnh đạo Cha đã đặt làm mục tử thay thế Con Cha.”

Các Tông Đồ tiếp tục giảng dạy, thánh hóa và hướng dẫn Giáo Hội cho đến khi Đức Kitô trở lại, nhờ những vị kế nhiệm các ngài trong nhiệm vụ mục tử là các giám mục, hiệp nhất với Đấng kế nhiệm thánh Phêrô là Đức Thánh Cha, vị mục tử tối cao của Giáo Hội.

Như chiên nhận biết và lắng nghe tiếng mục tử, các tín hữu chăm chỉ lắng nghe giáo huấn các Tông đồ. Việc lắng nghe này diễn tả sự gắn bó của các tín hữu với Giáo Hội, nghĩa là với Thiên Chúa cũng như với nhau.

B. HỎI-ĐÁP

- 1- H. Vì ý gì mà Chúa Giêsu đã kêu gọi và tuyển chọn các Tông Đồ?
T. Chúa Giêsu đã kêu gọi và tuyển chọn các tông đồ để giảng dạy, thánh hóa và hướng dẫn Giáo Hội.
- 2- H. Làm thế nào các Tông Đồ có thể tiếp tục giảng dạy, thánh hóa và hướng dẫn Giáo Hội cho đến khi Chúa trở lại?
T. Các Tông Đồ có thể tiếp tục giảng dạy, thánh hóa và hướng dẫn Giáo Hội cho đến khi Chúa trở lại, nhờ những vị kế nhiệm các ngài trong nhiệm vụ mục tử là các giám mục.
- 3- H. Chúa đã đặt ai làm thủ lãnh các Tông Đồ, làm “nguyên lý cùng nền tảng cho sự hiệp nhất và hiệp thông đức tin” trong Giáo Hội?
T. Chúa đã đặt thánh Phêrô làm thủ lãnh các Tông Đồ, làm “nguyên lý cùng nền tảng cho sự hiệp nhất và hiệp thông đức tin” trong Giáo Hội.
- 4- H. Ai là người kế nhiệm thánh Phêrô, vị mục tử tối cao của Giáo Hội?
T. Đức Thánh Cha là người kế nhiệm thánh Phêrô, vị mục tử tối cao của Giáo Hội.
- 5- H. Việc các tín hữu lắng nghe giáo huấn các Tông đồ diễn tả điều gì?
T. Việc các tín hữu lắng nghe giáo huấn các Tông đồ diễn tả họ gắn bó với Thiên Chúa cũng như với nhau.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Bạn và giáo dân trong giáo xứ của bạn quan tâm thế nào đối với giáo huấn của Công Đồng?
2. Bạn và giáo dân trong giáo xứ của bạn quan tâm thế nào đối với giáo huấn của Đức Thánh Cha?
3. Bạn và giáo dân trong giáo xứ của bạn quan tâm thế nào đối với giáo huấn của các giám mục?

5.3 HIỆP THÔNG TRONG ĐỨC ÁI

A. TRÌNH BÀY

Các tín hữu đầu tiên không chỉ hiệp thông với nhau trong niềm tin và hy vọng nhưng còn sống niềm tin và hy vọng ấy trong cuộc sống hằng ngày qua việc đề tài sản làm của chung, sống tình liên đới huynh đệ, cố gắng làm sao để trong cộng đoàn không ai phải thiếu thốn (Cv 4,32-35). Họ chia sẻ với đồng đạo những gì mình có, không vì khinh chê vật chất hay coi khinh các giá trị trần thế, nhưng để sống trọn vẹn tinh thần liên đới huynh đệ hầu bảo đảm cho mỗi thành viên những nhu cầu cần thiết. Làm sao có thể gọi là một cộng đoàn huynh đệ đúng nghĩa, nếu giữa các thành viên “kẻ ăn không hết, người lần chẳng ra”?

Sự hiệp thông giữa các tín hữu đầu tiên không chỉ giới hạn trong cộng đoàn nhưng mở ra cho các giáo đoàn, bằng chứng là nhiều cuộc lạc quyên đã được tổ chức để giúp đỡ các giáo đoàn gặp khó khăn (x. 2 Cr 8,4; 9,13; 1 Cr 16,1; Cv 11,27-30).

Các tín hữu đầu tiên gặp rất nhiều khó khăn trong việc thể hiện lý tưởng huynh đệ này. Họ thường xuyên phải đối phó với những khó khăn bên trong cũng như bên ngoài.

Từ bên trong, các tín hữu phải cố gắng thoát khỏi áp lực của nhóm Kitô hữu bảo thủ gốc Do thái muốn trói ghì Kitô giáo trong vòng lễ giáo của Môisen và muốn duy trì nghi thức cắt bì bằng mọi giá, phải đối diện với các hiện tượng phe nhóm hay xung đột trong giáo đoàn như chuyện xích mích giữa nhóm Kitô hữu thiểu số gốc Hy Lạp với nhóm Kitô hữu gốc Do Thái khi các bà goá thuộc nhóm thiểu số bị bỏ rơi (x. Cv 6,1-6), cuộc xung đột giữa hai quan niệm về cứu độ hoặc tương quan giữa Tin mừng và Văn hoá (x. Gl 2,11-14), kiện tụng hay lên án lẫn nhau (1 Cr 6,1-20), gương mù gương xấu hay phân chia giai cấp (1 Cr 8,7-13;11,17-22).

Từ bên ngoài, các Kitô hữu luôn phải sống trong “tình trạng tử đạo” và phải đương đầu với sức tấn công ác liệt của ngoại giáo cũng như của Do Thái giáo. Nhiều tín hữu sống trong thái độ thường xuyên đợi chờ tử đạo. Họ quan niệm “máu của các vị tử đạo là hạt giống nảy sinh các Kitô hữu.”

Dẫu gặp nhiều khó khăn, các tín hữu đầu tiên vẫn cố gắng sống triệt để lý tưởng hiệp thông và huynh đệ của Tin Mừng. Vì thế, cộng đoàn này đã được giới thiệu như cộng đoàn lý tưởng cho tất cả cộng đoàn Kitô giáo ở mọi thời mọi nơi.

B. HỎI-ĐÁP

1- H. Vì ý gì các tín hữu đầu tiên góp tài sản làm của chung?

T. Các tín hữu đầu tiên góp tài sản làm của chung vì muốn sống trọn vẹn tinh thần liên đới huynh đệ, nhờ đó, không ai trong cộng đoàn phải thiếu thốn.

- 2- H. Phải chăng sự hiệp thông huynh đệ giữa các tín hữu đầu tiên chỉ giới hạn trong phạm vi cộng đoàn?
- T. Sự hiệp thông huynh đệ giữa các tín hữu đầu tiên không chỉ giới hạn trong phạm vi cộng đoàn mà còn mở ra cho các cộng đoàn khác.
- 3- H. Các tín hữu đầu tiên gặp những khó khăn nào trong việc thể hiện lý tưởng huynh đệ này?
- T. Các tín hữu đầu tiên gặp những khó khăn bên trong cũng như bên ngoài: từ bên trong như áp lực của nhóm Kitô hữu bảo thủ gốc Do thái, hiện tượng phe nhóm hay xung đột trong giáo đoàn; từ bên ngoài như sự tấn công ác liệt của ngoại giáo cũng như của Do Thái giáo.
- 4- H. Các tín hữu đầu tiên quan niệm thế nào khi gặp phải những khó khăn?
- T. Các tín hữu đầu tiên quan niệm “máu của các vị tử đạo là hạt giống nảy sinh các Kitô hữu.”
- 5- H. Các tín hữu đầu tiên đã sống thế nào trước những khó khăn?
- T. Các tín hữu đầu tiên vẫn cố gắng sống triệt để lý tưởng hiệp thông và huynh đệ của Tin Mừng. Vì thế, cộng đoàn của họ được xem là cộng đoàn lý tưởng cho tất cả cộng đoàn Kitô giáo ở mọi nơi cũng như mọi thời.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Bạn lãnh hội được gì từ sự hiệp thông huynh đệ giữa các tín hữu đầu tiên?
2. Bạn lãnh hội được gì từ những khó khăn của cộng đoàn tín hữu đầu tiên?

3. Bạn lãnh hội được gì từ những cố gắng của các tín hữu đầu tiên trước những khó khăn?

ĐỀ TÀI 6: GIÁO HỘI VIỆT NAM MUỐN TRỞ NÊN MỘT GIA ĐÌNH HƠN MỘT PHẨM TRẬT

A. TRÌNH BÀY

Trong việc xây dựng một Giáo Hội hiệp thông, điều cần quan tâm là xây dựng sự hiệp thông giữa các thành phần Dân Chúa. Vì Giáo Hội là của mọi người tín hữu, nên mọi thành phần trong Giáo Hội đều phải liên kết với nhau và cùng chia sẻ trách nhiệm. Vẫn biết không dễ gì hiện thực ngay được ý thức đó trong đời sống, thế nhưng, đây lại là điều cần làm ngay.

Chính các Giám mục Việt Nam đã nói đến nhu cầu cấp bách này trong Thượng Hội đồng Giám mục Á châu như sau: “Cần thiết phải xây dựng Giáo Hội như một gia đình của những con cái Thiên Chúa hơn là như một phẩm trật được phú ban với những cơ cấu và luật lệ nghiêm minh. Giáo Hội như một gia đình sẽ hòa nhập tốt hơn vào xã hội Việt Nam.”

Những lá thư mục vụ của Hội đồng Giám mục Việt Nam cũng liên tục nhắc lại lời mời gọi mọi phần tử trong Giáo Hội, chủ chăn cũng như giáo dân, đang hoạt động hoặc còn đang được đào tạo nơi các chủng viện hay dòng tu, phải thật sự canh tân, đổi mới tư duy để cùng dựng xây một Giáo Hội như lòng Chúa mong muốn (Đề Cương 20).

B. HỎI - ĐÁP

- 1- H. Công Đồng Vaticanô II dạy thế nào về vai trò của mọi tín hữu trong việc xây dựng Giáo Hội?
 - T. Công Đồng Vaticanô II khẳng định mọi thành phần Dân Chúa, giáo sĩ, tu sĩ và giáo dân, đều có quyền và trách nhiệm tham gia vào công việc xây dựng Giáo Hội Chúa Kitô.

- 2- H. Các Kitô hữu phải làm những gì để xây dựng Giáo Hội Hiệp Thông?
 - T. Một là phải hiệp thông với Chúa cũng như với nhau. Hai là phải loan báo Tin Mừng cho muôn dân. Ba là yêu thương và phục vụ cho sự sống dồi dào của mọi người trong xã hội.

- 3- H. Theo các giám mục Việt Nam, chúng ta phải xây dựng Giáo Hội như thế nào để hòa nhập tốt hơn vào xã hội?
 - T. Chúng ta phải xây dựng Giáo Hội như một gia đình của những con cái Thiên Chúa, hơn là như một phẩm trật được phú ban với những cơ cấu và luật lệ nghiêm minh.

- 4- H. Để xây dựng Giáo Hội như một gia đình, các giám mục Việt Nam mời gọi các tín hữu làm gì?
 - T. Các giám mục Việt Nam mời gọi các tín hữu, chủ chăn cũng như giáo dân, đang hoạt động cũng như đang được đào tạo nơi các chủng viện hay dòng tu, phải đổi mới tư duy để chung xây một Giáo Hội như lòng Chúa mong ước.

- 5- H. Để xây dựng sự hiệp thông giữa các thành phần Dân Chúa, Giáo Hội Việt Nam phải đối diện với những thách đố nào?

T. Giáo Hội Việt Nam phải quan tâm nhiều hơn đến vai trò của giáo dân, vì giáo dân chỉ được xem là khí cụ của hàng giáo sĩ hơn là những người chia sẻ trách nhiệm trong cùng một sứ mệnh Chúa trao.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Theo bạn, có thể xây dựng Giáo Hội như một gia đình trong khi vẫn duy trì phẩm trật không?
2. Bạn có những đề nghị nào để giúp giáo xứ trở thành một gia đình, trong đó mọi người quan tâm đến nhau, liên đới và đoàn kết với nhau trong việc phục vụ ích chung?
3. Theo bạn, cần phải làm gì để giáo dân thực sự là những người chia sẻ trách nhiệm với linh mục trong cùng một sứ mệnh Chúa trao phó cho cộng đoàn?

6.1 VAI TRÒ CỦA KITÔ HỮU GIÁO DÂN TRONG GIÁO HỘI

A. TRÌNH BÀY

Giáo dân là toàn bộ các Kitô hữu không thuộc thành phần có chức thánh hoặc tu sĩ, được tháp nhập với Chúa Kitô nhờ bí tích Thánh Tẩy và Thêm Sức, được hội nhập vào dân Thiên Chúa, được tham dự chức năng tiên tri, tư tế và mục tử của Chúa Kitô theo cách thức riêng của mình là “tìm kiếm Nước Thiên Chúa ngay trong chính việc quản trị và sắp đặt các sự việc trần thế theo ý Thiên Chúa. Họ sống giữa trần gian, nghĩa là giữa tất cả cũng như từng công việc và bổn phận trần thế, giữa những cảnh sống thường ngày trong gia đình và ngoài xã

hội... để như men từ bên trong, họ thánh hóa thế giới... hầu ca tụng Đấng Tạo Hóa và Đấng Cứu Độ” (GH 31).

Cụ thể, giáo dân tham dự vào chức vụ tiên tri của Chúa Kitô bằng việc Phúc Âm hóa, “nghĩa là loan báo Chúa Kitô bằng đời sống chứng tá và bằng lời nói”. Đặc biệt trong đời sống hôn nhân và gia đình, trong sinh hoạt nghề nghiệp và những dân thân xã hội khác (x. GH 35). Những giáo dân có khả năng và được đào tạo còn có thể góp phần trong việc dạy giáo lý (GL 774), dạy các khoa học thánh (GL 229), và trong việc sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội (GL 823).

Giáo dân tham dự vào chức vụ tư tế của Chúa Kitô bằng việc làm cho “mọi hoạt động, kinh nguyện, công việc tông đồ, đời sống hôn nhân và gia đình, việc làm ăn thường ngày, việc giải lao cho tâm trí cũng như thể xác và mọi thử thách của cuộc sống... trở nên hiến lễ thiêng liêng đẹp lòng Thiên Chúa nhờ Đức Giêsu Kitô” (GH 34), và hiến lễ đó được liên kết với việc dâng lên Chúa Cha. Như thế “giáo dân thánh hiến thế giới này cho Thiên Chúa, thờ phượng Thiên Chúa khắp nơi bằng đời sống thánh thiện của mình” (GH 34).

Giáo dân tham dự vào chức vụ mục tử của Chúa Kitô, khi họ “chiến thắng ách thống trị của tội lỗi nơi mình, bằng một đời sống từ bỏ mình và thánh thiện” (GH 36), khi “làm cho những giá trị luân lý thấm nhập vào văn hóa và các công trình của loài người” (GH 36), khi “thi hành những tác vụ khác nhau tùy theo ơn huệ và đặc sủng mà Chúa trao ban” (LBTM 11).

Giáo Hội tại Việt Nam cách nào đó vẫn chưa quan tâm đủ đến vai trò người giáo dân trong Giáo Hội. Nhiều giáo dân vẫn tự cho mình chỉ là một “cánh tay”, một dụng cụ hỗ trợ hàng giáo sĩ hơn là những người chia sẻ trách nhiệm trong cùng một sứ mệnh Chúa trao. Quả thật, đây vẫn còn là một thách đố cho

Giáo Hội tại Việt Nam khi phải trở nên “cộng đoàn của các cộng đoàn”, hay “nguyên lý hiệp thông” của các cộng đoàn.

B. HỎI ĐÁP

1- H. Theo Công Đồng, giáo dân là ai?

T. Giáo dân là toàn bộ các Kitô hữu không thuộc thành phần có chức thánh hoặc tu sĩ, được tháp nhập với Chúa Kitô nhờ bí tích Thánh Tẩy và Thêm Sức, được hội nhập vào dân Thiên Chúa, được tham dự các chức vụ tiên tri, tư tế và mục tử của Chúa Kitô theo cách thức riêng của mình.

2- H. Vai trò chính yếu của giáo dân là gì?

T. Vai trò chính yếu của giáo dân là tìm kiếm Nước Thiên Chúa ngay trong chính việc quản trị và xếp đặt các sự việc trần thế theo ý Thiên Chúa. Họ sống giữa trần gian, nghĩa là giữa tất cả cũng như từng công việc và bổn phận trần thế, giữa những cảnh sống thường ngày trong gia đình và ngoài xã hội... để như men từ bên trong, thánh hóa thế giới... hầu ca tụng Đấng Tạo Hóa và Đấng Cứu Độ.

3- H. Giáo dân tham dự vào chức vụ tiên tri của Chúa Kitô như thế nào?

T. Giáo dân tham dự vào chức vụ tiên tri của Chúa Kitô bằng việc Phúc Âm hóa, nghĩa là loan báo Chúa Kitô bằng đời sống chứng tá và bằng lời nói.

4- H. Giáo dân tham dự vào chức vụ tư tế của Chúa Kitô như thế nào?

T. Giáo dân tham dự vào chức vụ tư tế của Chúa Kitô qua việc làm cho “mọi hoạt động, kinh nguyện, công việc

tông đồ, đời sống hôn nhân và gia đình, việc làm ăn thường ngày, việc giải lao cho tâm trí cũng như thể xác và mọi thử thách của cuộc sống... trở nên hiển lễ thiêng liêng đẹp lòng Thiên Chúa nhờ Đức Giêsu Kitô” (GH 34).

5- H. Giáo dân tham dự vào chức vụ mục tử của Chúa Kitô như thế nào?

T. Giáo dân tham dự vào chức vụ mục tử của Chúa Kitô khi “chiến thắng ách thống trị của tội lỗi nơi mình, bằng một đời sống từ bỏ mình và thánh thiện” (GH 36), khi “làm cho những giá trị luân lý thấm nhập vào văn hóa và các công trình của loài người” (GH 36), khi “thi hành những tác vụ khác nhau tùy theo ơn huệ và đặc sủng mà Chúa trao ban” (LBTM 11).

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Theo bạn, tính cách riêng và đặc thù của giáo dân trong Giáo Hội là gì?
2. Là giáo dân, bạn ý thức thế nào về vai trò và nhiệm vụ của mình trong Giáo Hội?
3. Là giáo dân, bạn tham dự thế nào vào các chức vụ tiên tri, tư tế và mục tử của Chúa Kitô?

6.2 VAI TRÒ CỦA KITÔ HỮU GIÁO SĨ TRONG GIÁO HỘI

A. TRÌNH BÀY

Trong Giáo Hội, các tác vụ đứng hàng đầu là các tác vụ phát xuất từ bí tích Truyền Chức Thánh. Qua bí tích này, các thừa tác viên lãnh nhận thánh chức và quyền bính mà hành động “thay mặt Đức Kitô là Đầu” để phục vụ Giáo Hội và nhờ Lời Chúa và các bí tích mà quy tụ Giáo Hội trong Chúa Thánh Thần. Với danh nghĩa là chủ chăn, các thừa tác viên có chức thánh thi hành các nhiệm vụ giáo huấn, thánh hoá và hướng dẫn. “Nhiệm vụ giáo huấn là một nhiệm vụ trỗi vượt trong các nhiệm vụ chính yếu của Giám mục” (GH 25). “Các linh mục, vì là cộng sự viên của các Giám mục, nên trước tiên có nhiệm vụ loan báo cho mọi người Phúc Âm của Thiên Chúa” (LM 4). Đức Giáo Hoàng thủ lĩnh giám mục đoàn, được hưởng ơn vô ngộ khi lấy tư cách là chủ chăn và thầy dạy tối cao để công bố một giáo thuyết về đức tin và phong hóa bằng một phán quyết chung. Giám mục đoàn cũng được hưởng ơn vô ngộ khi đồng thanh giảng dạy không những trong Công Đồng chung, mà cả khi các ngài thông hảo với nhau và với Đấng kế vị Phêrô để giảng dạy những giáo lý về đức tin và phong hóa (x. GH 25).

Giám mục và linh mục – cộng sự viên của hàng giám mục – có nhiệm vụ phân phát các mâu nhiệm thánh; giúp các Kitô hữu lớn lên trong ơn nghĩa thánh nhờ lắng nghe và tuân giữ Lời Chúa, lãnh nhận các bí tích và trở nên nhân chứng trung thành của Chúa; giúp họ sống thánh thiện theo ơn gọi của mỗi người; và nêu gương thánh thiện bằng bác ái, khiêm nhường và đời sống đơn giản.

Các giám mục và linh mục sống giữa dân mình như người cha và chủ chăn. Như những người cha, các ngài yêu thương và lo lắng cho hết mọi người. Như những chủ chăn, các ngài quy tụ đoàn chiên của mình thành một gia đình, trong đó, mọi người đều ý thức trách nhiệm của mình, sống và hành động trong hiệp thông bác ái. Các ngài hướng dẫn Giáo Hội trong tinh thần phục vụ như Thầy mình và trong sự hiệp thông với Hội Thánh toàn cầu, dưới sự hướng dẫn của Đức Giáo Hoàng.

B. HỎI-ĐÁP

1- H. Giáo sĩ là ai?

T. Giáo sĩ là các Kitô hữu lãnh nhận thánh chức và quyền bính mà hành động “thay mặt Đức Kitô là Đầu” để quy tụ và phục vụ Giáo Hội trong Chúa Thánh Thần.

2- H. Giáo sĩ gồm những ai và có những nhiệm vụ nào?

T. Giáo sĩ gồm có giám mục, linh mục và phó tế. Các ngài có nhiệm vụ giáo huấn, thánh hoá và hướng dẫn.

3- H. Giáo sĩ thi hành nhiệm vụ giáo huấn như thế nào?

T. Các ngài thi hành nhiệm vụ giáo huấn qua việc “loan báo cho mọi người Tin Mừng của Thiên Chúa” (LM 4). Đức Giáo Hoàng được hưởng ơn vô ngộ khi lấy tư cách là chủ chăn và thầy dạy tối cao để công bố một giáo thuyết về đức tin và phong hóa bằng một phán quyết chung.

4- H. Giáo sĩ thi hành nhiệm vụ thánh hóa như thế nào?

T. Các ngài thi hành nhiệm vụ thánh hóa qua việc phân phát các mầu nhiệm thánh hầu giúp các Kitô hữu lớn lên trong ơn nghĩa thánh, trở nên thánh thiện theo ơn gọi của mình và nêu gương thánh thiện cho mọi người.

5- H. Giáo sĩ thi hành nhiệm vụ hướng dẫn như thế nào?

T. Các ngài sống giữa dân mình như người cha và chủ chăn. Như những người cha, các ngài yêu thương và lo lắng cho hết mọi người. Như những chủ chăn, các ngài quy tụ đoàn chiên của mình thành một gia đình, trong đó, mọi người đều ý thức và chu toàn trách nhiệm của mình trong hiệp thông huynh đệ.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Nếu giáo sĩ được mời gọi sống giữa Dân như người cha yêu thương và lo lắng cho hết mọi người trong gia đình Giáo Hội, thì giáo dân được mời gọi sống với các ngài như thế nào?
2. Nếu giáo sĩ được mời gọi sống giữa Dân như người chủ chăn chăm lo cho đoàn chiên của mình, thì giáo dân được mời gọi sống với các ngài như thế nào?
3. Trong trường hợp giáo sĩ sống giữa Dân không như người cha và chủ chăn, thì giáo dân sẽ phải hành xử thế nào cho hợp với bản chất Giáo Hội là Hiệp Thông?

6.3 TƯƠNG QUAN GIỮA KITÔ HỮU GIÁO SĨ VÀ KITÔ HỮU GIÁO DÂN TRONG GIÁO HỘI

A. TRÌNH BÀY

Trước khi nói đến sự khác biệt trong đời sống và chức vụ giữa giáo sĩ và giáo dân, thiết tưởng phải nói đến sự bình đẳng giữa những người lãnh nhận bí tích Thánh Tẩy trong Chúa Kitô. Về điểm này, Công Đồng Vaticanô II trong Hiến chế Tín lý về Giáo Hội viết: “Mọi chi thể có chung một phẩm giá được

tái sinh trong Chúa Kitô, một ân huệ được làm con, một ơn gọi nên trọn lành; chỉ có một ơn cứu độ, một niềm hy vọng duy nhất và một đức ái không phân chia” (GH 32). Theo Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II, vì có chung phẩm giá, giáo dân là người đồng trách nhiệm với các thừa tác viên có chức thánh cũng như các tu sĩ trong sứ vụ của Giáo Hội. Tuy nhiên, nơi giáo dân, phẩm giá chung này có một thể thức khác, thể thức này phân biệt nhưng không tách biệt với linh mục và tu sĩ, mà nằm ngay trong tính cách trần thế là tính cách riêng và đặc thù của giáo dân (x. KTHGD 15).

Công Đồng trong Sắc lệnh Tông Đồ Giáo Dân còn viết: “Các giám mục, các cha sở, các linh mục dòng triều phải nhớ rằng quyền và bổn phận làm tông đồ là chung cho tất cả mọi tín hữu không phân biệt giáo sĩ hay giáo dân, và trong việc xây dựng Giáo Hội, giáo dân cũng có phần riêng của họ. Vì thế các ngài phải cùng với giáo dân làm việc trong Giáo Hội và cho Giáo Hội với tinh huynh đệ, cũng như phải đặc biệt để tâm lo cho giáo dân trong khi họ làm việc tông đồ... Luôn trung thành với tinh thần và giáo lý của Giáo Hội, các ngài phải giúp cho giáo dân và hàng giáo phẩm có được những liên lạc thích đáng, phải ra sức nuôi dưỡng đời sống thiêng liêng và tinh thần tông đồ nơi các đoàn thể công giáo đã được trao phó cho các ngài, và phải hiện diện trong các hoạt động của các đoàn thể đó bằng ý kiến khôn ngoan và cổ vũ những sáng kiến của chúng. Qua các tiếp xúc thường xuyên với giáo dân, các ngài phải chú tâm tìm kiếm xem những hình thức nào đem lại kết quả hơn cho hoạt động tông đồ. Các ngài phải cổ vũ tinh thần hiệp nhất ngay trong đoàn thể mình phụ trách cũng như giữa đoàn thể này với các đoàn thể bạn” (KTHGD 25).

Hội đồng Giám mục Việt Nam cũng kêu gọi các giáo sĩ: “Với ý thức chân chính về mối hiệp thông giữa các thành phần dân Chúa, chúng ta nên mạnh dạn và nhanh chóng rời bỏ

những cách hành xử “bao cấp” hay “quan liêu”, theo kiểu giáo sĩ cung ứng tất cả mọi sự, giáo dân phải lệ thuộc giáo sĩ, để xây dựng một Giáo Hội tham gia. Giáo Hội ấy, như thánh Phaolô mô tả, “không còn là Do Thái hay Hy Lạp” (1 Cr 3,28), nhưng chỉ là một trong đức tin, đức cậy, và đức mến, nhiệt tình trong một sứ mệnh duy nhất (Đề Cương 21).

B. HỎI-ĐÁP

1- H. Công Đồng Vaticanô II nói thế nào về sự bình đẳng giữa các Kitô hữu?

T. Theo Công Đồng Vaticanô II, “mọi chi thể đều có chung một phẩm giá được tái sinh trong Chúa Kitô, một ân huệ được làm con, một ơn gọi nên trọn lành; chỉ có một ơn cứu độ, một niềm hy vọng duy nhất và một đức ái không phân chia” (GH 32).

2- H. Dựa vào đâu mà Giáo Hội xác quyết giáo dân là người đồng trách nhiệm với các giáo sĩ và tu sĩ?

T. Giáo Hội xác quyết giáo dân là người đồng trách nhiệm với các giáo sĩ và tu sĩ dựa vào phẩm giá chung của các Kitô hữu.

3- H. Do đâu phẩm giá chung của các Kitô hữu, nơi giáo dân, có một thể thức khác với giáo sĩ và tu sĩ?

T. Phẩm giá chung của Kitô hữu, nơi giáo dân, có một thể thức khác với giáo sĩ và tu sĩ do tính cách trần thế là tính cách riêng và đặc thù của giáo dân.

4- H. Để cải thiện tương quan giữa giáo sĩ và giáo dân, các giám mục Việt Nam kêu gọi những gì từ phía các giáo sĩ?

T. Các giám mục Việt Nam kêu gọi các giáo sĩ nên mạnh dạn và nhanh chóng rời bỏ những cách hành xử “bao cấp” hay “quan liêu”, theo kiểu giáo sĩ cung ứng tất cả mọi sự, giáo dân phải lệ thuộc giáo sĩ, để xây dựng một Giáo Hội Hiệp Thông.

5- H. Giáo dân cần phải làm gì để góp phần cải thiện tương quan giữa giáo sĩ và giáo dân?

T. Giáo dân phải ý thức rõ vai trò và nhiệm vụ của mình trong Giáo Hội, đồng thời thực thi vai trò và nhiệm vụ ấy như những người đồng trách nhiệm với các linh mục và tu sĩ.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Sự bình đẳng giữa các Kitô hữu có mâu thuẫn với việc có các chức vụ khác nhau trong Giáo Hội không? Nếu không thì chúng hòa hợp với nhau như thế nào?
2. Giáo xứ của bạn là cộng đoàn, trong đó, linh mục chu cấp hết mọi sự hay mọi người cùng chia sẻ trách nhiệm chung?
3. Theo bạn, giáo sĩ và giáo dân Việt Nam cần phải làm gì để đổi mới tương quan với nhau trong Giáo Hội?

ĐỀ TÀI 7: GIÁO HỘI VIỆT NAM MUỐN XÂY DỰNG SỰ HIỆP THÔNG THEO MÔ HÌNH GIÁO HỘI THAM GIA

A. TRÌNH BÀY

Dựa trên nền Giáo Hội học về hiệp thông, các giám mục Á châu thúc đẩy việc xây dựng Giáo Hội như là sự hiệp thông của các cộng đoàn cũng như của các thành phần Dân Chúa trong từng cộng đoàn. Từ đó, các ngài đưa ra một hướng đi mới là làm sao mỗi Giáo Hội địa phương phải trở thành một Giáo Hội Tham Gia, trong đó mọi thành phần Dân Chúa thể hiện được ơn gọi và vai trò riêng của mình, đồng thời tham gia vào sứ mạng chung của Giáo Hội.

Trong tông huấn Người Kitô hữu Giáo dân, Đức Gioan Phaolô II nhấn mạnh đến nhu cầu của con người hôm nay muốn được tham gia vào tiến trình của xã hội mà trong đó họ là thành viên. Ngài coi đó là “một trong những nét đặc thù nhất của nhân loại hôm nay, một dấu chỉ thời đại đang phát triển trong nhiều lãnh vực và bằng nhiều cách khác nhau.” Kế đến, ngài bàn về sự tham gia của người giáo dân vào đời sống của giáo xứ, nhấn mạnh đến vai trò hết sức cần thiết của người giáo dân trong mọi sinh hoạt của cộng đoàn Giáo Hội.

Quan điểm của Đức Thánh Cha được minh họa rõ nét nhất qua cách ngài khai triển dụ ngôn những người thợ làm vườn nho (Mt 20,1-16) trong phần đầu của Tông Huấn. Tất cả mọi người đều được gọi đi làm việc trong vườn nho của Chúa. Không có chuyện thất nghiệp ở đây và cũng không được phép để cho ai thất nghiệp! Nếu hiểu vườn nho ở đây là Giáo Hội thì Giáo Hội phải trở thành một “Giáo Hội Tham Gia,” trong đó

mọi người đều tham gia và đồng trách nhiệm, mọi người đều bình đẳng và đều cảm thấy mình thực sự là thành viên.

Dựa trên ý tưởng căn bản này, văn phòng Giáo dân và văn phòng Phát triển Con người thuộc Liên Hội Đồng Giám Mục Á Châu đã triển khai một số chỉ dẫn trong việc xây dựng một Giáo Hội Tham Gia tại Á châu. Theo đó, Giáo Hội Tham Gia trước hết là một cộng đoàn, trong đó mọi tín hữu đều dự phần vào sứ mạng của Dân Chúa trong Giáo Hội cũng như trong thế giới, một cộng đoàn đồng trách nhiệm, bình đẳng, và tích cực tham gia vào sứ mạng Chúa Kitô.

Các giám mục Việt Nam thì kêu gọi mọi tín hữu ý thức mình thuộc về Gia đình của Chúa Kitô, tích cực tham gia vào các hội đoàn hay nhóm nhỏ Kitô hữu trong giáo xứ, thay đổi tương quan giữa giáo sĩ và giáo dân, tạo điều kiện cho mọi người tham gia nhiều hơn vào việc bàn thảo và quyết định kế hoạch mục vụ chung. (Đề Cương 21).

B. HỎI-ĐÁP

1- H. Giáo Hội Tham Gia là một cộng đoàn như thế nào?

T. Giáo Hội tham gia là một cộng đoàn, trong đó mọi thành phần Dân Chúa thể hiện được ơn gọi và vai trò riêng của mình, đồng thời tham gia vào sứ mạng chung của Giáo Hội.

2- H. Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II diễn tả vai trò hết sức cần thiết của người giáo dân trong Giáo Hội và sự tham gia của họ vào đời sống của giáo xứ như thế nào?

T. Đức Thánh Cha nhấn mạnh đến việc mọi người đều được mời gọi làm việc trong vườn nho của Chúa và xác quyết

không có ai thất nghiệp và cũng không được phép để cho ai thất nghiệp.

3- H. Theo Liên Hội đồng Giám mục Á châu, Giáo Hội Tham Gia có những đặc điểm nào?

T. Theo Liên Hội đồng Giám mục Á châu, Giáo Hội Tham Gia có bốn đặc điểm này:

- Một là mọi tín hữu đều dự phần vào sứ mạng của Dân Chúa;
- Hai là mọi tín hữu đều bình đẳng với nhau;
- Ba là mọi tín hữu đều chia sẻ trách nhiệm chung;
- Bốn là mọi tín hữu đều dấn thân trong sứ mạng yêu thương và phục vụ của Chúa Kitô.

4- H. Để xây dựng một Giáo Hội tham gia, Giáo Hội Việt Nam cần phải thực hiện những gì?

T. Để xây dựng một Giáo Hội tham gia, Giáo Hội Việt Nam:

- Trước tiên, phải giúp các tín hữu có được cảm thức sâu xa về Giáo Hội và tích cực tham gia vào các hội đoàn hay nhóm nhỏ Kitô hữu trong giáo xứ,
- thứ đến, mạnh dạn thay đổi cách hành xử theo kiểu giáo sĩ cung ứng mọi sự và giáo dân phải lệ thuộc giáo sĩ, bằng cách lãnh đạo dựa trên tinh thần đồng trách nhiệm và tập đoàn tính,
- cuối cùng, tạo điều kiện cho mọi người tham gia nhiều hơn vào việc bàn thảo và quyết định kế hoạch mục vụ chung.

5- H. Để xây dựng Giáo Hội tham gia, cần canh tân thành phần nào trong Giáo Hội?

T. Để xây dựng Giáo Hội tham gia, chúng ta không thể canh tân một chiều từ giáo sĩ hoặc giáo dân nhưng phải canh tân cả hai trong cả khối óc lẫn con tim.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Bạn có nghĩ nhu cầu tham gia vào đời sống xã hội là “một trong những nét đặc thù của nhân loại hôm nay, một dấu chỉ thời đại đang phát triển trong nhiều lãnh vực và bằng nhiều cách khác nhau” không? Nếu có thì xây dựng Giáo Hội Tham Gia là một đòi hỏi của thời đại?
2. Trong các việc Giáo Hội Việt Nam cần thực hiện để xây dựng Giáo Hội tham gia (xem phần hỏi đáp, câu 4), theo bạn, đâu là việc quan trọng và khẩn thiết hơn cả? Tại sao?
3. Bạn thử đề nghị một cách thức giúp mọi thành phần trong giáo xứ tham gia vào các sinh hoạt chung của giáo xứ hoặc tham gia vào việc bàn thảo và quyết định chung trong giáo xứ.

7.1 XÂY DỰNG GIÁO HỘI THAM GIA BẰNG CÁCH KHƠI LÊN Ý THỨC VỀ GIÁO HỘI VÀ Ý THỨC XÂY DỰNG GIÁO HỘI

A. TRÌNH BÀY

Trong Tông huấn Kitô Hữu Giáo Dân, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II tha thiết kêu gọi mọi người và từng người, linh mục cũng như giáo dân, duy trì không chút mệt mỏi ý thức về Giáo Hội trong tâm trí và trong đời sống của mình, nghĩa là nhận thức được ý nghĩa của việc là chi thể của Giáo Hội Chúa Kitô và là người được dự phần vào mầu nhiệm hiệp thông cũng như sự năng động của Giáo Hội trong việc tông đồ và truyền giáo.

Điều đặc biệt quan trọng là mọi Kitô hữu phải ý thức rằng qua bí tích Thánh Tẩy, họ đã nhận được một phẩm giá phi thường; đó là nhờ ân sủng, họ được kêu gọi làm con yêu dấu của Chúa Cha, làm chi thể được tháp nhập vào Chúa Kitô và Giáo Hội của Ngài, và làm đền thờ sống động và thánh thiện của Chúa Thánh Thần. Một lần nữa, với lòng cảm động và biết ơn, chúng ta hãy nghe lại những lời của thánh sử Gioan: “Anh em hãy xem, Chúa Cha yêu thương ta dường nào, đến nỗi chúng ta được gọi là con Thiên Chúa; thực sự chúng ta là thế” (1 Ga 3,1).

Một dòng sự sống mới mẻ Kitô giáo này đã được ban cho các chi thể của Giáo Hội, làm nền tảng cho việc tham dự vào các chức vụ tiên tri, tư tế và mục tử của Chúa Kitô cũng như cho ơn gọi nên thánh trong tình yêu, dòng khác sự sống ấy được diễn tả và thực hiện nơi giáo dân theo tính cách trần thế vốn là tính cách riêng biệt và đặc thù của họ.

Ý thức về Giáo Hội không chỉ tạo ra ý thức về phẩm giá chung của các Kitô hữu, nhưng còn mang lại cảm thức thuộc về mâu nhiệm Giáo Hội - Hiệp thông. Đây là khía cạnh căn bản và không thể chối cãi của đời sống và sứ vụ của Giáo Hội. Đối với mọi người và từng người, lời nguyện xin tha thiết của Chúa Giêsu trong bữa Tiệc Ly “xin cho chúng được nên một” (Ga 17,21) mỗi ngày phải trở nên chương trình sống và hoạt động có tính cách bó buộc và không thể chối cãi.

Cảm thức thực sự về sự hiệp thông trong Giáo Hội vốn là ân huệ của Chúa Thánh Thần thúc đẩy ta đáp trả cách tự do và quảng đại, sẽ nảy sinh như hoa trái quý giá của nó, trong Giáo Hội “duy nhất và công giáo,” giá trị của sự đa dạng phong phú của ơn gọi, hoàn cảnh sống, đặc sủng, tác vụ, công việc và trách nhiệm, cũng như sự hợp tác rõ ràng và dứt khoát hơn của các nhóm, các hiệp hội và các phong trào giáo dân, trong việc chu toàn sứ vụ cứu độ chung của Giáo Hội. Sự hiệp thông này tự nó đã là dấu chỉ lớn lao đầu tiên về sự hiện diện của Đức Kitô Cứu Thế trong thế giới; đồng thời thúc đẩy hoạt động tông đồ và truyền giáo đích thực của Giáo Hội (KTHGD 64).

B. HỎI-ĐÁP

- 1- H. Trong Tông huấn Kitô Hữu Giáo Dân, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II kêu gọi chúng ta điều gì?
 - T. Trong Tông huấn Kitô Hữu Giáo Dân, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II kêu gọi các Kitô hữu luôn gìn giữ trong tâm trí và trong đời sống của mình, một ý thức về Giáo Hội.
- 2- H. Tại sao Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II kêu gọi chúng ta luôn ý thức về Giáo Hội?

T. Vì ý thức về Giáo Hội không những giúp chúng ta ý thức về phẩm giá chung của các Kitô hữu mà còn mang lại cho ta cảm thức thuộc về mầu nhiệm Giáo Hội – Hiệp Thông.

3- H. Ý thức về Giáo Hội giúp chúng ta ý thức thế nào về phẩm giá của mình?

T. Ý thức về Giáo Hội giúp chúng ta ý thức rằng nhờ ân sủng của bí tích Thánh Tẩy, chúng ta được kêu gọi làm con yêu dấu của Chúa Cha, làm chi thể được tháp nhập vào Chúa Kitô và Giáo Hội của Ngài, và làm đền thờ sống động của Chúa Thánh Thần.

4- H. Ý thức về Giáo Hội còn mang lại cho chúng ta điều gì?

T. Ý thức về Giáo Hội còn mang lại cho chúng ta cảm thức thuộc về mầu nhiệm Giáo Hội – Hiệp Thông.

5- H. Cảm thức về sự hiệp thông trong Giáo Hội mang lại những hoa trái nào?

T. Cảm thức về sự hiệp thông trong Giáo Hội vừa mang lại giá trị của sự đa dạng phong phú của ơn gọi, hoàn cảnh sống, đặc sủng, tác vụ, công việc và trách nhiệm, vừa mang lại sự hợp tác rõ ràng và dứt khoát hơn của các nhóm, các hiệp hội và các phong trào giáo dân, trong việc chu toàn sứ vụ cứu độ chung của Giáo Hội.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Theo bạn, giáo xứ cần làm những gì để khơi dậy nơi các tín hữu ý thức về Giáo Hội và ý thức xây dựng Giáo Hội trong Năm Thánh này?
2. Có khi nào bạn cảm thấy mình thực sự thuộc về Giáo Hội không? Những khi nào và như thế nào? Hoặc có khi nào bạn

cảm thấy xa lạ với cộng đoàn hoặc cộng đoàn trở nên xa lạ đối với bạn không? Những lúc ấy bạn làm gì để phục hồi và canh tân cảm thức về Giáo Hội?

3. Cảm thức về sự hiệp thông trong Giáo hội có giúp mọi người trong giáo xứ của bạn sống mẫu nhiệm Giáo Hội cách mới mẻ, cụ thể là linh mục, tu sĩ và giáo dân trong giáo xứ nhìn nhận và đón nhận nhau như anh chị em, cầu nguyện và chia sẻ lời Chúa, yêu thương và phục vụ trong sự đồng tâm nhất trí với nhau không? Nếu có thì như thế nào? Nếu không thì làm gì?

7.2 XÂY DỰNG GIÁO HỘI THAM GIA BẰNG CÁCH CÙNG CỐ QUAN HỆ BÌNH ĐẲNG VÀ TINH THẦN ĐỒNG TRÁCH NHIỆM GIỮA CÁC KITÔ HỮU

A. TRÌNH BÀY

Giáo Hội Tham Gia là một cộng đoàn bình đẳng thực sự. Như Công Đồng Vaticanô II đã khẳng định, mọi tín hữu đều bình đẳng với nhau về phẩm giá cũng như về hoạt động mà họ chia sẻ trong việc xây dựng Thân Mình Chúa Kitô.

Trên nền tảng đó, không thể có sự kỳ thị hay phân biệt giữa giáo sĩ với giáo dân, trí thức với bình dân, người giàu với người nghèo, kẻ quyền thế với người cô thế... vì tất cả đều được gọi đến sự thánh thiện, tất cả đều được chia sẻ cùng một ân huệ đức tin, tất cả đều có cái gì đó để trao ban và hiến tặng. Không ai chỉ hoàn toàn trao ban mà không cần nhận lãnh, và cũng không ai chỉ nhận lãnh mà không có gì để trao ban.

Giáo Hội Tham Gia còn là một cộng đoàn đồng trách nhiệm, trong đó mọi tín hữu đều chia sẻ trách nhiệm chung và trở nên đồng nghiệp trong cùng một sứ mạng là sứ mạng yêu thương và phục vụ của Chúa Kitô. Khi người giáo dân tham gia vào công việc chung của Giáo Hội, họ không thể chỉ bị xem như cánh tay nối dài của linh mục; đúng hơn họ chia sẻ trách nhiệm chung với linh mục nhưng thể hiện theo ơn gọi và vị trí riêng của mình.

Hiểu như thế, linh mục và những người có vai trò lãnh đạo khác trong cộng đoàn không thể là những người lãnh đạo độc đoán và thống trị, nhưng phải thể hiện sự lãnh đạo theo tinh thần Phúc Âm, sự lãnh đạo của người tôi tớ nhằm hỗ trợ, khuyến khích, và đồng hành với mọi thành viên của cộng đoàn thay vì áp đặt và ép buộc họ.

B. HỎI-ĐÁP

1- H. Công Đồng Vaticanô II khẳng định thế nào về sự bình đẳng giữa các Kitô hữu?

T. Công Đồng Vaticanô II khẳng định mọi tín hữu đều bình đẳng với nhau về phẩm giá cũng như về hoạt động mà họ chia sẻ trong việc xây dựng Thân Mình Chúa Kitô.

2- H. Những gì nghịch lại quan hệ bình đẳng giữa các Kitô hữu?

T. Mọi hình thức kỳ thị hay phân biệt đối xử giữa giáo sĩ với giáo dân, trí thức với bình dân, người giàu với người nghèo, kẻ quyền thế với người cô thế...đều nghịch lại quan hệ bình đẳng giữa các Kitô hữu.

3- H. Tinh thần đồng trách nhiệm trong Giáo Hội bắt nguồn từ đâu?

T. Tinh thần đồng trách nhiệm trong Giáo Hội bắt nguồn từ việc mọi Kitô hữu đều được dự phần vào đời sống và sứ vụ của Chúa Kitô và Giáo Hội theo ơn gọi và cách thức riêng của mỗi người.

4- H. Phải chăng giáo dân chỉ là cánh tay nối dài của linh mục trong hoạt động giáo xứ?

T. Giáo dân không phải là cánh tay nối dài của linh mục nhưng là người chia sẻ trách nhiệm chung với linh mục theo ơn gọi và vị trí riêng của mình.

5- H. Những người có trách nhiệm trong cộng đoàn cần phải làm gì để phát huy sự bình đẳng và đồng trách nhiệm trong Giáo Hội?

T. Những người có trách nhiệm trong cộng đoàn phải lãnh đạo theo tinh thần Phúc Âm, nghĩa là lãnh đạo như người tôi tớ hỗ trợ, khuyến khích, và đồng hành với mọi thành viên của cộng đoàn.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Để Giáo Hội thực sự là một cộng đoàn bình đẳng, theo bạn, giáo sĩ và giáo dân cần phải làm gì?
2. Làm thế nào để cảm thức thuộc về Giáo Hội trong giáo xứ của bạn được triển nở, đến nỗi mọi người có thể nói bằng tất cả trách nhiệm và niềm hãnh diện rằng “Tôi là Giáo Hội”?
3. “Không ai chỉ trao ban mà không cần nhận lãnh, và cũng không ai chỉ nhận lãnh mà không có gì để trao ban.” Bạn có kinh nghiệm cụ thể nào trong vấn đề này?

7.3 XÂY DỰNG GIÁO HỘI THAM GIA BẰNG CÁCH TẠO CƠ HỘI CHO MỌI KITÔ HỮU PHÁT HUY KHẢ NĂNG VÀ GÓP PHẦN XÂY DỰNG XÃ HỘI

A. TRÌNH BÀY

Giáo Hội Tham Gia không đơn thuần là một cộng đoàn được tổ chức và phân công tốt với nhiều ban ngành đoàn thể phụ trách nhiều công tác mục vụ khác nhau, trong khi đó đa số thành viên vẫn chỉ thụ động hoặc đứng đưng quan sát. Thực tế là những ban ngành đoàn thể trong một giáo xứ giỏi lắm cũng chỉ vận dụng được 10% tài năng của cộng đoàn. Số còn lại vẫn thụ động và bất hợp tác. Còn trong tầm nhìn của Giáo Hội Tham Gia thì giáo xứ là nơi mà đặc sủng của mỗi người đều được nhìn nhận và mời gọi góp phần, nơi mà mỗi người có thể phát triển khả năng của mình hầu sinh ích cho công việc chung. Vấn đề là tạo điều kiện và môi trường thuận lợi để những đặc sủng và tài năng đó được nhìn nhận và phát triển.

Giáo Hội Tham Gia còn là cộng đoàn tham gia vào sứ mạng của Chúa Kitô, sứ mạng loan báo ơn giải thoát cho kẻ bị giam cầm, trả lại ánh sáng cho kẻ mù lòa, và giải thoát những người bị áp bức (Lc 4,18). Điều đó có nghĩa là tầm nhìn của cộng đoàn phải vượt xa hơn bốn bức tường của ngôi nhà Giáo Hội để đồng cảm và chia sẻ những âu sầu và lo lắng, vui mừng và hy vọng của con người hôm nay. Điều đó cũng có nghĩa là người Kitô hữu không thể hành động đơn độc nhưng phải đồng hành và cộng tác với những anh chị em thuộc các tôn giáo bạn và mọi người thành tâm thiện chí trong nỗ lực xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn.

Giáo Hội hoàn toàn liên đới với định mệnh của nhân loại trong tinh thần hiền lành và khiêm nhường của Chúa Giêsu để Nước Thiên Chúa, Nước của Bình an và Hy vọng, được lớn lên. Giáo Hội Việt Nam xác tín rằng mình không thể tỏ lộ một Nước Thiên Chúa mà Chúa Giêsu đã công bố và khai mở, nếu không thể đi cùng với anh chị em của mình, tuy nghèo khổ nhưng giàu tâm tình tôn giáo, trên đất nước nhỏ bé và đau thương này.

B. HỎI-ĐÁP

- 1- H. Trong tầm nhìn của Giáo Hội Tham Gia, giáo xứ có trách nhiệm nào trong việc phát huy tài năng của cộng đoàn?
 - T. Trong tầm nhìn của Giáo Hội Tham Gia, giáo xứ phải là nơi mà đặc sủng của mỗi người đều được nhìn nhận và mời gọi góp phần, nơi mà mỗi người có thể phát triển khả năng của mình hầu sinh ích cho công việc chung.
- 2- H. Giáo xứ phải làm gì để mọi Kitô hữu có khả năng tham gia vào sinh hoạt chung?
 - T. Giáo xứ phải tạo điều kiện và môi trường thuận lợi để những đặc sủng và tài năng của mọi Kitô hữu được nhìn nhận và phát triển.
- 3- H. Xây dựng giáo xứ theo mô hình Giáo Hội Tham Gia có giới hạn tầm nhìn và hoạt động của Giáo Hội trong phạm vi cộng đoàn không?
 - T. Không, tầm nhìn của cộng-đoàn-tham-gia vượt xa hơn bốn bức tường của ngôi nhà giáo xứ, để đồng cảm và chia sẻ những âu sầu và lo lắng, vui mừng và hy vọng của con người hôm nay.

4- H. Để có thể đồng cảm và chia sẻ những âu sầu và lo lắng, vui mừng và hy vọng của con người hôm nay, giáo xứ phải làm thế nào?

T. Giáo xứ phải đồng hành và cộng tác với những anh chị em thuộc các tôn giáo bạn và mọi người thành tâm thiện chí trong nỗ lực xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn.

5- H. Khi đồng cảm và chia sẻ những âu sầu và lo lắng, vui mừng và hy vọng của đồng bào, Giáo Hội Việt Nam xác tín điều gì?

T. Giáo Hội Việt Nam xác tín rằng mình không thể tỏ lộ một Nước Thiên Chúa mà Chúa Giêsu đã công bố và khai mở, nếu không thể đi cùng với anh chị em của mình, tuy nghèo khổ nhưng giàu tâm tình tôn giáo, trên đất nước nhỏ bé và đau thương này

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Có bao nhiêu người tham gia vào các ban ngành đoàn thể trong giáo xứ của bạn? Trong số này, có bao nhiêu người đã tham gia các khoá huấn luyện do giáo xứ hay giáo phận tổ chức? Con số ít ỏi ấy nói lên điều gì?
2. Các Kitô hữu trong giáo xứ của bạn đã thực sự chia vui sẻ buồn và chung nỗi lắng lo của nhau như thế nào?
3. Giáo xứ của bạn đồng hành và cộng tác thế nào với những anh chị em thuộc các tôn giáo bạn và mọi người thành tâm thiện chí trong việc xây dựng xã hội?

ĐỀ TÀI 8: PHÁT HUY SỰ THAM GIA CỦA GIÁO DÂN VÀO HOẠT ĐỘNG TÔNG ĐỒ TRONG GIÁO XỨ

A. TRÌNH BÀY

Trong Tông huấn Kitô Hữu Giáo Dân, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II nhận định về sự hiệp thông và tham gia của giáo dân vào sinh hoạt của giáo xứ như sau:

“Mọi giáo dân được mời gọi lưu ý hơn đến một đoạn văn rất sâu sắc, đầy ý nghĩa và hứng khởi của Công Đồng: ‘Trong những cộng đoàn giáo hội, hoạt động của giáo dân cần thiết đến nỗi nếu không có nó, chính hoạt động tông đồ của các chủ chăn thường không thể đạt được kết quả đầy đủ’ (TĐ 10). Đó là một khẳng định hết sức quan trọng cần được giải thích dưới ánh sáng của khoa Giáo Hội học hiệp thông. Các thừa tác vụ và đoàn sủng, vì khác biệt và bổ túc cho nhau, đều cần thiết cho sự tăng trưởng của Giáo Hội, mỗi thứ theo thể thức của mình.

... Giáo dân ngày càng phải xác tín mạnh mẽ hơn về ý nghĩa đặc biệt của việc dẫn thân hoạt động tông đồ trong giáo xứ của mình. Một lần nữa, Công Đồng nhấn mạnh đến việc này: “Giáo xứ là gương điển hình cho hoạt động tông đồ trên bình diện cộng đoàn vì nó quy tụ mọi hạng người khác nhau vào trong lãnh giới của nó và lôi kéo họ vào trong Giáo Hội phổ quát. Giáo dân nên có thói quen làm việc trong giáo xứ đang khi kết hợp chặt chẽ với các linh mục của mình bằng cách đem đến với cộng đoàn giáo hội những vấn đề riêng của mình hay của thế giới, hoặc những vấn đề liên quan đến ơn cứu độ con người; để cùng nhau bàn luận và trao đổi, nghiên cứu và giải quyết. Họ cũng phải cộng tác ngăn nào có thể vào các việc tông đồ và truyền giáo được bảo trợ bởi gia đình Giáo Hội địa phương của họ.”

... Trên hết mọi sự, mỗi người giáo dân nên ý thức đầy đủ mình là chi thể của Giáo Hội được trao phó một nhiệm vụ duy nhất, vốn không thể ủy thác cho người khác và phải được hoàn thành vì lợi ích của mọi người. Trong viễn tượng đó, Công Đồng có lý khi nhấn mạnh đến sự tuyệt đối cần thiết phải làm việc tông đồ của mỗi người: “Việc tông đồ mà mỗi người phải thực hiện vốn bắt nguồn từ đời sống Kitô giáo đích thực (x. Ga 4,14), là nguồn gốc và điều kiện của toàn bộ hoạt động tông đồ giáo dân, ngay trong biểu hiện tập thể của nó, và không gì có thể thay thế được. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, mọi giáo dân (gồm cả những người không có cơ hội hay khả năng tham gia các hiệp hội) đều được kêu gọi và đều có nhiệm vụ phải thực hành việc tông đồ cá nhân” (KTHGD 27-28).

B. HỎI-ĐÁP

- 1- H. Công Đồng Vaticanô II nhận định thế nào về vai trò của giáo xứ trong hoạt động tông đồ?
 - T. Theo Công Đồng, giáo xứ là thí dụ điển hình cho hoạt động tông đồ trên bình diện cộng đoàn, vì nó quy tụ mọi hạng người khác nhau trong cộng đoàn và dẫn họ vào trong Giáo Hội phổ quát.
- 2- H. Công Đồng Vaticanô II nhận định thế nào về sự cần thiết của tông đồ giáo dân trong giáo xứ?
 - T. Theo Công Đồng, hoạt động tông đồ giáo dân cần thiết đến nỗi nếu không có nó, chính hoạt động tông đồ của các chủ chăn thường không thể đạt được kết quả đầy đủ.
- 3- H. Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II nhận định thế nào về tông đồ giáo dân trong giáo xứ?

T. Theo Đức Thánh Cha, việc giáo dân tham gia vào sinh hoạt giáo xứ hết sức cần thiết, vì dưới ánh sáng của mẫu nhiệm Giáo Hội-Hiệp Thông, các thừa tác vụ và các đoàn sủng vốn khác biệt và bổ túc cho nhau, đều cần thiết cho sự tăng trưởng của Giáo Hội.

4- H. Theo Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II, để dẫn thân vào sinh hoạt của giáo xứ, giáo dân cần phải làm những gì?

T. Theo Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II, giáo dân ngày càng phải xác tín hơn về ý nghĩa của việc dẫn thân hoạt động tông đồ trong giáo xứ của mình, phải luôn ý thức sống động mình là một “chi thể của Giáo Hội” được trao phó một nhiệm vụ duy nhất vốn không thể thay thế và ủy thác cho người khác, và phải được hoàn thành vì lợi ích của mọi người.

5- H. Trong trường hợp không có cơ hội hay khả năng tham gia các hiệp hội, giáo dân phải làm gì để tham gia vào sinh hoạt tông đồ trong giáo xứ?

T. Những giáo dân không có cơ hội hay khả năng tham gia các hiệp hội, đều được kêu gọi và đều có nhiệm vụ phải thực hành việc tông đồ cá nhân.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Theo bạn, sự tham gia của giáo dân vào sinh hoạt giáo xứ có ý nghĩa và tầm quan trọng như thế nào?
2. Những gì khích lệ và nâng đỡ sự tham gia của giáo dân vào sinh hoạt giáo xứ? Những gì ngăn cản và phá hoại sự tham gia của giáo dân vào sinh hoạt giáo xứ?
3. Giáo dân có thể tham gia vào hoạt động tông đồ của giáo xứ dưới những hình thức nào?

8.1 PHÁT HUY SỰ THAM GIA CỦA GIÁO DÂN VÀO ĐỜI SỐNG KINH NGUYỆN VÀ BÍ TÍCH

A. TRÌNH BÀY

Trong Tông huấn Kitô Hữu Giáo Dân, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II nói về ơn gọi nên thánh của giáo dân như sau:

“Trong Giáo Hội, tất cả mọi người, vì là phần tử của Giáo Hội, nên lãnh nhận và vì vậy tham dự vào ơn gọi chung là nên thánh. Không hề có sự khác biệt nào so với các thành phần khác của Giáo Hội, các giáo dân đương nhiên được mời gọi nên thánh: Tất cả các Kitô hữu, bất cứ theo bậc sống hay địa vị nào, đều được kêu gọi tiến đến sự viên mãn của đời sống Kitô-giáo và tiến đến sự trọn lành đức Ái; mọi Kitô hữu đều được kêu mời và có bổn phận nên thánh và nên trọn lành theo bậc sống mình.

Ơn gọi nên thánh có gốc rễ trong bí tích Thánh Tẩy và được khơi lại nhờ các bí tích khác; chủ yếu là bí tích Thánh Thể: được mặc lấy Đức Kitô và được tràn đầy Thánh Thần, các Kitô hữu là “những vị thánh”, nhờ đấy, họ có năng cách và nỗ lực bày tỏ sự thánh thiện của hữu thể trong sự thánh thiện của mọi hoạt động của họ. Thánh Phaolô không ngừng khuyên các Kitô hữu sống “xứng đáng là các thánh” (Ep 5,3).

Đời sống theo Thần Khí, mà hoa trái là sự thánh hóa (Rm 6,22 ; x. Gl 5,22) khơi lên nơi tất cả và từng người đã lãnh nhận bí tích Thánh Tẩy khát vọng và đòi hỏi phải nỗ lực và noi gương Đức Giêsu Kitô, qua việc đón nhận các Mối phúc thật của Ngài, lắng nghe và suy gẫm Lời Chúa, tham dự cách có ý thức và chủ động vào đời sống phụng vụ và bí tích của Giáo Hội, chuyên chăm việc cầu nguyện cá nhân, gia đình và

cộng đồng, đói khát sự công chính, thực hành giới luật yêu thương trong mọi hoàn cảnh đời sống và trong việc phục vụ các anh em, đặc biệt những người hèn kém, nghèo khó và đau khổ” (KTHGD 16).

Như thế, bằng cầu nguyện và cử hành phụng vụ, nhất là bí tích Thánh Thể, bằng nỗ lực chu toàn mọi bổn phận của bậc sống, các tín hữu sẽ làm cho cuộc sống hằng ngày, dù thuận lợi hay khó khăn, trở thành của lễ thiêng liêng được Chúa chấp nhận trong Đức Kitô nhờ Chúa Thánh Thần. Theo ý hướng này, việc thờ phượng Thiên Chúa không chỉ đóng khung trong nhà thờ với những giờ kinh lễ, nhưng phải được thực thi liên li ngay trong cuộc sống qua việc chu toàn bổn phận hằng ngày.

Mỗi Chủ nhật, mọi tín hữu cùng đến nhà thờ cử hành Thánh lễ. Tuy nhiên, họ có thể nhìn nhau như những người xa lạ, và sau Thánh lễ, không hề có quan hệ gì với nhau. Một cộng đoàn phượng tự như thế chưa thể là hình ảnh của Giáo Hội Tham Gia. Vì vậy, các giám mục Á châu kêu gọi anh chị em tín hữu nói dài cử hành phượng tự bằng việc cầu nguyện chung và chia sẻ Phúc Âm, cũng như có những việc làm chung với nhau, nâng đỡ nhau để có thể thể hiện tinh thần Phúc Âm trong cuộc sống. Có như thế, các tín hữu mới nên một trong tâm trí và những ân huệ khác nhau mà Thánh Thần ban cho mỗi người mới được khơi dậy và hoạt động.

B. HỎI-ĐÁP

- 1- H. Phải chăng ơn gọi nên thánh là ơn gọi dành riêng cho giáo sĩ và tu sĩ?
- T. Mọi người trong Giáo Hội đều được tham dự vào ơn gọi chung là nên thánh. Do đó, giáo dân đương nhiên được mời gọi và có bổn phận nên thánh theo bậc sống của mình.

2- H. Ôn gọi nên thánh bắt nguồn từ đâu và được canh tân như thế nào?

T. Ôn gọi nên thánh bắt nguồn từ bí tích Thánh Tẩy và được canh tân nhờ các bí tích khác; chủ yếu là bí tích Thánh Thể.

3- H. Ôn gọi nên thánh đòi hỏi chúng ta phải sống như thế nào?

T. Ôn gọi nên thánh đòi hỏi chúng ta phải sống xứng đáng là các thánh của Chúa, nghĩa là phải noi gót và noi gương Đức Giê-su-Ki-tô, qua việc lắng nghe và suy gẫm Lời Chúa, tham dự cách có ý thức và chủ động vào đời sống phụng vụ và bí tích của Giáo Hội, chuyên chăm việc cầu nguyện cá nhân, gia đình và cộng đồng, thực hành giới luật yêu thương trong mọi hoàn cảnh đời sống và trong việc phục vụ anh chị em, đặc biệt những người hèn kém, nghèo khó và đau khổ.

4- H. Phải chăng việc thờ phượng Thiên Chúa chỉ đóng khung trong nhà thờ với những giờ kinh lễ?

T. Việc thờ phượng Thiên Chúa không chỉ đóng khung trong nhà thờ với những giờ kinh lễ, nhưng phải được thực thi liên li ngay trong cuộc sống qua việc chu toàn bổn phận hằng ngày.

5- H. Các giám mục Á châu kêu gọi mọi tín hữu nối dài cử hành phượng tự bằng cách nào?

T. Các giám mục Á châu kêu gọi anh chị em tín hữu nối dài cử hành phượng tự bằng việc cầu nguyện chung và chia sẻ Phúc Âm, có những việc làm chung với nhau và nâng đỡ nhau để thể hiện tinh thần Phúc Âm trong cuộc sống.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Các Kitô hữu là những vị thánh. Câu này gợi lên cho bạn những gì?
2. Nên thánh, theo bạn, nghĩa là gì? Giáo dân có được mời gọi và có bổn phận phải nên thánh không? Làm sao giáo dân có thể nên thánh khi không có được những điều kiện như giáo sĩ và tu sĩ?
3. Có nhiều “vị thánh” đang sống xung quanh bạn trong cuộc sống hằng ngày. Hãy chọn lựa và chia sẻ một chứng từ mà bạn tâm đắc nhất.

8.2 PHÁT HUY SỰ THAM GIA CỦA GIÁO DÂN VÀO HOẠT ĐỘNG GIÁO LÝ

A. TRÌNH BÀY

Một trong những điều chúng ta hân hoan tạ ơn Chúa trong Năm Thánh 2010 là sự gắn bó và tham gia tích cực của người giáo dân trong lãnh vực huấn giáo hay trong việc dạy giáo lý, bởi con số giáo lý viên thiện nguyện trong bản báo cáo hàng năm của các giáo phận ngày một tăng. Hồng ân này đòi hỏi chúng ta phải bảo tồn và phát huy dưới sự hướng dẫn của Giáo Hội.

Trong cuốn *Hướng Dẫn Tổng Quát Về Việc Dạy Giáo Lý* năm 1997, Bộ Giáo Sĩ ghi nhận huấn giáo là một trong những hoạt động nổi bật nhất của Giáo Hội hiện nay. Có rất nhiều linh mục, tu sĩ và giáo dân hăng hái và kiên trì trong việc dạy giáo lý. Huấn giáo ở nhiều nơi chiếm địa vị ưu tiên trong phương án mục vụ của giáo phận cũng như giáo xứ (x. 29).

Trong bối cảnh của một thế giới mà cảm thức tôn giáo đang bị lu mờ, theo Bộ Giáo Sĩ, huấn giáo phải có đặc tính truyền giáo và toàn diện; phải cổ võ cho sự hiệp thông với Chúa Giêsu Kitô và gắn bó với đời sống của Giáo Hội, phải toàn vẹn về nội dung và thích ứng với bối cảnh văn hoá của các dân tộc, phải liên kết mật thiết với phụng vụ và bí tích cũng như hướng đến việc tông đồ và truyền giáo (x. 30).

Huấn giáo đặt nền tảng trên sứ vụ rao giảng Tin Mừng của Giáo Hội và là một trong những thời điểm chủ yếu của tiến trình rao giảng này. Trong viễn tượng này, giáo lý dự tòng phải là hình thức kiểu mẫu cho tất cả những hình thức dạy giáo lý khác và giáo lý người lớn là hình thức giáo lý ưu việt nhất mà giáo lý các lứa tuổi khác phải quy chiếu vào (x. 59).

Huấn giáo làm cho việc tuyên xưng đức tin của mọi tín hữu trở nên sống động, minh nhiên và hữu hiệu. Những nhiệm vụ căn bản của huấn giáo là giúp hiểu biết đức tin, giáo dục phụng vụ, huấn luyện luân lý, dạy cầu nguyện, giáo dục đời sống cộng đoàn và truyền giáo (x. 82-86).

Bộ Giáo Sĩ kêu gọi các giáo xứ thúc đẩy những ơn gọi cho việc huấn giáo. Vì nhu cầu huấn giáo ngày càng trở nên đa dạng, nên số lượng giáo lý viên cần được đảm bảo: đảm bảo một số lượng giáo lý viên trọn thời gian công hiến trọn vẹn và thường xuyên hơn cho việc dạy giáo lý, để hỗ trợ cho các giáo lý viên bán thời gian thường là đông hơn cả. Để có đủ số lượng giáo lý viên được đào tạo kỹ lưỡng, giáo phận phải dành ưu tiên tuyệt đối cho việc đào tạo giáo lý viên giáo dân và việc đào tạo này phải được thực hiện cách nghiêm túc (x. 233-234).

Những hướng dẫn trên đặt ra cho chúng ta rất nhiều vấn đề cần bàn luận và trao đổi, nghiên cứu và giải quyết, nhằm canh tân một trong những hoạt động nổi bật nhất của Giáo Hội toàn cầu cũng như Giáo Hội Việt Nam hiện nay.

B. HỎI-ĐÁP

- 1- H. Trong bối cảnh của một thế giới mà cảm thức tôn giáo đang bị lu mờ, theo Bộ Giáo Sĩ, huấn giáo phải có những đặc tính nào?
 - T. Huấn giáo phải là công cuộc huấn luyện toàn diện và toàn bộ đời sống Kitô hữu; phải cố võ cho sự hiệp thông với Chúa Giêsu Kitô và gắn bó với đời sống của Giáo Hội, phải toàn vẹn về nội dung và thích ứng với bối cảnh văn hoá của các dân tộc, phải liên kết mật thiết với phụng vụ và bí tích cũng như hướng đến việc tông đồ và truyền giáo.
- 2- H. Theo Bộ Giáo Sĩ, huấn giáo hay việc dạy giáo lý phải đặt trên nền tảng nào?
 - T. Huấn giáo hay việc dạy giáo lý phải đặt nền trên sứ vụ rao giảng Tin Mừng của Giáo Hội. Nó là một trong những thời điểm chủ yếu của tiến trình rao giảng này.
- 3- H. Theo Bộ Giáo Sĩ, hình thức giáo lý kiểu mẫu và ưu việt nhất là hình thức nào?
 - T. Giáo lý dự tòng là hình thức kiểu mẫu cho những hình thức dạy giáo lý khác và giáo lý người lớn là hình thức giáo lý ưu việt nhất mà giáo lý các lứa tuổi khác phải quy chiếu vào.
- 4- H. Theo Bộ Giáo Sĩ, thế nào là một đức tin trưởng thành?
 - T. Đức tin trưởng thành là một đức tin sống động, minh nhiên và hữu hiệu.
- 5- H. Để giúp cho các tín hữu có được một đức tin trưởng thành, huấn giáo phải thực hiện những nhiệm vụ cơ bản nào?

T. Huấn giáo phải thực hiện những những nhiệm vụ cơ bản này:

- một là giúp hiểu biết đức tin,
- hai là giáo dục phụng vụ,
- ba là huấn luyện luân lý,
- bốn là dạy cầu nguyện
- năm là giáo dục đời sống cộng đoàn
- và sáu là khai tâm cho việc truyền giáo.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Huấn giáo có phải là hoạt động nổi bật nhất và chiếm địa vị ưu tiên trong phương án mục vụ của giáo phận cũng như giáo xứ của bạn không?
2. Bạn có biết tỉ lệ giáo lý viên trên tổng số giáo dân trong giáo xứ của bạn là bao nhiêu không? Trong số đó, có bao nhiêu giáo lý viên đã được đào tạo và chuẩn bị kỹ càng?
3. Bạn có nghĩ rằng trong tương lai, Giáo Hội Việt Nam cần đảm bảo một số lượng giáo lý viên trọn thời gian cống hiến trọn vẹn và thường xuyên hơn cho việc dạy giáo lý và hỗ trợ cho đông đảo giáo lý viên bán thời gian không? Tại sao?

8.3 PHÁT HUY SỰ THAM GIA CỦA GIÁO DÂN VÀO VIỆC QUẢN TRỊ GIÁO XỨ

A. TRÌNH BÀY

Trong Tông huấn Kitô Hữu Giáo Dân, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã trích dẫn lại số 10 của Sắc lệnh Tông Đồ

Giáo Dân: “Giáo xứ là thí dụ điển hình cho hoạt động tông đồ trên bình diện cộng đoàn, vì nó quy tụ mọi hạng người khác nhau vào trong cộng đoàn và lôi kéo họ vào trong Giáo Hội phổ quát. Giáo dân nên tập thói quen làm việc trong giáo xứ đang khi kết hợp chặt chẽ với các linh mục của mình, bằng cách đem đến với cộng đoàn giáo hội những vấn đề riêng của mình hay của thế giới, hoặc những vấn đề liên quan đến ơn cứu độ con người; để cùng nhau bàn luận và trao đổi, nghiên cứu và giải quyết. Họ cũng phải cộng tác ngăn nào có thể vào các việc tông đồ.” Sau đó, ngài giải thích:

“Công Đồng Vaticanô II có ý muốn xem xét và giải quyết các vấn đề mục vụ với sự tham gia của mọi người. Ý muốn này phải được triển khai một cách tương xứng và có hệ thống qua việc đề cao một cách chân thành nhất, rộng rãi nhất và chắc chắn nhất, những Hội đồng mục vụ giáo xứ đã được các Nghị Phụ Thượng hội đồng nhấn mạnh rõ ràng và chính đáng.

Trong tình hình hiện nay, giáo dân có thể và phải nỗ lực rất nhiều để làm cho sự hiệp thông đích thực trong Giáo Hội được tăng trưởng ngay trong lòng giáo xứ của mình và khơi dậy hứng khởi truyền giáo cho những người không tin cũng như cho những tín hữu đã từ bỏ hay hời hợt với đời sống Kitô hữu.

Nếu giáo xứ là Giáo Hội ở bên con người (placed in the neighborhoods of humanity), thì giáo xứ phải sống và sinh hoạt gắn bó mật thiết với xã hội con người và liên đới sâu xa với những khát vọng cũng như thảm trạng của họ. Rất nhiều khi bối cảnh xã hội, nhất là trong một số nước và một số môi trường, bị giao động mạnh do những thế lực làm tan rã và phi nhân hóa: con người trở nên lầm lạc và mất hướng, nhưng tự thâm tâm, họ vẫn luôn luôn ước vọng được cảm nghiệm và vun đắp những tương quan huynh đệ và nhân bản hơn. Giáo xứ có

thể đáp ứng được ước vọng đó nếu, nhờ sự tham gia tích cực của giáo dân, giáo xứ trung thành với ơn gọi và sứ vụ nguyên thủy của mình: giữa thế gian, là “nơi” hiệp thông các tín hữu, đồng thời là “dấu chỉ” và “khí cụ” của lời mời gọi mọi người sống hiệp thông; nói tóm lại, giáo xứ phải là ngôi nhà rộng mở để đón nhận mọi người và phục vụ mọi người, hay như kiểu nói ung ý của Đức Gioan XXIII, giáo xứ là giếng nước đầu xóm, nơi mọi người đến giải khát (KTHGD 27).

B. HỎI-ĐÁP

1- H. Theo Công Đồng Vaticanô II, giáo dân nên tham gia vào việc bàn thảo và quyết định trong giáo xứ như thế nào?

T. Giáo dân nên đem đến với cộng đoàn giáo xứ những vấn đề riêng của mình hay của thế giới, hoặc những vấn đề liên quan đến ơn cứu độ con người; đề cùng nhau bàn luận và trao đổi, nghiên cứu và giải quyết.

2- H. Theo Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II, giáo xứ nên xem xét và giải quyết các vấn đề mục vụ với sự tham gia của mọi người thông qua tổ chức nào?

T. Giáo xứ nên xem xét và giải quyết các vấn đề mục vụ với sự tham gia của mọi người, thông qua Hội đồng mục vụ giáo xứ.

3- H. Theo Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II, giáo dân nói chung và Hội đồng mục vụ giáo xứ nói riêng, có thể và phải làm những gì để xây dựng Giáo Hội?

T. Giáo dân nói chung và Hội đồng mục vụ giáo xứ nói riêng, có thể và phải làm cho sự hiệp thông đích thực trong Giáo Hội được tăng trưởng ngay trong lòng giáo xứ của mình và khơi dậy hứng khởi truyền giáo cho cả

những người không tin lẫn những tín hữu đã từ bỏ hay hời hợt với đời sống Kitô hữu.

4- H. Là Giáo Hội ở bên con người, giáo xứ phải sống như thế nào?

T. Là Giáo Hội ở bên con người, giáo xứ phải sống gắn bó với xã hội con người và liên đới sâu xa với những khát vọng cũng như thảm trạng của họ.

5- H. Làm thế nào giáo xứ có thể đáp ứng được khát vọng sống huynh đệ và nhân bản hơn của con người?

T. Giáo xứ có thể đáp ứng được khát vọng sống huynh đệ và nhân bản hơn của con người, khi trung thành với ơn gọi và sứ vụ làm dấu chỉ và khí cụ của sự hiệp thông, hay như kiểu nói của Đức Gioan XXIII, làm giếng nước đầu xóm, nơi mọi người đến giải khát.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Cần phải làm gì để Hội đồng mục vụ giáo xứ thực sự là gạch nối giữa bạn với cộng đoàn và cha xứ, là nơi bạn có thể chia sẻ với cộng đoàn giáo hội những vấn đề riêng của mình hay của thế giới, hoặc những vấn đề liên quan đến ơn cứu độ của mọi người?
2. Cần phải làm gì để giáo xứ có thể đáp ứng được khát vọng yêu thương và hiệp nhất vốn là khát vọng thâm sâu của con người?
3. Cần phải làm gì để giáo xứ trở thành “giếng nước đầu xóm,” nơi mọi người có thể đến giải khát?



PHẦN BA

HƯỚNG VỀ TƯƠNG LAI VÀ NỖ LỰC XÂY DỰNG GIÁO HỘI NHƯ LÒNG CHÚA MONG ƯỚC

Cùng với Giáo Hội Việt Nam, chúng ta nhìn vào bối cảnh hiện tại của đất nước với cặp mắt đức tin để phân định những thuận lợi và khó khăn, cơ hội và thách đố cho việc thực thi sứ mạng loan báo Đức Kitô và Tin Mừng của Ngài đồng thời tìm ra một phương thức mới để chu toàn sứ mạng ấy. Phương thức ấy là ĐỐI THOẠI với thế giới chung quanh: với người nghèo, với nền văn hóa dân tộc và với các tôn giáo, là yêu thương và phục vụ đồng bào – đặc biệt trong các lãnh vực giáo dục, gia đình, bác ái, dần thân xã hội, truyền thông và di dân.

ĐỀ TÀI 9: GIÁO HỘI VIỆT NAM MUỐN ĐỔI MỚI NHIỆT TÌNH LOAN BÁO TIN MỪNG

A. TRÌNH BÀY

Kinh nghiệm về sự hiệp thông trong Giáo Hội không những thúc đẩy mọi thành phần Dân Chúa tham gia vào việc xây dựng Giáo Hội, mà còn thúc đẩy họ dần thân vào công cuộc truyền giáo của Giáo Hội, vì “hiệp thông và truyền giáo liên kết mật thiết với nhau, cả hai thâm nhập vào nhau và bao hàm lẫn nhau, đến độ hiệp thông vừa là nguồn mạch vừa là kết

quả của việc truyền giáo: hiệp thông mang tính truyền giáo và truyền giáo nhằm mục đích hiệp thông ... Giáo Hội ý thức rằng sự hiệp thông mà Giáo Hội đã đón nhận như một hồng ân, là được ban cho hết thảy mọi người. Vì thế, Giáo Hội cảm thấy mình mắc nợ hết mọi người và từng người (KTHGD 32). Các giám mục Việt Nam tin rằng “đoàn Dân Chúa khi sống trọn vẹn tình hiệp thông giữa lòng Giáo Hội (ad intra), sẽ thêm nhiệt thành khi gặp gỡ và đối thoại với thế giới chung quanh (ad extra) ... Giáo Hội hiệp thông là điểm xuất phát đầy năng lực cho sứ vụ tông đồ hướng đến một Vương Quốc Thiên Chúa không biên giới” (Đề Cương 22).

Giáo Hội Việt Nam ước mong thời điểm Năm Thánh sẽ mang đậm nhiệt tình loan báo Tin Mừng. Hơn bao giờ hết, Giáo Hội tin rằng mình cũng được sai đi như các tông đồ ngày xưa và sai đi để loan báo Tin Mừng ngay trên quê hương đất nước mình, ngay trong môi trường văn hoá Việt Nam. Giáo Hội cũng tin rằng “Thần Khí của Chúa kêu gọi mỗi dân tộc và mỗi nền văn hoá đáp lại Tin Mừng một cách mới mẻ và sáng tạo... Nơi mỗi Giáo Hội địa phương, các yếu tố lịch sử và văn hoá, những ý nghĩa và giá trị luân lý, những truyền thống dân tộc được tiếp nhận, chứ không bị hủy bỏ hay suy giảm, nhưng được trân trọng, được canh tân, được thanh luyện nếu cần, và được hoàn thành trong sự sống của Thần khí. Theo ánh sáng này, Giáo Hội thực thi sứ vụ không phải với não trạng tự tôn nhưng là đi theo Thiên Chúa tới bất cứ nơi nào Ngài dẫn đến, biết nhận ra sự hướng dẫn của Ngài giữa những biến động trên thế giới, đồng thời can đảm và luôn trung thành với mệnh lệnh của Ngài” (Đề Cương 24).

Giáo Hội Việt Nam không chỉ xác tín sứ vụ mình đang thực thi tại đây và lúc này gắn liền với sứ vụ duy nhất của Giáo Hội phổ quát, mà còn xác tín những hoạt động nhằm thăng tiến con người hay xây dựng xã hội công bằng cũng là cấu tố của

việc rao giảng Tin Mừng. Vì thế, Giáo Hội “không bao giờ tách rời đức tin khỏi cuộc sống, không chỉ chăm chú vào những thực hành tôn giáo để rời thờ ơ với các hoạt động xã hội. Niềm mong đợi trời mới đất mới không cho phép người Kitô hữu sao nhãng việc thăng tiến xã hội trần thế theo đúng tinh thần Tin Mừng. Đối với Giáo Hội, sứ vụ là hoạt động có tính chiêm niệm và là chiêm niệm mang tính hoạt động. Vì thế, hoạt động cho công bằng, bác ái và xót thương có tương quan chặt chẽ với đời sống cầu nguyện và chiêm niệm đích thực. Chính khoa linh đạo này sẽ là nguồn mạch trào tuôn các hoạt động loan báo Tin Mừng” (x. Đề Cương 25).

Giáo Hội Việt Nam luôn coi sứ vụ loan báo Tin Mừng là trách nhiệm hàng đầu và là một sứ vụ cấp bách. Lý do không nguyên bởi Tin Mừng phải được loan báo mà còn bởi Việt Nam đang ở trong giai đoạn mới của lịch sử, ở đó ánh sáng chen lẫn với bóng tối và dường như bị bóng tối lấn áp. Điều này đòi hỏi sứ vụ phải được canh tân, vì “khi lịch sử và xã hội biến đổi, thì đức tin cũng phải được chia sẻ một cách mới mẻ, với những hình thức mới, theo những phương pháp mới, và do những con người mới” (Đề Cương 1).

B. HỎI-ĐÁP

1- H. Hiệp thông và truyền giáo liên kết với nhau như thế nào?

T. Hiệp thông và truyền giáo liên kết mật thiết với nhau, cả hai thâm nhập vào nhau và bao hàm lẫn nhau, đến độ hiệp thông vừa là nguồn mạch vừa là kết quả của việc truyền giáo: hiệp thông mang tính truyền giáo và truyền giáo nhằm mục đích hiệp thông.

2- H. Giáo Hội ý thức thế nào về hồng ân hiệp thông?

T. Giáo Hội ý thức rằng sự hiệp thông mà Giáo Hội đã đón nhận như một hồng ân, là được ban cho hết thảy mọi người. Vì thế, Giáo Hội cảm thấy mình mắc nợ hết mọi người và từng người.

3- H. Giáo Hội Việt Nam xác tín thế nào về sứ vụ của mình?

T. Giáo Hội Việt Nam không những xác tín sứ vụ mình đang thực thi tại đây và lúc này gắn liền với sứ vụ duy nhất của Giáo Hội phổ quát, mà còn xác tín rằng những hoạt động nhằm thăng tiến con người hay xây dựng xã hội công bằng cũng là cấu tố của việc rao giảng Tin Mừng.

4- H. Vì sao thời gian ân sủng của Năm Thánh cũng là thời điểm thuận tiện để Giáo Hội Việt Nam canh tân sứ vụ?

T. Vì Chúa muốn những gì Ngài đã gieo trồng trên mảnh đất này phải sinh hoa kết trái và vì Việt Nam đang ở trong giai đoạn mới của lịch sử, nên đức tin phải được chia sẻ một cách mới mẻ, với những hình thức mới, theo những phương pháp mới, và do những con người mới.

5- H. Giáo Hội Việt Nam muốn thực thi sứ vụ với nào trạng nào?

T. Giáo Hội Việt Nam không muốn thực thi sứ vụ với nào trạng tự tôn nhưng muốn đi theo Thiên Chúa tới bất cứ nơi nào Ngài dẫn đến, nhận ra sự hướng dẫn của Ngài giữa những biến động trên thế giới, can đảm và trung thành thực thi mệnh lệnh của Ngài.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Giáo xứ của bạn đánh giá thế nào về nhiệt tình truyền giáo của mình? Nhiệt tình ấy được thể hiện trong những lãnh vực nào và như thế nào?

2. Bất cứ ở đâu sự hiệp thông suy yếu thì chứng từ và công việc truyền giáo của Giáo Hội bị suy giảm. Bạn có kinh nghiệm nào trong về vấn đề này?
3. Giáo xứ của bạn có xem việc thăng tiến con người hay xây dựng xã hội công bằng là nghĩa vụ nằm trong sứ vụ rao giảng Tin Mừng không? Nếu không thì cần thăng tiến những gì?

9.1 THĂNG TIẾN SỨ VỤ TIÊN TRI

A. TRÌNH BÀY

Khi thực thi sứ vụ tiên tri, Giáo Hội loan báo cho mọi người biết và tin nhận Đức Kitô là tặng phẩm cao quý nhất mà Thiên Chúa trao ban để con người được hạnh phúc đời này và đời sau. Chúng ta không thể nại vào bất cứ lý do gì để bỏ qua hay chần chừ trong việc minh nhiên công bố Đức Kitô là Đấng cứu độ duy nhất của nhân loại, vì sẽ không có một sứ vụ đúng nghĩa cũng như loan báo Tin Mừng chân thật, nếu mâu nhiệm Đức Giêsu Nazareth, Con Thiên Chúa, không được công bố.

Giáo Hội luôn coi việc loan báo Đức Kitô là trách nhiệm hàng đầu và là một đòi hỏi cấp bách, vì tất cả mọi người đều có quyền đón nhận ơn cứu độ. Giáo Hội làm như thế không để bành trướng quyền lực hay chiêu dụ tín đồ, nhưng chỉ muốn mang lại cho con người ơn cứu độ đến từ Thiên Chúa.

Giáo Hội tin rằng chỉ Đức Kitô mới có những lời ban sự sống đời đời và công bố Đức Kitô là Đấng Cứu độ duy nhất không hề làm giảm giá trị của con người; trái lại, đó là lối đi duy nhất phải theo nếu người ta muốn nhận ra con người trong sự thật toàn vẹn của nó và đề cao con người trong những giá trị

của nó, vì Con Thiên Chúa nhập thể không chỉ mạc khải hoàn toàn Chúa Cha và kế hoạch cứu độ của Ngài; Người cũng mạc khải cách đầy đủ cho con người về chính họ. Những lời nói và hành động của Đức Kitô, và trên hết cái chết và sự phục sinh của Người, mạc khải những chiều sâu là người có nghĩa gì. Nhờ Đức Kitô, con người rốt cục có thể hiểu chân lý về chính mình (x. Đề Cương 26-27).

Phần chúng ta, những “giáo dân hôm nay, do được tham dự vào sứ vụ tiên tri của Đức Kitô ... phải làm chứng rằng niềm tin là câu trả lời duy nhất và hoàn toàn ... cho những vấn đề và những niềm hy vọng do cuộc sống của mỗi người cũng như của xã hội đang gợi lên. Người giáo dân chỉ có thể thực hiện điều ấy, khi biết vượt thắng nơi chính mình sự phân cách giữa Tin Mừng và cuộc sống, bằng cách tạo nên trong sinh hoạt thường nhật, trong gia đình, khi làm việc, trong xã hội, sự thống nhất của một đời sống được Tin Mừng gợi hứng và giúp sức thể hiện đầy đủ ... Đối với những thế hệ mới, giáo dân phải giúp một phần quý giá và cần thiết hơn bao giờ hết, là hết sức cố gắng để dạy giáo lý. Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng đã bày tỏ lòng biết ơn đối với công việc của các giáo lý viên, công nhận họ có một công tác rất quan trọng trong việc làm sinh động các cộng đoàn giáo hội” (KTHGD 34).

B. HỎI-ĐÁP

1- H. Giáo Hội thực hiện sứ vụ tiên tri như thế nào?

T. Giáo Hội thực hiện sứ vụ tiên tri bằng cách loan báo cho mọi người biết Đức Kitô, là Đấng Cứu Độ duy nhất của nhân loại mà Thiên Chúa đã thương ban, để con người được hạnh phúc đời này và đời sau.

2- H. Loan báo Đức Kitô là Đấng Cứu Độ duy nhất có làm giảm giá trị con người không?

T. Loan báo Đức Kitô là Đấng Cứu Độ duy nhất, chẳng những không làm giảm giá trị con người, mà còn là lối đi duy nhất phải theo, nếu người ta muốn nhận ra con người trong sự thật toàn vẹn và đề cao con người trong những giá trị của nó.

3- H. Vì sao loan báo Đức Kitô là lối đi duy nhất phải theo, nếu chúng ta muốn đề cao con người trong những giá trị của nó?

T. Vì khi nhập thế, Đức Kitô không chỉ mạc khải hoàn toàn Chúa Cha và kế hoạch cứu độ của Ngài, mà còn mạc khải cách đầy đủ cho con người về chính họ. Những lời nói và hành động của Người, và trên hết cái chết và sự phục sinh của Người, mạc khải những chiều sâu là người có nghĩa gì. Nhờ Đức Kitô, con người rốt cục có thể hiểu chân lý về chính mình.

4- H. Vì sao loan báo Đức Kitô luôn là trách nhiệm hàng đầu và là sứ vụ cấp bách của Giáo Hội Việt Nam?

T. Loan báo Đức Kitô luôn là trách nhiệm hàng đầu và là sứ vụ cấp bách của Giáo Hội Việt Nam vì mọi người đều có quyền đón nhận ơn cứu độ.

5- H. Người giáo dân hôm nay có thể và phải làm gì để thực thi sứ vụ tiên tri của mình?

T. Người giáo dân hôm nay có thể và phải làm chứng niềm tin vào Đức Kitô là câu trả lời duy nhất và hoàn toàn cho những vấn đề của con người bằng cách nỗ lực thống nhất đức tin và đời sống thường ngày, và bằng việc dạy giáo lý cho những thế hệ mới.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Bốn phận loan báo Tin Mừng cho những người chung quanh đứng hàng thứ mấy trong những quan tâm hiện nay của bạn, của gia đình và giáo xứ của bạn?
2. Ngày nay, còn rất nhiều người sống xung quanh bạn, có thể là những người đang làm việc chung với bạn, chưa được biết Chúa. Bạn có cách nào để nói về Chúa cho họ không?
3. Giáo xứ của bạn làm gì để thăng tiến hơn nữa sứ vụ tiên tri của mình, đặc biệt đối với thể hệ mới?

9.2 THĂNG TIẾN SỨ VỤ TƯ TẾ

A. TRÌNH BÀY

Mang trách nhiệm trao ban ân sủng để thánh hoá và dâng hiến thế giới cho Thiên Chúa, Giáo Hội muốn làm cho mọi người nhận ra dấu ấn của Thiên Chúa Tình yêu nơi các thực tại trần thế và nhờ đó có thể hướng tâm trí về Ngài để tin nhận Ngài. Theo ánh sáng này, ngay cả những đau khổ cũng có thể trở thành “trường dạy” hy vọng và mang lại năng lực thánh hoá thế giới nhờ kết hiệp với hy tế thập giá của Đức Kitô.

Sứ vụ tư tế này được thực thi không chỉ bởi hàng giáo sĩ, mà còn bởi những người tín hữu đơn sơ, quảng đại, chân thành, vui tươi và trung thành, luôn biết hướng về Chúa trong nỗ lực thánh hoá bản thân. Thật vậy, theo Công Đồng Vaticanô II, bằng cầu nguyện và cử hành phụng vụ, nhất là bí tích Thánh Thể, bằng cách nỗ lực chu toàn mọi bốn phận của bậc sống, các tín hữu sẽ làm cho cuộc sống hằng ngày, dù hạnh phúc hay khó

khăn, trở thành của lễ thiêng liêng được Chúa Cha chấp nhận, trong Chúa Kitô và nhờ Chúa Thánh Thần.

Như thế, việc thờ phượng Thiên Chúa không chỉ đóng khung trong nhà thờ với những giờ kinh lễ, nhưng phải được thực thi liên li ngay trong cuộc sống qua việc chu toàn bổn phận hằng ngày. Sách Giáo lý Hội Thánh Công Giáo nhắc nhở các bậc cha mẹ phải chu toàn sứ vụ tư tế này bằng việc nuôi dưỡng giáo dục con cái (Đề Cương 28).

B. HỎI-ĐÁP

1- H. Giáo Hội thực thi sứ vụ tư tế như thế nào?

T. Giáo Hội trao ban ân sủng để thánh hoá con người và dâng hiến thế giới cho Thiên Chúa.

2- H. Khi thực thi sứ vụ tư tế, Giáo Hội loan báo Tin Mừng thế nào?

T. Khi thực thi sứ vụ tư tế, Giáo Hội còn giúp mọi người nhận ra dấu ấn của Thiên Chúa Tình yêu nơi các thực tại trần thế, nhờ đó có thể hướng tâm trí về Ngài và tin nhận Ngài. Giáo Hội cũng muốn họ kết hợp tất cả đời sống của mình với hy tế thập giá để mang lại năng lực thánh hóa thế giới.

3- H. Những ai trong Giáo Hội được tham dự vào sứ vụ tư tế?

T. Tất cả mọi thành phần trong Giáo Hội đều được tham dự vào sứ vụ tư tế của Đức Kitô, tùy theo phận vụ của mình. Các giáo sĩ, nhờ bí tích Truyền Chức thánh, tham dự vào chức tư tế thừa tác; còn người giáo dân, nhờ bí tích Rửa tội, tham dự vào chức tư tế cộng đồng.

4- H. Người giáo dân thực thi sứ vụ tư tế bằng cách nào?

T. Người giáo dân thực thi sứ vụ tư tế bằng cách kết hợp kinh nguyện cũng như toàn bộ cuộc sống thường ngày của mình với hy tế thập giá của Đức Kitô mà dâng lên Chúa Cha như của lễ thiêng liêng.

5- H. Ngoài những giờ kinh lễ, chúng ta còn có thể thờ phượng Thiên Chúa cách nào?

T. Ngoài những giờ kinh lễ, chúng ta còn có thể thờ phượng Thiên Chúa bằng cách chu toàn bốn phận hằng ngày.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Giáo xứ của bạn có thể làm gì để thăng tiến hơn nữa sứ vụ tư tế của mình? Những anh chị em già cả, ốm yếu, bệnh tật trong giáo xứ có được khích lệ để kết hợp hy lễ đời mình với hy tế thập giá hầu góp phần thánh hóa cộng đoàn không?
2. Người Kitô hữu được mời gọi kết hợp việc cầu nguyện, tham dự thánh lễ với mọi hoạt động của mình trong cuộc sống. Điều này đã được thực hiện thế nào trong đời sống của bạn?
3. Sách Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo nhắc nhở các bậc cha mẹ phải chu toàn sứ vụ tư tế bằng việc nuôi dưỡng giáo dục con cái. Theo bạn, phải làm thế nào để giúp các bậc cha mẹ trong giáo xứ ý thức được điều này?

9.3 THĂNG TIẾN SỨ VỤ MỤC TỬ

A. TRÌNH BÀY

Giáo Hội Việt Nam muốn chu toàn sứ vụ yêu thương và phục vụ theo gương Đức Kitô, Đấng không đến để được phục

vụ nhưng để phục vụ và hiến mạng sống làm giá chuộc muôn người (x. Mc 10, 45). Phục vụ và yêu thương theo gương Đức Kitô là một bài học mà Giáo Hội phải học mỗi ngày trong mọi nơi mọi lúc.

Giáo Hội không có sứ vụ điều khiển và tổ chức xã hội trần thế. Giáo Hội không thể và không bao giờ muốn thế chỗ chính quyền. Có được một xã hội công bằng phải là thành quả của chính trị, chứ không phải của Giáo Hội. Nhưng, cố võ cho công bằng, làm cho tâm trí rộng mở theo đuổi công ích, là điều can hệ đến Giáo Hội cách sâu xa. Giáo Hội không thể và không được ở bên lề trong cuộc tìm kiếm công lý hòa bình.

Quả thế, như những tội tở của Chúa và của nhân loại, người Kitô hữu Việt Nam chia sẻ cùng một hành trình với dân tộc mình. Giáo Hội không được sai tới để quan sát nhưng để phục vụ anh chị em mình trong hành trình tìm kiếm Thiên Chúa và vươn tới một đời sống nhân bản tốt đẹp hơn; để phân định những công việc mà Chúa muốn thực hiện; và để qui tụ mọi người trong gia đình của Ngài. Như tội tở của Thiên Chúa và nhân loại, Giáo Hội trên hết tìm cách trung thành với Thiên Chúa và với dân tộc mình.

Chính vì thế, Giáo Hội không đòi cho mình một đặc quyền nào hơn là quyền được phục vụ con người. Giáo Hội tại Việt Nam thâm tín rằng “bác ái trước hết và trên hết là một nhiệm vụ của mỗi cá nhân người tín hữu và cũng là nhiệm vụ của toàn Giáo Hội”. Có quan điểm cho rằng chỉ cần xây dựng cơ cấu xã hội công bằng là đủ, không cần đến tình thương và bác ái. Thực ra, luận điệu đó chỉ che giấu một quan niệm quá giản lược về con người: khái niệm cho rằng con người có thể sống chỉ “bằng cơm bánh” (Mt 4, 4; x. Đnl 8, 3), một xác tín làm hạ giá con người và cuối cùng coi thường tất cả những gì là nhân tính (Đề Cương 29).

B. HỎI-ĐÁP

1- H. Giáo Hội thi hành sứ vụ mục tử của mình như thế nào?

T. Giáo Hội chia sẻ cùng một hành trình với dân tộc và phục vụ anh chị em mình trong cuộc tìm kiếm Thiên Chúa và vươn tới một đời sống nhân bản tốt đẹp hơn, trong việc phân định những điều Chúa muốn thực hiện cũng như qui tụ mọi người trong gia đình của Ngài.

2- H. Giáo Hội có sứ vụ điều khiển và tổ chức xã hội trần thế không?

T. Giáo Hội không có sứ vụ điều khiển và tổ chức xã hội trần thế, nhưng Giáo Hội có nhiệm vụ cổ vũ cho công bằng, giúp mọi người theo đuổi công ích, tìm kiếm công lý và hòa bình.

3- H. Người giáo dân thực thi sứ vụ mục tử của mình như thế nào?

T. Người giáo dân tham gia phục vụ con người và xã hội của Giáo Hội, qua nỗ lực thăng tiến phẩm giá con người và biến đổi gia đình nhân loại nên nhân đạo hơn. Trong trách nhiệm này, người giáo dân có một vị trí đặc biệt, do tính cách trần thế, là tính cách đòi họ phải canh tân trật tự trần thế theo tinh thần Kitô giáo với cách thức riêng và không thể thay thế được (x. KTHGD 36).

4- H. Khi đòi cho mình đặc quyền phục vụ con người, Giáo Hội sẽ làm những gì để phục vụ con người?

T. Giáo Hội luôn bảo vệ, cổ xúy và phát triển phẩm giá và nhân quyền cũng như cương quyết chống lại những gì nghịch với những quyền tự nhiên và bất khả xâm phạm của con người.

5- H. Vì sao Giáo Hội đòi cho mình đặc quyền được phục vụ con người?

T. Vì con người và từng người là con đường căn bản và đầu tiên Giáo Hội phải theo để hoàn tất sứ vụ của mình, con đường đã được Đức Kitô vạch ra, con đường đi qua mâu nhiệm Nhập Thể và cứu chuộc (x. Thông điệp *Đáng Cứu chuộc Nhân loại* 14).

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Giáo xứ của bạn quan tâm đến sứ mạng phục vụ của mình như thế nào? Bạn đã thu góp được những kinh nghiệm nào để chia sẻ và đóng góp cho cộng đoàn?
2. Giáo xứ của bạn có quan tâm đến khía cạnh thăng tiến con người và xây dựng công bằng xã hội không? Cần làm gì để thăng tiến hơn khía cạnh này?
3. Khi nhìn vào nếp sống đạo hiện nay của người Công giáo, những khía cạnh nào khiến anh chị em lương dân có thiện cảm với Giáo Hội, những khía cạnh nào khiến họ có thái độ ngược lại?

ĐỀ TÀI 10: GIÁO HỘI VIỆT NAM MUỐN ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC RAO GIẢNG TIN MỪNG

A. TRÌNH BÀY

Ngày nay loan báo Tin Mừng là cả một công trình phức hợp gồm nhiều tác vụ chủ yếu như làm chứng cho Tin Mừng, hoạt động cho những giá trị của vương quốc, đấu tranh cho sự thăng tiến con người toàn diện, đối thoại, chia sẻ kinh nghiệm

về Thiên Chúa, hội nhập văn hoá, đối thoại với các tôn giáo. Chính vì thế, Giáo Hội Việt Nam cần tìm ra phương thức mới để loan báo Tin Mừng.

Chính mầu nhiệm Đức Kitô Nhập thể và Thánh Thần sáng tạo sẽ là khuôn mẫu cho phương pháp mới trong sứ vụ truyền giáo. Cốt lõi của phương pháp này không gì khác hơn là phong cách của Đức Giêsu-trong-sứ-vụ, là tư cách của một môn đệ chân chính trong bối cảnh Việt Nam thời đại mới.

Không phải như một người đang ban phát vì tự hào mình có mọi sự, nhưng như một người chung phần, người tín hữu Việt Nam muốn sống trong tình bạn với tất cả những người dân Việt khi họ cầu kinh, làm việc, chịu đựng và đấu tranh cho một đời sống nhân bản tốt đẹp hơn, và khi họ tìm kiếm ý nghĩa của cuộc sống và tiến bộ của con người. Giáo Hội tại Việt Nam phải bước đi với quê hương đất nước trong tình huynh đệ nhân loại.

Cách cụ thể, Giáo Hội tại Việt Nam biết rằng mình phải đối thoại với những người nghèo, với các tôn giáo và với văn hoá dân tộc. Chắc chắn mục tiêu tối hậu và dứt khoát của Giáo Hội tại Việt Nam là loan báo Đức Kitô và Tin Mừng của Ngài cho đồng bào của mình, nhưng sứ vụ này phải được thực thi qua cuộc đối thoại tam diện đó... Vì lẽ, chỉ có một kế hoạch cứu độ, chỉ có một Đấng cứu thế duy nhất là Đức Kitô, chứ không có nhiều chương trình cứu độ, nên cả ba cuộc đối thoại này tạo nên cuộc đối thoại mang tính sống còn, cuộc đối thoại mang lại ơn cứu độ.

Phương pháp đối thoại này đâm rễ trong linh đạo của đối thoại, bắt nguồn từ Mầu nhiệm Nhập thể nơi đó Thiên Chúa đã đến chia sẻ phận người, gặp gỡ và đối thoại với con người, nhờ đó dẫn đưa con người vào hành trình chân lý giải thoát. Đó là

linh đạo của kenosis, của tự hạ và hủy mình ra không như Đức Kitô (x. Pl 2, 6-11).

Cũng thế, trong cuộc đối thoại tam diện với người nghèo, với các tôn giáo và với văn hoá dân tộc, Giáo Hội tại Việt Nam cần vun trồng thái độ lắng nghe, khiêm tốn và chân thực, chứ không tự mãn hay kiêu căng. Người Kitô hữu Việt Nam luôn xác tín về căn tính của mình, đồng thời khiêm tốn và thành tâm chia sẻ kho tàng đức tin cho anh chị em mình với sự chân thực, đơn sơ, bình an và kiên nhẫn (Đề Cương 30.32).

B. HỎI-ĐÁP

1- H. Việc loan báo Tin Mừng ngày nay có nội dung phong phú như thế nào?

T. Loan báo Tin Mừng ngày nay không đơn thuần là chia sẻ kinh nghiệm về Thiên Chúa, nhưng bao gồm nhiều tác vụ như làm chứng cho Tin Mừng, hoạt động cho những giá trị của Vương quốc, đối thoại, hội nhập văn hoá, thăng tiến con người toàn diện vv...

2- H. Giáo Hội Việt Nam muốn loan báo Tin Mừng với phong cách nào?

T. Giáo Hội Việt Nam không muốn loan báo Tin Mừng như một người ban phát vì tự hào mình có mọi sự, nhưng như một người chung phần, nghĩa là sống trong tình bạn với mọi người khi họ cầu kinh, làm việc, chịu đựng và đấu tranh cho một đời sống nhân bản tốt đẹp hơn, hay khi họ tìm kiếm ý nghĩa của cuộc sống và tiến bộ của con người.

3- H. Giáo Hội Việt Nam thấy mình phải loan báo Đức Kitô và Tin Mừng của Ngài bằng cách nào?

T. Giáo Hội Việt Nam thấy mình phải loan báo Đức Kitô và Tin Mừng của Ngài cho mọi người bằng đối thoại: đối thoại với người nghèo, với văn hoá dân tộc và với các tôn giáo.

4- H. Vì sao ba cuộc đối thoại với người nghèo, với văn hoá dân tộc và với các tôn giáo tạo thành cuộc đối thoại mang tính sống còn?

T. Ba cuộc đối thoại với người nghèo, với văn hoá dân tộc và với các tôn giáo tạo thành cuộc đối thoại mang tính sống còn vì chỉ có một kế hoạch cứu độ và một Đấng Cứu Độ duy nhất.

5- H. Phương pháp đối thoại phát xuất từ đâu?

T. Phương pháp đối thoại phát xuất từ mẫu nhiệm Nhập Thể nơi đó Thiên Chúa đã đến chia sẻ phận người, gặp gỡ và đối thoại với con người để đưa con người vào hành trình chân lý giải thoát; đó cũng là mẫu nhiệm tự hạ và hủy mình ra không của Đức Kitô.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Trong hoàn cảnh xã hội Việt Nam hôm nay, bạn có những kinh nghiệm nào về đối thoại? Đây là những khó khăn và thử thách thường gặp khi đối thoại?
2. Giáo xứ của bạn có phương sách nào để loan báo Đức Kitô là Đấng Cứu Độ duy nhất của nhân loại không? Phương sách đối thoại mà Giáo Hội đề nghị, theo bạn, có khả thi và kiến hiệu không?
3. Giáo Hội muốn loan báo Tin Mừng không như người ban phát, nhưng như người chung phần với đồng bào của mình. Phong cách loan báo này giống và khác với phong cách loan báo của mọi người trong giáo xứ như thế nào?

10.1 ĐỐI THOẠI VỚI NGƯỜI NGHÈO

A. TRÌNH BÀY

Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II, trong Tông huấn *Giáo Hội tại Châu Á*, nhận thấy “châu Á là một lục địa có tài nguyên phong phú và có những nền văn minh lớn, nhưng lại là địa bàn của một số quốc gia nghèo nhất trên thế giới, và là nơi có hơn một nửa dân số phải chịu thiếu thốn, nghèo đói và bị bóc lột. Những người nghèo tại Châu Á cũng như những người nghèo trên thế giới sẽ luôn luôn tìm được lý do vững chắc để hy vọng trong chính mệnh lệnh Tin Mừng dạy chúng ta phải yêu thương nhau như Đức Kitô đã yêu thương chúng ta (x. Ga 13,34). Giáo Hội tại Châu Á cũng không thể làm gì khác hơn là ra sức thi hành mệnh lệnh ấy đối với người nghèo, trong lời nói cũng như trong hành động. Sự liên đới với người nghèo sẽ trở nên đáng tin hơn, nếu bản thân các Kitô hữu cũng sống giản dị theo gương Đức Giêsu. Sống giản dị, tin sâu xa và yêu chân thành mọi người, nhất là những người nghèo và những người bị bỏ rơi, là những dấu hiệu sáng ngời cho thấy Tin Mừng đang được thi hành ... Trong khi yêu thương người nghèo tại Châu Á, Giáo Hội quan tâm cách riêng tới những người di cư, những dân tộc bản địa và bộ tộc, phụ nữ và trẻ em, vì họ thường là nạn nhân của những hình thức bóc lột tồi tệ nhất. Ngoài ra vô số người đang bị kỳ thị vì văn hoá, màu da, chủng tộc, giai cấp, tình trạng kinh tế, hay vì cách suy nghĩ của mình. Trong số đó có cả những người bị biến thành nạn nhân chỉ vì đã gia nhập Kitô giáo” (GHCA 34).

Sống giản dị, tin sâu xa và yêu chân thành mọi người, nhất là những người nghèo và những người bị bỏ rơi, cũng là chọn lựa của Giáo Hội Việt Nam hôm nay: “Đa số người dân Việt còn nghèo, vì thế Giáo Hội tại Việt Nam không thể bày ra

trước quê hương còn chậm phát triển này hình ảnh, dù là bên ngoài, của một Giáo Hội trưởng giả, khó tiếp xúc. Chỉ bằng cách đối thoại với người nghèo, lắng nghe và đón nhận những nguyện vọng chính đáng của họ như là của chính mình, các môn đệ của Đức Kitô mới có thể nhận ra khuôn mặt của Chúa nơi những con người đau khổ, để có thể đồng hành và liên đới với những người nghèo trong khát vọng hướng tới cuộc sống bình an và hạnh phúc hơn, để thấy được chính mình đang được Tin Mừng hoá khi tiếp xúc với những người bé nhỏ nghèo hèn, và nhận ra được những giá trị Tin Mừng đang có nơi những anh chị em nghèo khó của mình (Đề Cương 31).

B. HỎI-ĐÁP

- 1- H. Theo Tông huấn Giáo Hội tại Châu Á, người nghèo là những ai?
 - T. Theo Tông huấn Giáo Hội tại Châu Á, người nghèo là những người đói khát, túng thiếu, vô gia cư, không được chăm sóc về y tế, không hy vọng có một tương lai tốt đẹp.
- 2.H. Trong khi yêu thương những người nghèo, Giáo Hội đặc biệt quan tâm tới những ai?
 - T. Giáo Hội đặc biệt quan tâm tới những người di cư, những dân tộc bản địa và bộ tộc, phụ nữ và trẻ em, vì họ thường là nạn nhân của những hình thức bóc lột tồi tệ nhất. Thêm vào đó là vô số những người đang bị kỳ thị hay phân biệt đối xử vì văn hoá, màu da, chủng tộc, giai cấp, tình trạng kinh tế, cách suy nghĩ và niềm tin của mình.
- 3- H. Để sự liên đới với người nghèo trở nên đáng tin hơn, bản thân các Kitô hữu phải sống thế nào?

T. Để sự liên đới với người nghèo trở nên đáng tin hơn, bản thân các Kitô hữu phải sống giản dị theo gương Đức Giêsu, tin sâu xa và yêu chân thành mọi người, nhất là những người nghèo và những người bị bỏ rơi.

4- H. Trong cuộc đối thoại với người nghèo, Giáo Hội Việt Nam phải làm gì?

T. Giáo Hội Việt Nam phải lắng nghe và đón nhận những nguyện vọng chính đáng của người nghèo, đồng hành và liên đới với họ trong khát vọng hướng tới cuộc sống bình an và hạnh phúc hơn.

5- H. Khi đối thoại với người nghèo, các Kitô hữu nhận ra điều gì?

T. Khi đồng hành với người nghèo, các Kitô hữu nhận ra khuôn mặt của Chúa nơi người ấy, những giá trị Tin Mừng họ đang có, và chính bản thân đang được Tin Mừng biến đổi.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Liệu những người nghèo có tìm được lý do để tin tưởng và hy vọng nơi cộng đoàn giáo xứ của bạn không? Tại sao?
2. Cộng đoàn giáo xứ của bạn có lâm vào tình trạng “kẻ ăn không hết, người lần chẳng ra” chẳng? Cần làm gì để giáo xứ thoát khỏi tình trạng này?
3. Sự liên đới với người nghèo sẽ trở nên đáng tin hơn, nếu bản thân các Kitô hữu cũng sống giản dị theo gương Đức Giêsu. Bạn và giáo xứ của bạn có kinh nghiệm nào trong vấn đề này?

10.2 ĐỐI THOẠI VỚI VĂN HÓA DÂN TỘC

A. TRÌNH BÀY

Văn hoá được hiểu như là hệ thống giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo trong quá trình lịch sử và tích lũy qua nhiều thế hệ liên tục. Chúng làm thành một hệ thống chặt chẽ và chi phối đời sống của một cộng đoàn, một dân tộc.

Trong Tông huấn *Giáo Hội tại Châu Á*, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II hiểu các nền “văn hoá” như là những hệ thống giá trị của một dân tộc và “hội nhập văn hoá” như là nỗ lực “hoà mình vào” hay “gặp gỡ và đối thoại với” nền văn hoá của một dân tộc nào đó. Các thừa sai nước ngoài khi đến Việt Nam giảng đạo đã học tiếng nói của người Việt, ăn mặc như người Việt, trình bày giáo lý theo cách hiểu của người Việt. Như thế là các ngài đang hội nhập hay gặp gỡ và đối thoại với nền văn hoá Việt Nam. Trong quá trình gặp gỡ và đối thoại này, một đảng, các vị thừa sai tiếp nhận các giá trị tốt đẹp của nền văn hoá Việt Nam để đào sâu sứ điệp Tin Mừng và làm cho việc rao giảng nên dễ dàng và hiệu quả hơn; đảng khác, các ngài truyền đạt cho người Việt chân lý và giá trị của Tin Mừng để đổi mới nền văn hoá của chúng ta từ bên trong.

“Một thí dụ cụ thể, khi Kitô giáo được truyền vào Việt Nam cách đây ba, bốn thế kỷ, dân tộc ta đang chịu ảnh hưởng nặng nề của Nho giáo và nền quân chủ độc tài, phong kiến. Nho giáo dạy người dân phải trung với vua vì vua là thiên tử thay trời trị dân, có toàn quyền sinh sát đến độ “quân sử thần tử, thần bất tử bất trung.” Người Công giáo lại được dạy chỉ có Chúa Trời làm chủ của sự sống, là Cha hết mọi người và tất cả đều là anh em nên đều bình đẳng với nhau về giá trị làm người dù vẫn có tôn ti trật tự trong xã hội. Họ không chống đối, phản

loạn đối với vua, nhưng họ không thể tuân lệnh vua bỏ đạo được. Giáo Hội đã thực sự truyền đạt các chân lý về tự do, về giá trị làm người cho nền văn hoá Việt Nam và cuộc hội nhập này mang lại nhiều lợi ích cho dân tộc Việt.”

Chính “Giáo Hội Việt Nam cũng phải đối thoại với những giá trị tốt đẹp trong nền văn hoá Việt Nam. Văn hoá ấy có thể cống hiến cho Giáo Hội nhiều cơ hội đào sâu sứ điệp Tin Mừng và làm cho việc rao giảng nên dễ dàng và hiệu quả hơn. Thật vậy, hội nhập văn hoá là công trình của Thiên Chúa, trong đó Chúa Thánh Thần sử dụng Giáo Hội như dấu chỉ và phương thế hữu hiệu để làm cho Đức Kitô và Tin Mừng của Ngài nhập thể vào nền văn hoá, làm cho nền văn hoá này có thể tiếp thu những giá trị Tin Mừng để được phong phú hơn và trở thành dụng cụ để công bố hiệu quả những công trình của Thiên Chúa. Một đảng, Giáo Hội tại Việt Nam hiểu rằng thích ứng đức tin Kitô hữu vào văn hoá để đối thoại không có nghĩa là công bố một Đức Kitô phiến diện hay bị giản lược vào những đòi hỏi văn hoá và nhân loại. Đảng khác, Giáo Hội sẽ phải Tin Mừng hoá, phải gạn đục khơi trong những yếu tố tội lỗi và hạ thấp nhân phẩm, cũng như sẽ làm thăng tiến những điều thiện hảo và tích cực trong văn hoá Việt Nam. Hội nhập văn hoá như thế không chỉ là việc tìm cách thích ứng văn hoá hay chuyển dịch những tác phẩm thần học, mặc dù công việc này cũng khá cần thiết, nhưng còn là một công trình đòi những nỗ lực tiệm tiến và lâu dài (Đề Cương 31).

B. HỎI-ĐÁP

1- H. Văn hóa và Hội nhập Văn hóa là gì?

T. Văn hóa được hiểu như là một hệ thống giá trị vật chất và tinh thần do con người tạo ra và tích lũy qua nhiều thế hệ;

còn Hội nhập Văn hóa là gặp gỡ và đối thoại với nền văn hoá của một dân tộc nào đó.

2- H. Trong cuộc gặp gỡ và đối thoại với nền văn hoá Việt Nam, các thừa sai nước ngoài đã làm gì?

T. Một đảng, các thừa sai nước ngoài tiếp nhận các giá trị tốt đẹp của nền văn hoá Việt Nam để đào sâu sứ điệp Tin Mừng và làm cho việc rao giảng nên dễ dàng và hiệu quả hơn; đảng khác, truyền đạt cho người Việt chân lý và giá trị của Tin Mừng để đổi mới nền văn hoá của chúng ta từ bên trong.

3- H. Tác nhân chính của cuộc đối thoại giữa Đức tin và Văn hoá là ai?

T. Tác nhân chính của cuộc đối thoại giữa Đức tin và Văn hoá là Chúa Thánh Thần, Đấng sử dụng Giáo Hội như dấu chỉ và phương thế hữu hiệu để làm cho Đức Kitô và Tin Mừng của Ngài nhập thể vào nền văn hoá đồng thời làm cho nền văn hoá này nên phong phú hơn và trở thành dụng cụ hữu hiệu cho việc loan báo Tin Mừng.

4- H. Vì sao Giáo Hội Việt Nam phải đối thoại với văn hoá dân tộc?

T. Giáo Hội Việt Nam phải đối thoại với văn hoá dân tộc vì Giáo Hội không thể loan báo Đức Kitô và Tin Mừng của Ngài cho đồng bào của mình mà không hiểu họ là ai, thuộc nền văn hoá nào. Hơn nữa, văn hoá dân tộc có thể cống hiến cho Giáo Hội nhiều cơ hội đào sâu sứ điệp Tin Mừng và làm cho việc rao giảng trở nên dễ dàng và hiệu quả hơn.

5- H. Giáo Hội Việt Nam đối thoại với văn hoá dân tộc như thế nào?

T. Một đảng, Giáo Hội tiếp nhận những giá trị tốt đẹp của văn hoá và thu dụng những yếu tố tích cực tìm thấy trong văn hoá; đảng khác, gạt bỏ những yếu tố trong văn hoá không phù hợp với Tin Mừng và thăng tiến những điều thiện hảo tìm thấy trong văn hóa dân tộc.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Trong công cuộc hội nhập văn hoá, các thừa sai nước ngoài đã có được những thuận lợi và gặp phải những khó khăn nào? Các ngài đã đạt được những thành công và hứng chịu những thất bại nào?
2. Khi loan báo Tin Mừng, bạn và giáo xứ của bạn ý thức về tầm quan trọng của hội nhập văn hoá hay gặp gỡ và đối thoại với nền văn hoá dân tộc như thế nào? Cần phải làm gì để giúp mọi người ý thức hơn vai trò của văn hoá trong việc sống và thông truyền đức tin?
3. Theo bạn, đâu là những giá trị căn bản của đức tin Kitô giáo? Đâu là những giá trị căn bản của văn hoá Việt Nam? Và đâu là những giá trị tốt đẹp cần hội nhập? Để hội nhập, có nhất thiết phải mặc áo thụng, đội khăn đóng, đi hài cong trong một cuộc dâng lễ vật hoặc xây dựng nhà thờ có mái cong theo kiểu chùa hay đình nào đó không?

10.3 ĐỐI THOẠI VỚI CÁC TÔN GIÁO

A. TRÌNH BÀY

Trong Tông huấn Giáo Hội tại Châu Á, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II nhận định về thực tại tôn giáo của châu lục như sau: “Châu Á là chiếc nôi của các tôn giáo lớn trên thế giới như Do Thái Giáo, Kitô Giáo, Hồi Giáo và Ấn Độ Giáo. Đó là nơi khai sinh của nhiều truyền thống tâm linh như Phật Giáo, Lão Giáo, Khổng Giáo, Bái Hoả giáo (Zoroastrianism), đạo Giaina (Jainism), đạo Sikh và Thần Đạo (Shintoism). Chưa kể hàng triệu người cũng theo các tôn giáo truyền thống và bộ tộc, có nghi thức qui củ và giáo lý chính thức ở những mức độ khác nhau. Giáo Hội hết sức kính trọng các truyền thống này và luôn tìm cách đối thoại chân thành với các tín đồ của các tôn giáo và các truyền thống ấy. Các giá trị tôn giáo mà các đạo ấy giảng dạy đang còn chờ được kiện toàn trong Đức Giêsu Kitô.

Người dân Á châu rất tự hào về các giá trị tôn giáo và văn hoá của mình, như yêu mến sự tinh lặng và chiêm ngưỡng, sống giản dị, hoà hợp, từ bỏ, bất bạo động, làm việc chăm chỉ, có kỷ luật, sống thanh đạm, ham học hỏi và truy tầm triết lý. Người Á châu rất yêu chuộng các giá trị như: tôn trọng sự sống, từ bi với mọi loài, gần gũi thiên nhiên, hiếu thảo với cha mẹ, tôn kính người cao tuổi và tổ tiên, ý thức sâu sắc về cộng đoàn. Cách riêng, họ coi gia đình là nguồn sức mạnh sinh tử, là một cộng đồng liên kết chặt chẽ và có ý thức liên đới cao. Các dân Á châu thường được tiếng là có tinh thần bao dung tôn giáo và sống chung hoà bình. Trong bối cảnh đa tôn giáo và đa văn hoá, tuy không phủ nhận đã xảy ra những căng thẳng và xung đột gay gắt, nhưng vẫn nói được rằng châu Á luôn chứng tỏ có khả năng thích nghi và cởi mở một cách tự nhiên để làm

cho các dân tộc giúp nhau thêm phong phú. Ngoài ra, dù chịu ảnh hưởng của trào lưu hiện đại hoá (modernization) và tục hoá, các tôn giáo Á Châu vẫn chứng tỏ mình có nhiều sinh lực và khả năng canh tân, như có thể thấy qua các phong trào cải cách ngay trong các tập thể tôn giáo khác nhau. Nhiều người, nhất là người trẻ, rất khao khát các giá trị tâm linh, sự xuất hiện của các phong trào tôn giáo mới gần đây là một bằng chứng rõ ràng.

Tất cả những dẫn chứng trên cho thấy trong cái hồn Á Châu có một thiên hướng tâm linh bẩm sinh và sự khôn ngoan đạo đức. Đây chính là cốt tuỷ làm trung tâm cho cảm thức về “bản sắc Á châu” ngày càng phát triển hơn. “Bản sắc Á châu” này sẽ được khám phá và khẳng định rõ nhất không phải bằng cách đối đầu và phản kháng, nhưng bằng cách bổ sung và phối hợp hài hoà với nhau. Trong khung cảnh bổ sung và phối hợp hài hoà ấy, Giáo Hội có thể truyền bá Tin Mừng một cách vừa trung thành với truyền thống của mình, vừa phù hợp với cái hồn Á châu (GHCA 6).

Nhận định của Đức Thánh Cha cho chúng ta hiểu được sự cần thiết và tầm quan trọng của việc đối thoại với các tôn giáo tại Việt Nam. “Giáo Hội Việt Nam phải đối thoại với các tôn giáo vì các tôn giáo ấy có những yếu tố ý nghĩa và tích cực trong nhiệm vụ của kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa. Nơi các tôn giáo này, chúng ta nhận ra và tôn trọng những ý nghĩa và giá trị tinh thần và đạo đức. Qua bao thế kỷ, kinh nghiệm tôn giáo của các bậc tổ tiên đã tích lũy thành những kho tàng đem lại ánh sáng và sức mạnh cho con người hôm nay. Các tôn giáo đã và còn tiếp tục diễn đạt những khao khát cao thượng nhất của cõi lòng. Đây quả là những ngôi đèn cho con người đến chiêm niệm và nguyện cầu. Quả thực, các tôn giáo ấy đã giúp nắn hình lịch sử và văn hoá của dân tộc chúng ta. Đối thoại với các tôn giáo cho phép Giáo Hội Việt Nam khám phá những hạt

mầm của Lời Thiên Chúa và chạm đến thực tại sâu xa nhất của dân tộc, đồng thời cũng có thể tìm ra cách sống và diễn đạt xác thực hơn cho đức tin Kitô hữu của chính mình (Đề Cương 31).

B. HỎI-ĐÁP

1- H. Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II nhận định thế nào về thực tại tôn giáo tại châu Á?

T. Theo Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II, châu Á là chiếc nôi của các tôn giáo lớn trên thế giới và là nơi khai sinh của nhiều truyền thống tâm linh khác nhau, chưa kể hàng triệu người theo các tôn giáo truyền thống và bộ tộc, có nghi thức qui củ và giáo lý chính thức ở những mức độ khác nhau.

2- H. Giáo Hội có thái độ nào đối với các tôn giáo và truyền thống tâm linh này?

T. Giáo Hội hết sức kính trọng các tôn giáo và truyền thống tâm linh này và luôn tìm cách đối thoại chân thành với các tín đồ của các tôn giáo và các truyền thống ấy. Đối với Giáo Hội, các giá trị tôn giáo mà các đạo ấy giảng dạy còn chờ được kiện toàn trong Đức Giêsu Kitô.

3- H. Người dân Á Châu rất tự hào về các giá trị tôn giáo và văn hoá nào?

T. Người dân Á Châu rất tự hào về các giá trị tôn giáo và văn hoá của mình như yêu mến sự thanh lặng và chiêm ngưỡng, sống giản dị, hoà hợp, từ bỏ, bất bạo động, làm việc chăm chỉ, có kỷ luật, sống thanh đạm, ham học hỏi và truy tầm triết lý. Người Á châu rất yêu chuộng các giá trị như: tôn trọng sự sống, từ bi với mọi loài, gần gũi

thiên nhiên, hiếu thảo với cha mẹ, tôn kính người cao tuổi và tổ tiên, ý thức sâu sắc về cộng đoàn.

4- H. Các tôn giáo Á Châu có đứng vững trước tác động mạnh mẽ của các trào lưu hiện đại hoá và tục hoá không?

T. Dù chịu ảnh hưởng của các trào lưu hiện đại hoá và tục hoá, các tôn giáo Á Châu vẫn chứng tỏ mình có nhiều sinh lực và khả năng canh tân, như có thể thấy qua các phong trào cải cách ngay trong các tập thể tôn giáo khác nhau.

5- H. Vì sao Giáo Hội Việt Nam cần đối thoại với các tôn giáo?

T. Giáo Hội Việt Nam cần đối thoại với các tôn giáo vì nhờ đó, chúng ta có thể khám phá ra những hạt mầm của Lời Chúa và chạm đến thực tại sâu xa nhất của dân tộc, đồng thời khám phá ra cách sống và diễn đạt xác thực hơn cho đức tin Kitô hữu của chính mình.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Bạn có biết tín đồ của các tôn giáo như Phật Giáo, Lão Giáo, Khổng Giáo, đạo Cao Đài tin tưởng và theo đuổi những chân lý và giá trị nào không? Chân lý và giá trị nào?
2. Thái độ của Giáo Hội đối với các tôn giáo gợi hứng thế nào cho bạn và giáo xứ của bạn trong cuộc đối thoại với các tôn giáo?
2. Bạn và giáo xứ của bạn có những kinh nghiệm nào trong việc đối thoại với các tôn giáo? Chia sẻ những thuận lợi và khó khăn, những thành công và thất bại trong lãnh vực này.

ĐỀ TÀI 11: GIÁO HỘI VIỆT NAM MUỐN THEO CHÚA GIÊSU TRÊN CON ĐƯỜNG NHẬP THỂ

A. TRÌNH BÀY

Đức Giêsu Kitô đến từ Thiên Chúa vĩnh hằng nhưng đã chọn Á châu để làm nơi sinh hạ. Khi làm người, Đức Giêsu đã làm một người châu Á. Ngài đã cảm nghiệm những trạng huống và thực tại cuộc sống như một người Do Thái vùng Cận Đông, đã chia sẻ tất cả những thăng trầm của dân tộc mình. Ngài đã bước xuống dòng sông Giođan như bước vào một nền văn hoá hơn chỉ là đặt chân vào một dòng sông theo nghĩa hẹp. Chính lối sống và hành động như thế của Đức Kitô đã đúc kết thành cả một chương trình mục vụ của Vaticanô II cho Giáo Hội trong thời đại mới: liên đới với mọi nỗi vui mừng và lo âu, hy vọng và ưu sầu, an bình và đau khổ của con người... Vì thế, Giáo Hội tại Việt Nam cũng không thể có một hướng đi nào khác hơn là bước đi theo Con Thiên Chúa nhập thể, điếm gặp gỡ của Thiên Chúa và con người.

Theo hướng đi đó, Giáo Hội Việt Nam hôm nay ... muốn quan tâm đến hiện trạng của con người và xã hội hôm nay, để nhận ra và phân định cách sáng suốt về những thực tại xã hội-kinh tế phức tạp, xem như dấu chỉ qua đó khám phá những điều Thiên Chúa muốn nói cho Giáo Hội đang đồng hành với dân tộc trong một đất nước không ngừng biến chuyển... ở đó ánh sáng chen lẫn với bóng tối và dường như bóng tối đang lấn áp. Tuy nhiên, những mảng tối trong bức tranh của quê hương dưới nhiều góc độ không hề làm chúng ta bi quan, thất đảm. Trái lại, niềm hy vọng cho một tương lai tươi đẹp vẫn tỏa sáng bởi chúng ta tin rằng Chúa Thánh Thần luôn hiện diện trong công trình sáng tạo, làm khai sinh trật tự, hài hòa và liên kết lẫn nhau trong mọi loài hiện hữu. Ngài vẫn ảnh hưởng và tác động

trên xã hội và các nền văn hoá bằng cách luôn gieo trồng những hạt giống chân lý giữa các dân tộc, tôn giáo, văn hoá và triết lý của họ. Chúa Thánh Thần luôn hoạt động trong thế giới và lịch sử nhân loại, để chuẩn bị cho Tin Mừng và dẫn đưa mọi người đến với Chúa Kitô, cũng chính Ngài liên li hoạt động trong cuộc đấu tranh cho một thế giới tốt đẹp hơn dưới mọi hình thức để làm cho ơn cứu độ của Thiên Chúa có thể đến với mọi người.

Như thế, chính những thách đố mới lại có thể mang đến nhiều cơ hội mới cho Tin Mừng của Đức Kitô, nếu Giáo Hội tại Việt Nam biết tiến bước với một nhiệt tình mới, có một phương pháp mới để rao giảng Tin Mừng, với những nhà truyền giáo mới, được Đức Kitô chiếm hữu trọn vẹn (Đề Cương 2.6).

B. HỎI-ĐÁP

- 1- H. Chương trình mục vụ mà Công đồng Vaticanô II đề ra cho Giáo Hội trong thời đại mới: liên đới với mọi nỗi vui mừng và lo âu, hy vọng và ưu sầu của con người, bắt nguồn từ mâu nhiệm nào?
 - T. Chương trình mục vụ mà Công đồng Vaticanô II đề ra cho Giáo Hội trong thời đại mới, bắt nguồn từ mâu nhiệm Thiên Chúa làm người, cụ thể là từ lối sống và hành động của Đức Giêsu.
- 2- H. Vào thời điểm ân sủng của Năm Thánh, Giáo Hội Việt Nam muốn canh tân mục vụ theo hướng nào?
 - T. Giáo Hội Việt Nam không thể có một hướng đi nào khác hơn là bước đi theo Con Thiên Chúa nhập thể, điếm gặp gỡ của Thiên Chúa và con người.

3- H. Theo hướng mục vụ này, Giáo Hội Việt Nam quan tâm trước tiên đến vấn đề gì?

T. Giáo Hội Việt Nam muốn quan tâm trước tiên đến hiện trạng của con người và xã hội hôm nay, từ đó phân định và khám phá ra điều Thiên Chúa muốn nói cho Giáo Hội đang chia sẻ cùng một hành trình với dân tộc của mình.

4- H. Giáo Hội Việt Nam tìm hiểu và nhận định về các thực tại xã hội-văn hóa-tôn giáo của đất nước, với tâm thức nào?

T. Giáo Hội tìm hiểu và nhận định về các thực tại xã hội-văn hóa-tôn giáo của đất nước trong niềm tin tưởng và hy vọng, bởi lẽ Thánh Thần luôn hoạt động trong thế giới và lịch sử nhân loại để chuẩn bị cho Tin Mừng và dẫn đưa mọi người đến với Chúa Kitô. Chính Ngài không ngừng hoạt động trong cuộc đấu tranh cho một thế giới tốt đẹp hơn dưới mọi hình thức, để làm cho ơn cứu độ đến với mọi người.

5- H. Để những thách đố mới có thể mang đến nhiều cơ hội mới cho Tin Mừng của Đức Kitô, Giáo Hội Việt Nam cần phải làm gì?

T. Để những thách đố mới có thể mang đến nhiều cơ hội mới cho Tin Mừng của Đức Kitô, Giáo Hội Việt Nam cần tiến bước với một nhiệt tình mới, có một phương pháp mới để rao giảng Tin Mừng, với những nhà truyền giáo mới được Đức Kitô chiếm hữu trọn vẹn.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Bạn và giáo xứ của bạn quan tâm thế nào đến hiện trạng của con người và xã hội chung quanh? Thực trạng ấy sáng và tối, mạnh và yếu ở những điểm nào? Nó bộc lộ những khát vọng nào của con người và xã hội?

2. Để tìm hiểu và nhận định về tình hình của khu xóm hay giáo xứ, bạn hay giáo xứ của bạn thường làm gì và làm như thế nào?
3. Chương trình mục vụ của giáo xứ hay nhóm của bạn có được xây dựng trên thành quả của việc tìm hiểu và nhận định tình hình dưới ánh sáng của Lời Chúa không?

11.1 THỰC TRẠNG XÃ HỘI

A. TRÌNH BÀY

Đất nước ta hiện nay không còn chiến tranh, kinh tế đã phần nào phát triển và trên đà cất cánh. Việt Nam đã gia nhập khối ASEAN, gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và ngày càng hội nhập thêm hơn vào nền kinh tế toàn cầu. Nhờ đầu tư nước ngoài, dân chúng có thêm nhiều việc làm, ngành du lịch cũng tiếp nhận được nhiều du khách ngoại quốc hơn, người dân quan tâm hơn đến vấn đề giáo dục.

Tuy nhiên, không thể làm ngơ trước những tác động tiêu cực của tiến trình toàn cầu hoá kinh tế: nhiều tiểu thương bị phá sản, cạnh tranh không sót thương trở thành phương châm hành động, đầu cơ tích trữ thao túng thị trường, số thiếu niên lao động trước tuổi cũng không ít. Tông huấn Giáo Hội tại Á Châu nhận định: “Tiến trình toàn cầu hoá kinh tế làm phương hại đến người nghèo, nhấn đẩy các quốc gia nghèo khổ hơn ra bên lề những tương quan kinh tế và chính trị” (GHCA 39). Nhận định này được thể hiện rõ ràng khi nhìn vào hố ngăn cách ngày càng rộng sâu hơn giữa giàu và nghèo, nông dân và thị dân, dân lao động và giới đại gia. Trong thực tế, ta có thể thấy cảnh ăn chơi xa xỉ đối nghịch với cảnh thiếu thốn cơ cực, trong

khi một số người giàu lên nhờ thu nhập chính đáng thì cũng có người thu lợi bất chính với tệ nạn tham nhũng, bất kể đạo đức và trách nhiệm, thái độ vô cảm và ích kỷ của kẻ giàu trước nỗi khổ cùng của người nghèo khổ.

Đất nước cũng đang chứng kiến cảnh bùng phát về di dân. Làn sóng di dân đổ về các thành phố lớn để kiếm kế sinh nhai, làm thay đổi nhanh chóng khung cảnh sinh hoạt xã hội và phát sinh những vấn đề không nhỏ: đô thị trở nên quá tải đến độ nghẹt thở, nhiều băng đảng nảy sinh từ tình trạng hỗn độn không được dự phòng và không sao kiểm soát, đất nước mở ngõ trở thành môi ngon cho nạn buôn ma túy, trẻ em và phụ nữ.

Vấn đề ô nhiễm môi trường cũng đang gây nhiều âu lo: các hoá chất độc hại sử dụng bừa bãi trong công nghệ thực phẩm, chất thải công nghiệp không được xử lý thích hợp, nước bẩn và rác rưởi tàn phá môi sinh. Chương trình y tế cộng đồng mỏng manh, nhiều bệnh viện đã bị quá tải.

Việt Nam hiện là một cộng đồng dân số trẻ. Thế hệ trẻ ngày càng tham gia nhiều hơn vào các lãnh vực hoạt động trong xã hội. Các phong trào và sinh hoạt dành cho giới trẻ và thiếu nhi ngày càng được quan tâm, nhằm chuẩn bị cho tương lai vận mệnh của tổ quốc và Giáo Hội. Cũng trong lúc này, xã hội Việt Nam đang chứng kiến ảnh hưởng của nền công nghệ thông tin hiện đại với sức thay đổi xã hội của nó. Khoa tin học là niềm đam mê thu hút nhiều học sinh, sinh viên. Giáo Hội không thể phủ nhận giá trị của công nghệ thông tin trong việc nêu lên những mẫu sống và phổ biến những giá trị nhân bản và đạo đức. Tuy nhiên, công nghệ này cũng bị lạm dụng không ít cho những mục đích xấu xa, nếu không nói là vô luân, trong việc phổ biến quá nhanh các tin tức thường khi là bất cần và không chọn lọc, vì thế gây ra những xáo trộn cũng như những

ảnh hưởng tiêu cực không nhỏ. Các dịch vụ internet nở rộ ngay cả ở vùng thôn quê và qua đó phổ biến những hình thức văn hoá đồi trụy. Những người “nghiện” trò chơi trên mạng không phải ít trong giới thanh thiếu niên đang lứa tuổi học trò.

Chúng ta không thể không quan tâm đến anh chị em dân tộc thiểu số, những người còn bị kỳ thị cách nào đó trên đất nước. Họ thường bị coi như những người kém cỏi, hơn là như những con người đang cần được nâng đỡ. Họ chưa được hưởng đầy đủ những phúc lợi xã hội. Văn hoá của nhiều bộ tộc có nguy cơ bị mai một.

Đứng trước thực trạng xã hội kinh tế phức tạp với cả dáng vẻ hỗn độn như thế trên quê hương, Giáo Hội tại Việt Nam biết mình đang đối diện với những thách đố lớn lao, những thách đố mà chúng ta chỉ có thể vượt qua trong niềm xác tín vững vàng rằng “Thiên Chúa của lịch sử hoạt động trong thế giới của nghèo khổ ấy”, ngay cả giữa “những hình thức ngẫu tượng hiện đại (chủ nghĩa tiêu thụ, ích kỷ), và lối sống loại trừ Thiên Chúa (chủ nghĩa duy vật và những hệ tư tưởng vô thần)” (x. Đê Cương 3).

B. HỎI-ĐÁP

1- H. Xã hội Việt Nam tiến triển thuận lợi như thế nào?

T. Xã hội Việt Nam đang có những thuận lợi sau đây:

- Một là đất nước không còn chiến tranh;
- Hai là nền kinh tế đang trên đà phát triển và ngày càng hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế toàn cầu;
- Ba là người dân ngày càng quan tâm hơn đến vấn đề giáo dục, số du học sinh ngày càng gia tăng, góp phần

chuẩn bị cho việc phát triển đất nước trong nhiều lãnh vực.

2- H. Xã hội Việt Nam đang phải đối diện với những thách đố nào?

T. Xã hội Việt Nam hiện nay đang phải đối diện với những thách đố sau đây:

- Một là những tác động tiêu cực của tiến trình toàn cầu hoá kinh tế;
- Hai là hố ngăn cách giữa người giàu và người nghèo ngày càng sâu rộng;
- Ba là sự bùng phát về di dân và các tệ nạn xã hội;
- Bốn là vấn đề ô nhiễm môi trường ngày càng gia tăng;
- Năm là sự yếu kém của hệ thống an sinh xã hội và chăm sóc y tế;
- Sáu là sự lạm dụng nền công nghệ thông tin hiện đại tác hại trên nhiều bộ phận xã hội, nhất là giới trẻ;
- Bảy là tình trạng bị thiệt thòi của những anh chị em dân tộc thiểu số.

3- H. Giáo Hội quan tâm đến tác động tiêu cực của tiến trình toàn cầu hoá kinh tế như thế nào?

T. Giáo Hội quan tâm nhiều hơn đến vấn đề đạo đức và luân lý trong tiến trình toàn cầu hóa kinh tế, chẳng hạn tiến trình này làm phương hại đến người nghèo, nhắm đậy các quốc gia nghèo khổ hơn ra bên lề những tương quan kinh tế và chính trị.

4- H. Giáo Hội quan tâm đến ảnh hưởng của nền công nghệ thông tin hiện đại như thế nào?

T. Giáo Hội Việt Nam quan tâm đến khả năng thay đổi xã hội của nền công nghệ thông tin hiện đại. Các dịch vụ thông tin có thể nêu lên những mẫu sống và phổ biến những giá trị nhân bản và đạo đức nhưng cũng có thể gây ra những xáo trộn và phổ biến những hình thức văn hóa đồi trụy.

5- H. Đứng trước những thuận lợi và khó khăn của xã hội, Giáo Hội Việt Nam có thái độ nào?

T. Giáo Hội Việt Nam không bi quan và thất đảm, nhưng tin rằng đây là bối cảnh trong đó Thiên Chúa là chủ của lịch sử vẫn đang hoạt động để các biến cố của hồng ân cứu độ lại được thực hiện cho dân tộc Việt Nam hôm nay.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Địa phương của bạn đang có những thuận lợi nào về mặt kinh tế và xã hội?
2. Địa phương của bạn đang phải đối diện với những thách đố nào về mặt kinh tế và xã hội?
3. Để có thể vượt qua những thách đố ấy, theo bạn, giáo xứ và từng gia đình cần phải làm gì?

11.2 THỰC TRẠNG VĂN HOÁ

A. TRÌNH BÀY

Tông Huấn Giáo Hội tại Á Châu đã tóm tắt những giá trị văn hoá Á Châu bằng những nét như: “yêu thích thanh lặng và chiêm ngưỡng, sống giản dị, hòa hợp, từ bỏ, bất bạo động, làm

việc chăm chỉ, có kỷ luật, sống thanh đạm, ham học hỏi và truy tầm triết lý” (GHCA 6). Những đặc tính này cũng biểu hiện rõ ràng trong văn hoá Việt Nam, cách riêng về lòng hiếu thảo, tình gia đình, nghĩa đồng bào, tính hiếu hoà ... Nổi bật giữa những nét đặc trưng ấy là giá trị gia đình luôn được đề cao. Quả thế, gia đình chính là chiếc nôi sản sinh những vĩ nhân và các anh hùng dân tộc... là cột trụ chống đỡ cho quê hương đất nước trong những thời kỳ khó khăn ... là nơi chuyển đạt những giá trị nhân bản qua các thế hệ ... là mái ấm yêu thương nơi mọi người đều muốn sống sao cho trên thuận dưới hoà, ở đó, lòng hiếu thảo, tình huynh đệ, nghĩa vợ chồng luôn là những giá trị được trân trọng giữ gìn...

Tuy nhiên, trong xã hội hôm nay, những nét đẹp văn hoá nổi bật đó có nguy cơ bị biến thái do những trào lưu duy vật, hưởng thụ, ích kỷ. Nhiều người trẻ chủ trương sống hưởng thụ bất chấp đạo nghĩa. Một số khác, trong giới thanh thiếu niên cũng như người lớn, dung túng chính mình bằng những quan điểm tương đối về luân lý và đạo đức. Những quan hệ nam nữ trong tuổi học trò, phong trào “sống thử” trước hôn nhân, đang có chiều hướng lan rộng trong giới trẻ. Một số thanh thiếu niên sống buông thả, hư hỏng cũng vì gia đình không còn là tổ ấm, vì chính cha mẹ đã gây nên đổ vỡ, bất trung hoặc ly dị. Lối sửa dạy con cái bằng bạo lực, roi đòn, cũng dẫn tới nhiều hệ lụy đáng tiếc trong cuộc sống gia đình. Mặt khác, vì nhiều lý do khác nhau, một số cha mẹ đã để mặc con cái bỏ học, sống lêu lổng để rồi bị tiêm nhiễm nhiều thói hư tật xấu, làm mờ cho nghiện ngập, ma túy và bao nhiêu điều tội tệ khác. Trong khi đó, nạn phá thai và ly dị không chỉ là mối đe dọa đáng sợ đối với những giá trị về sự sống cũng như hôn nhân, mà còn làm mất đi bao nhiêu nét đẹp truyền thống của cuộc sống gia đình Việt Nam. Ngoài ra, nét son văn hoá “tình cảm gia đình” có thể biến thành một thứ ích kỷ tập thể chỉ biết nghĩ tới gia đình của riêng mình.

Đồng thời, việc đào tạo con người cũng đang làm chúng ta phải ưu tư lo lắng. Những biểu hiện tiêu cực, thiếu trách nhiệm trong lĩnh vực giáo dục đã trở thành những tín hiệu báo động đáng lo ngại cho tiền đồ, tương lai đất nước. Học đường như đang tự đánh mất vai trò của mảnh vườn ươm cung cấp những con người hữu dụng có thể giúp ích thực sự cho xã hội mai ngày. Việc dạy học dường như chỉ tập trung đáp ứng nhu cầu chuyển giao kiến thức khoa học kỹ thuật, hơn là quan tâm cung cấp cho thế hệ trẻ một nền giáo dục toàn diện cả về tri thức và nhân bản, để xây dựng những con người Việt Nam chân chính, có trách nhiệm, nhân ái và trưởng thành trong đạo đức. Có thể nói kế hoạch giáo dục đào tạo chưa được định hướng rõ rệt bởi một triết lý giáo dục nhân bản đích thực. Kết quả là sự tiến bộ về khoa học không đi đôi với sự tiến bộ về luân lý và đạo đức...

Chúng ta lại thấy những vết đen trong xã hội hôm nay như bị tô đậm thêm bởi khuynh hướng đánh giá người khác theo những gì họ sở hữu, như tiền bạc và chức quyền, hơn là theo nhân cách và thực chất con người của họ. Vì thế, những giá trị nhân văn không còn được coi trọng nữa rồi con người cũng dần đánh mất đi những phẩm tính cao đẹp của chính mình (Đề Cương 5).

B. HỎI-ĐÁP

- 1- H. Hội đồng Giám mục tóm tắt những giá trị văn hoá của Việt Nam bằng những nét nào?
- T. Hội đồng Giám mục tóm tắt những giá trị văn hoá của Việt Nam bằng những nét như lòng hiếu thảo, tình gia đình, nghĩa đồng bào, tính hiếu hòa, nổi bật là tinh thần tương thân tương ái và giá trị gia đình.

- 3- H. Tinh thần tương thân tương ái được thể hiện như thế nào trong đời sống dân tộc?
- T. Tinh thần tương thân tương ái được thể hiện qua việc gìn giữ, bảo tồn và phát triển đất nước, qua tình làng nghĩa xóm, nghĩa đồng bào và lòng hiếu khách.
- 4- H. Vì sao giá trị gia đình luôn được đề cao trong văn hoá Việt Nam?
- T. Vì gia đình chính là chiếc nôi sản sinh những vĩ nhân và các anh hùng dân tộc, là cột trụ chống đỡ cho quê hương đất nước trong những thời kỳ khó khăn, là nơi chuyển đạt những giá trị nhân bản qua các thế hệ, và là mái ấm yêu thương nơi mọi người sống trên thuận dưới hòa, vợ chồng chung thủy, ông bà cha mẹ hy sinh cho con cháu, con cháu hiếu thảo vâng lời, anh chị em đùm bọc lẫn nhau.
- 5- H. Trong xã hội hôm nay, những nét đẹp văn hoá ấy đang có nguy cơ bị biến thái như thế nào?
- T. Chúng đang có nguy cơ bị biến thái do những trào lưu duy vật, hưởng thụ và ích kỷ.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Trong các nét đẹp của văn hóa Á Châu hoặc Việt Nam, nét đẹp nào bạn ưa thích nhất? Tại sao?
2. Trong môi trường giáo xứ hoặc khu phố của bạn, những nét đẹp văn hoá nào còn được duy trì, và những nét đẹp văn hoá nào đang có nguy cơ bị biến thái?
3. Theo bạn, giáo xứ cần phải làm gì để giúp các gia đình trở thành mái ấm yêu thương nơi mọi người sống trên thuận dưới hòa, vợ chồng chung thủy, ông bà cha mẹ hy sinh cho con

cháu, con cháu hiểu thảo vâng lời, anh chị em đùm bọc lẫn nhau?

11.3 THỰC TRẠNG TÔN GIÁO

A. TRÌNH BÀY

Không ai có thể phủ nhận người Việt Nam có một cảm thức tôn giáo thật mạnh mẽ. “Ông Trời” là tiếng gọi quen thuộc trong đời sống hằng ngày, nhất là khi gặp khó khăn, đau ốm, bệnh tật. Các tôn giáo quả thực đã ảnh hưởng rất nhiều đến nếp sống đạo đức và luân lý của dân tộc Việt Nam. Các tôn giáo đã nên như những cột trụ nâng đỡ tinh thần dân tộc qua bao thăng trầm xã hội, cũng chính các tôn giáo đã in khắc vào lương tâm của người dân Việt một ý thức bén nhạy về điều thiện điều ác. Lịch sử đã để lại cho ta không biết bao nhiêu bằng chứng về sự đóng góp của các tôn giáo trong việc hình thành và phát triển đất nước. Hơn nữa, ưu điểm của đời sống tôn giáo tại Việt Nam là không có, hay rất hiếm có, những hình thức bạo lực hay cực đoan có thể gây nên những căng thẳng tôn giáo.

Tuy nhiên, cảm thức tôn giáo trong giới bình dân thường thiên về tình cảm, không dễ tâm suy xét, tìm hiểu điều mình tin tưởng, nên dễ dàng chấp nhận cả những hình thái lộn xộn, mập mờ, mê tín và dị đoan trong tôn giáo. Thêm vào đó, chủ trương “đạo tại tâm” cũng là một lý do thường được nại đến để biện minh cho việc không muốn thực hành hay tham dự các nghi lễ tôn giáo. Nào trạng này có khi vẫn còn tồn đọng cách nào đó nơi những tín hữu chưa đủ xác tín về ý nghĩa và giá trị của các bí tích Kitô giáo. Hơn nữa, dân chúng thường hiểu cách đơn giản về các tôn giáo như là những nhân bản thuyết, cốt yếu chỉ

liên quan đến nếp sống luân lý đạo đức. Chính vì thế, rất phổ biến ở Việt Nam quan niệm cho rằng đạo nào cũng tốt như nhau, vì đạo nào cũng dạy ăn ngay ở lành. Nhận thức này có thể gây cản trở trong việc tiếp nhận những mạc khải siêu nhiên trong giáo lý Kitô giáo. Có thể nói, chính cảm thức tôn giáo nặng tính tình cảm và thực tiễn này phần nào làm tan loãng nỗi khát khao truy tìm chân lý. Điều này có thể trở thành bất lợi cho việc đối thoại tôn giáo đúng nghĩa, vì thật ra, càng thực sự khao khát những giá trị tinh thần cách sâu xa, con người càng dễ gặp gỡ để đối thoại. Ngay cả các Kitô hữu, cách riêng các tân tông, cũng có thể vẫn chưa hoàn toàn thoát khỏi những cảm nhận tôn giáo như thế.

Nhìn về các tôn giáo, Giáo Hội luôn xác tín rằng “Thiên Chúa không ở xa, ở trên hay tách khỏi con người, nhưng Ngài ở rất gần, kết hiệp với mọi người và cả nhân loại trong tất cả những trạng huống của đời sống” (GHCA 12). Chắc chắn Thánh Thần Thiên Chúa vẫn âm thầm hoạt động trong các truyền thống tôn giáo và văn hoá và những thăng trầm của lịch sử nhân loại. Chính Thánh Thần làm nảy sinh những lý tưởng sống cao đẹp làm thăng tiến con người. Nhờ sự soi dẫn của Ngài, các tôn giáo, các nền văn hoá và triết lý có thể giúp con người, cá nhân cũng như tập thể, trong nỗ lực chống lại sự dữ để phục vụ sự sống và mọi điều tốt lành. Vì vậy, Giáo Hội luôn tôn trọng và tìm cách đối thoại với các tôn giáo, vì biết rằng những giá trị tâm linh nơi những truyền thống tốt đẹp ấy sẽ được tiếp nhận và kiện toàn trong chân lý mạc khải của Đức Giêsu Kitô (Đề Cương 4).

B. HỎI-ĐÁP

1- H. Người Việt Nam có một cảm thức tôn giáo như thế nào?

T. Người Việt Nam có một cảm thức tôn giáo thật mạnh mẽ. “Ông Trời” là tiếng gọi quen thuộc trong đời sống hằng ngày, nhất là khi gặp khó khăn, đau ốm và bệnh tật.

2- H. Các tôn giáo đã đóng góp những gì cho dân tộc và xã hội Việt Nam?

T. Các tôn giáo đã ảnh hưởng đến nếp sống đạo đức và luân lý của dân tộc Việt Nam, đã nên như vai trò cột trụ nâng đỡ tinh thần dân tộc qua những thăng trầm xã hội, đã giúp cho lương tâm người dân Việt thêm bén nhạy về điều thiện điều ác, và có những đóng góp đáng kể trong việc hình thành và phát triển đất nước.

3- H. Cảm thức tôn giáo của người Việt thường có những hạn chế nào?

T. Cảm thức tôn giáo của người Việt thường có những hạn chế này:

- Một là thiên về tình cảm, ít tìm hiểu điều mình tin tưởng, nên dễ dàng chấp nhận cả những hình thái mê tín dị đoan;
- Hai là chủ trương “Đạo tại tâm” để biện minh cho việc không muốn thực hành hay tham dự các nghi lễ tôn giáo;
- Ba là chủ trương “Đạo nào cũng tốt như nhau” do hiểu tôn giáo cốt yếu chỉ liên quan đến nếp sống luân lý đạo đức.

4- H. Giáo Hội nhận định về các tôn giáo như thế nào?

T. Giáo Hội luôn xác tín rằng Chúa Thánh Thần vẫn âm thầm hoạt động trong các truyền thống tôn giáo. Chính Ngài làm nảy sinh những lý tưởng sống cao đẹp giúp

thăng tiến con người. Nhờ sự soi dẫn của Ngài, các tôn giáo có thể giúp con người nỗ lực chống lại sự dữ để phục vụ sự sống và mọi điều tốt lành.

5- H. Giáo Hội có thái độ như thế nào đối với các tôn giáo?

T. Giáo Hội luôn tôn trọng và tìm cách đối thoại với các tôn giáo vì biết rằng những giá trị tâm linh nơi những truyền thống tốt đẹp ấy sẽ được tiếp nhận và kiện toàn trong chân lý mặc khải của Đức Giêsu Kitô.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Bạn nghĩ thế nào về những đóng góp của các tôn giáo cho dân tộc và xã hội Việt Nam? Liệu có thể phát triển đất nước mà không cần đến tôn giáo không?
2. Bạn nghĩ thế nào về những hạn chế trong cảm thức tôn giáo cũng như trong cách sống đạo của người Việt? Chúng ta cần làm gì để khắc phục?
3. Dẫn chứng để minh họa cho chân lý “Thánh Thần vẫn âm thầm hoạt động trong các truyền thống tôn giáo và làm nảy sinh những lý tưởng sống cao đẹp giúp thăng tiến con người.”

ĐỀ TÀI 12: GIÁO HỘI VIỆT NAM QUAN TÂM ĐẾN GIÁO DỤC

A. TRÌNH BÀY

Dù hiện nay Giáo Hội Việt Nam vẫn chưa thể đóng góp tích cực hơn vào việc giáo dục học đường, thì cản trở đó không thể làm cho Giáo Hội lãng quên căn tính của mình là giáo dục

con người. Thật thế, giáo dục tiên quyết và tối hậu không phải là trao ban kiến thức khoa học hay kỹ thuật, cũng không phải là đào tạo những người thợ cho nền công nghiệp mới. Trước hết và trên hết, giáo dục làm cho một người trở nên người hơn, biết luôn khao khát chân lý và tự do ôm ấp sự thiện cũng như sẵn sàng mở rộng trước mẫu nhiệm cứu độ và đời sống Giáo Hội. Giáo dục Kitô hữu bao gồm giáo dục ở bình diện văn hoá (phúc âm hoá văn hoá) và ở bình diện đức tin (giáo dục đức tin). Tin Mừng không chỉ có tính cách thông tin, song cốt yếu có năng lực biến đổi và làm cho con người nên người hơn ... Vì thế, phải thực thi “giáo dục bằng phúc âm hoá và phúc âm hoá bằng giáo dục”. Chúng ta phải cho thấy là người Kitô hữu tốt lành không hề nghịch lại với việc là người công dân ngay chính và lương thiện.

Theo ánh sáng này, Giáo Hội tại Việt Nam nhất thiết phải tập trung nỗ lực vào việc giáo dục lương tâm. Chính việc giáo dục lương tâm cho tinh tế sẽ phải là trách nhiệm hàng đầu của Giáo Hội, dù chưa được cộng tác tích cực vào việc giáo dục học đường. Nhờ một lương tâm chân chính, là đền thờ của Thiên Chúa và ở đó tiếng Chúa luôn vang lên, con người có thể vượt lên những cám dỗ duy vật, khoái lạc và hưởng thụ, và tích cực góp phần xây dựng sự phát triển vững bền của đất nước...

Cha mẹ là những nhà giáo dục đầu tiên và không thể thay thế trong việc giáo dục con cái ... Các linh mục, tu sĩ nam nữ có tầm ảnh hưởng quan trọng trên các thanh thiếu niên đang hình thành nhân cách ở lứa tuổi có nhiều tiềm năng nhưng cũng thật bông bột, mỏng giòn ... Các giáo viên công giáo, các giáo lý viên, các huynh trưởng cũng đóng góp phần tích cực của mình trong việc đào tạo quan trọng và cốt yếu này cho tương lai sáng đẹp của quê hương đất nước...

Giáo Hội Việt Nam hiểu rõ môi trường và khung cảnh giáo dục cũng quan trọng không kém. Môi trường lành mạnh của gia đình và xứ đạo sẽ giúp ích rất nhiều cho việc giáo dục thanh thiếu niên ... Nhiều người con ưu tú của đất nước cũng như của Giáo Hội Việt Nam đã xuất thân từ những môi trường tốt lành như thế. Một cách cụ thể, giáo xứ cần giúp cho các hội đoàn và các nhóm nhỏ trở thành môi trường hữu ích hơn nữa trong việc sống đạo bằng chia sẻ lời Chúa và cầu nguyện. Cần khuyến khích các hội đoàn không chỉ tụ họp cầu nguyện song còn nâng đỡ nhau trong hoạt động tông đồ và bác ái, làm cho môi trường sinh sống nên tốt đẹp hơn. Gia đình và các hội đoàn trong giáo xứ phải cộng tác với nhau hơn nữa để tạo nên những môi trường học tập lành mạnh cả về văn hoá lẫn các nhân đức. Nhờ đó, các thanh thiếu niên có thể gặp được những nhóm bạn tốt và giúp nhau nên tốt hơn, vì “gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”.

Giáo Hội Việt Nam cần đẩy mạnh hơn nữa việc đào tạo anh chị em giáo dân. Giáo Hội Việt Nam cần những giáo dân nhiệt tình dành cho Đức Kitô và Giáo Hội Ngài, vì có những nơi chốn và lãnh vực mà chỉ anh chị em giáo dân mới có thể có mặt và hoạt động, và chỉ nhờ họ Giáo Hội mới hiện diện được mà thôi. Giáo Hội Việt Nam cần làm cho chỗ đứng của giáo dân được đề cao hơn nữa như Tông huấn *Kitô hữu Giáo dân* mong đợi. Chính các Giám mục Việt Nam cũng đã nhận ra nhu cầu khẩn thiết này: “Có một sự mâu thuẫn nội tại nào đó trong chính công việc loan báo Tin Mừng. Một đàn戈 Giáo Hội dường như tăng trưởng nhanh... Trong khi đó, các tác nhân rao giảng Tin Mừng lại có một trình độ rất giới hạn trong hiểu biết về tín lý, một kết quả còn rất nhiều thiếu sót của việc học tập giáo lý... Vì thế, Giáo Hội Việt Nam cần đẩy mạnh việc đào tạo thần học và giáo lý cho giáo dân cũng như quan tâm hơn nữa đến việc đào tạo giáo lý viên qua các trung tâm mục vụ của các giáo phận (Đề Cương 35-38).

B. HỎI-ĐÁP

1- H. Vì sao Giáo Hội Việt Nam quan tâm cách riêng đến giáo dục?

T. Giáo Hội Việt Nam quan tâm cách riêng đến giáo dục vì giáo dục hôm nay liên quan đến tương lai của Giáo Hội và Tổ Quốc. Giáo dục không những giúp cho Tin Mừng được lan rộng và thấm sâu vào lòng người, mà còn là cánh cửa mở ra sự hưng thịnh của đất nước.

2- H. Giáo Hội Việt Nam quan niệm thế nào về giáo dục?

T. Giáo dục trước hết và trên hết không phải là trao ban kiến thức khoa học hay kỹ thuật, cũng không phải là đào tạo những người thợ cho nền công nghiệp mới, nhưng là nỗ lực giúp con người trở nên người hơn, biết khao khát và tìm kiếm những điều chân thiện mỹ, sẵn sàng mở rộng tâm hồn đón nhận ơn cứu độ.

3- H. Những ai trong Giáo Hội có trách nhiệm giáo dục người trẻ?

T. Trước hết là cha mẹ, những nhà giáo dục đầu tiên và không thể thay thế trong việc giáo dục con cái; kế đến là các linh mục và tu sĩ, những nhà giáo dục có ảnh hưởng quan trọng trong việc huấn luyện nhân cách cho thanh thiếu niên; cuối cùng là các giáo viên công giáo, các giáo lý viên và huynh trưởng, những người góp phần tích cực trong việc đào tạo quan trọng và cốt yếu này cho tương lai của Giáo Hội và Tổ Quốc.

4- H. Gia đình và giáo xứ phải làm gì để trở nên những môi trường giáo dục lành mạnh về văn hoá và đức tin cho người trẻ?

T. Gia đình phải sống trong sự hiện diện của Thiên Chúa, yêu thương, tha thứ, phục vụ nhau và trung thành với truyền thống cầu nguyện chung mỗi ngày. Còn giáo xứ phải giúp nhau sống đạo bằng chia sẻ lời Chúa và cầu nguyện, nâng đỡ nhau trong hoạt động tông đồ và bác ái.

5- H. Vì sao Giáo Hội Việt Nam cần đẩy mạnh hơn nữa việc đào tạo anh chị em giáo dân?

T. Giáo Hội Việt Nam cần đẩy mạnh hơn nữa việc đào tạo anh chị em giáo dân, vì có những nơi chôn và lãnh vực mà chỉ anh chị em giáo dân mới có thể có mặt và hoạt động, và chỉ nhờ họ, Giáo Hội mới hiện diện được mà thôi.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Giáo xứ của bạn đánh giá ra sao về trình độ văn hoá của các thành viên và có phương sách nào để tăng triển giáo dục cho các thành viên?
2. Giáo xứ của bạn gặp trở ngại nào trong việc huấn luyện lương tâm cho các thành viên hoặc có thể chia sẻ và đóng góp gì cho vấn đề này?
3. Giáo xứ của bạn cần phải làm gì để có thể trở nên môi trường giáo dục lành mạnh cho giới trẻ về đức tin?

12.1 GIÁO HỘI VIỆT NAM QUAN TÂM ĐẾN ĐỜI SỐNG GIA ĐÌNH

A. TRÌNH BÀY

Đời sống gia đình tại Việt Nam đang trải qua nhiều biến đổi. Mô hình truyền thống về gia đình đang lỏng lẻo dần. Mối tương quan giữa cha mẹ và con cái có nguy cơ rạn nứt; sự chung thủy trong hôn nhân bị đe dọa; số ly dị đang lớn dần cũng như nạn phá thai đang đến mức báo động ngay giữa các Kitô hữu; trào lưu sống thử cũng đã có mặt giữa các bạn trẻ Công giáo.

Trước những tiêu cực đó, cần nhấn mạnh rằng hôn nhân là một ơn gọi và các Kitô hữu trong bậc sống ấy hoàn toàn có thể đạt tới sự thánh thiện cao độ của đức ái trọn lành. Giáo Hội vẫn minh định gia đình là Giáo Hội tại gia và là nền tảng của Giáo Hội và xã hội. Hơn nữa, gia đình còn là chiếc nôi và trường dạy sự hiệp thông.

Vì thế, Giáo Hội Việt Nam mong muốn các chủ chăn giúp các gia đình trẻ bằng một nền giáo lý tiền hôn nhân vững chắc và hợp thời cũng như vận dụng các sáng kiến cho mục vụ hậu hôn nhân. Nhờ đó, các gia đình trẻ có thể vượt thắng các khó khăn và trở nên chói sáng nhờ chứng từ đức ái và sự chung thủy. Tuy nhiên, vì đời sống gia đình là một ơn gọi, nên gia đình sẽ không thể canh tân được nếu không dựa trên cầu nguyện, vì “không có Thầy, các con chẳng làm được gì” (Ga 15, 5) – (Đề Cương 39).

B. HỎI-ĐÁP

1- H. Gia đình liên kết với Giáo Hội sâu xa như thế nào?

T. Gia đình là một Giáo Hội tại gia, là hình ảnh sống động và là biểu hiệu lịch sử của chính mầu nhiệm Giáo Hội. Chính Giáo Hội sinh ra, giáo dục và xây dựng gia đình Kitô hữu, cũng như cho gia đình được dự phần vào sứ mạng cứu rỗi đặc biệt của Giáo Hội theo cách riêng của mình.

2- H. Đời sống gia đình tại Việt Nam đang phải đối diện với những vấn đề nào?

T. Đời sống gia đình tại Việt Nam đang trải qua nhiều biến đổi. Mô hình truyền thống về gia đình đang lỏng lẻo dần. Mối tương quan giữa cha mẹ và con cái có nguy cơ rạn nứt, sự chung thủy trong hôn nhân bị đe dọa, số ly dị đang lớn dần cũng như nạn phá thai đang đến mức báo động ngay giữa các Kitô hữu, trào lưu sống thử cũng đã có mặt giữa các bạn trẻ Công giáo.

3- H. Trước những tiêu cực trong đời sống gia đình, Giáo Hội Việt Nam minh định thế nào về hôn nhân và gia đình?

T. Trước những tiêu cực trong đời sống gia đình, Giáo Hội Việt Nam minh định hôn nhân là một ơn gọi và những người sống trong bậc hôn nhân đều được mời gọi đạt tới sự thánh thiện cao độ của đức ái trọn lành; còn gia đình là nền tảng của Giáo Hội và xã hội, là chiếc nôi và trường dạy sự hiệp thông.

4- H. Giáo Hội Việt Nam mong muốn các vị chủ chăn làm gì để nâng đỡ các gia đình trẻ sống ơn gọi của họ?

T. Giáo Hội Việt Nam mong muốn các vị chủ chăn giúp các gia đình trẻ có được một nền giáo lý tiền hôn nhân vững chắc và hợp thời, cũng như vận dụng các sáng kiến cho mục vụ hậu hôn nhân. Nhờ đó, các gia đình trẻ có thể

vượt thắng các khó khăn và trở nên chói sáng nhờ chứng từ đức ái và sự chung thủy.

5- H. Vì là ơn gọi nên gia đình còn phải làm gì để có thể canh tân đời sống của mình?

T. Gia đình còn phải cầu nguyện, vì Chúa Giêsu đã nói: “Không có Thầy, các con chẳng làm được gì” (Ga 15,5).

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Gia đình của bạn hiện nay phải đối diện với những vấn đề gì? Theo bạn, cần phải giải quyết theo hướng nào?
2. Giáo xứ của bạn chuẩn bị những gì và chuẩn bị như thế nào cho các bạn trẻ bước vào đời sống hôn nhân và gia đình?
3. Theo bạn, các gia đình trẻ mong muốn giáo xứ có những hình thức nào để nâng đỡ họ vượt thắng các khó khăn và sống sâu xa hơn ơn gọi của mình?

12.2 GIÁO HỘI VIỆT NAM QUAN TÂM ĐẾN HOẠT ĐỘNG BÁC ÁI VÀ DẪN THÂN XÃ HỘI

A. TRÌNH BÀY

Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI xác quyết thật rõ ràng hoạt động bác ái là trách vụ thiết yếu của Giáo Hội. Giáo Hội đang đồng hành với một thế giới còn đầy đau thương. Ngài cho thấy tầm quan trọng của việc thực hành đức ái của Giáo Hội: “Trải qua năm tháng, với sự tăng trưởng dần dần của Giáo Hội, việc thực thi bác ái được xác nhận như một lĩnh vực căn bản cùng với việc ban phát các bí tích và việc rao giảng Lời

Chúa: việc thực thi bác ái đối với các quả phụ và trẻ mồ côi, với các tù nhân, bệnh nhân và người túng thiếu dưới mọi hình thức, thuộc về bản chất của Giáo Hội cũng y như việc phục vụ bí tích và rao giảng Tin Mừng. Giáo Hội không thể chệnh mảng trong việc thực thi bác ái cũng như không thể chệnh mảng với bí tích và Lời Chúa” (Thông điệp *Thiên Chúa là Tình yêu*, 22).

Trong dòng lịch sử dân tộc, Giáo Hội Việt Nam bằng nhiều cách trong những thời gian khác nhau đã góp phần tích cực vào việc chăm sóc, an ủi những kẻ bất hạnh nhất, bị bỏ rơi và bị gạt ra bên lề xã hội. Dù vậy, Giáo Hội tại Việt Nam vẫn còn nhiều điều để làm trong lãnh vực này. Chúng ta cần suy nghĩ để các hoạt động bác ái này không còn mang tính chất riêng lẻ và của từng cá nhân hay từng giáo phận, nhưng được điều hành chung trong toàn thể Giáo Hội Việt Nam. Nhất là, chúng ta cần suy nghĩ để làm sao bác ái, vốn là một nhiệm vụ không thể bỏ qua của Giáo Hội, được thực thi với tấm lòng của Thiên Chúa, với tình yêu mỗi ngày một ân cần hơn, vì người nghèo cần được yêu thương trước cả khi cần một nhu cầu vật chất. Ta có thể nói nếu Giáo Hội là cộng đoàn bác ái, thì hoạt động bác ái là một việc phục vụ thiêng liêng, chứ không chỉ là công việc thuần túy kỹ thuật là phân phát vật chất.

Dẫu có một lòng đạo mạnh mẽ, các tín hữu Việt Nam vẫn còn yếu kém trong ý thức xã hội. Ý thức phục vụ công ích, tôn trọng luật lệ chung, cổ xúy nếp sống văn minh, gìn giữ môi trường còn nhiều hạn chế. Chiêu kích cộng đoàn và xã hội của đức tin cũng chưa được nổi bật nơi các tín hữu Việt Nam. Chính vì thế, định hướng của Hiến chế Vui Mừng và Hy Vọng phải soi sáng Giáo Hội Việt Nam về việc phục vụ công ích, dân thân xã hội. Giáo Hội Việt Nam cần làm sao để mọi thành phần dân Chúa đều biết học thuyết của Giáo Hội Công giáo về xã

hội. Đó sẽ là chỉ nam cho các môn đệ Đức Kitô trong xã hội hôm nay cũng như mai ngày.

Giáo Hội Việt Nam chắc chắn không làm chính trị đảng phái, cũng không áp đặt quan điểm của mình trên những ai không muốn tiếp nhận đức tin. Nhưng Giáo Hội cũng không đứng bên lề xã hội và không thể làm ngơ trước những vấn đề của đất nước; trái lại Giáo Hội có bổn phận làm cho các tín hữu ý thức mạnh mẽ về chiều kích xã hội và chính trị của đức tin Kitô hữu, cũng như giúp họ chọn thái độ sống đúng đắn đối với xã hội. Vì vậy, các tín hữu phải có khả năng sống theo sự thật, bình thản và xác tín trả lời cho những ai chất vấn về đức tin và niềm hy vọng của mình. Họ phải cổ xúy tinh thần cộng tác với những ai thiện chí, bất kể tôn giáo, quan điểm, để lo cho công ích (Đề Cương 40.41).

B. HỎI-ĐÁP

- 1- H. Theo Đức Thánh Cha Bênêdictô XVI, hoạt động bác ái của Giáo Hội có một tầm quan trọng như thế nào?
T. Theo Đức Thánh Cha Bênêdictô XVI, việc thực thi bác ái thuộc về bản chất của Giáo Hội y như việc phục vụ bí tích và rao giảng Tin Mừng.
- 2- H. Trong lãnh vực hoạt động bác ái, Giáo Hội Việt Nam cần canh tân những gì?
T. Trong lãnh vực hoạt động bác ái, Giáo Hội Việt Nam phải làm thế nào để các hoạt động bác ái không còn mang tính chất riêng lẻ của từng cá nhân hay từng giáo phận nhưng của toàn thể Giáo Hội, không chỉ là hoạt động xã hội nhưng còn là nghĩa vụ yêu thương cần được thực thi với tấm lòng của Thiên Chúa, không chỉ là việc

phân phát vật chất nhưng còn là việc phục vụ thiêng liêng.

3- H. Trong lãnh vực dân thân xã hội, Giáo Hội Việt Nam cần canh tân những gì?

T. Trong lãnh vực dân thân xã hội, Giáo Hội Việt Nam phải nâng cao ý thức xã hội nơi các tín hữu bằng cách giúp họ hiểu học thuyết của Giáo Hội Công giáo về xã hội.

4- H. Trong lãnh vực dân thân chính trị, Giáo Hội Việt Nam có lập trường như thế nào?

T. Giáo Hội Việt Nam không làm chính trị đảng phái, cũng không áp đặt quan điểm của mình trên những ai không muốn tiếp nhận đức tin. Nhưng Giáo Hội cũng không đứng bên lề xã hội và không làm ngơ trước những vấn đề của đất nước; trái lại Giáo Hội có bổn phận giúp các tín hữu ý thức mạnh mẽ về chiều kích xã hội và chính trị của đức tin Kitô giáo, cũng như giúp họ chọn thái độ sống đúng đắn đối với xã hội.

5- H. Để dân thân xã hội, các tín hữu phải có những khả năng nào?

T. Để dân thân xã hội, các tín hữu phải có khả năng sống theo sự thật, bình thản và xác tín trả lời cho những ai chất vấn về đức tin và niềm hy vọng của mình, đồng thời cổ xúy tinh thần cộng tác với những ai thiện chí, bất kể tôn giáo, quan điểm, để lo cho công ích.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Giáo xứ của bạn tham gia vào các hoạt động bác ái và xã hội như thế nào? Việc tham gia đó tác động thế nào trên đời sống đức tin của cá nhân người Kitô hữu cũng như của cộng đoàn?

2. Giáo xứ của bạn đánh giá như thế nào về ý thức xã hội của các thành viên? Các thành viên của giáo xứ có tích cực mưu cầu công ích không? Giáo xứ có phương sách nào để giúp họ tăng trưởng ý thức về xã hội, về công lý và hoà bình?
3. Để dân thân xã hội, các tín hữu phải có khả năng sống theo sự thật và trả lời cho những ai chất vấn về đức tin và niềm hy vọng của mình, đồng thời cổ xúy tinh thần cộng tác với những ai thiện chí, bất kể tôn giáo, quan điểm, để lo cho công ích. Để trang bị cho mình khả năng này, theo bạn, người Kitô hữu phải làm gì?

12.3 GIÁO HỘI VIỆT NAM QUAN TÂM ĐẾN TRUYỀN THÔNG XÃ HỘI VÀ DI DÂN

A. TRÌNH BÀY

Do những điều kiện khách quan và chủ quan, lãnh vực truyền thông còn khá mới mẻ đối với Giáo Hội Việt Nam. Dù thế, chúng ta cần đặc biệt quan tâm vì một đảng các phương tiện truyền thông hiện đại có thể góp phần không nhỏ cho việc loan báo Tin Mừng, phổ biến những mẫu sống tốt lành, có tầm mức giáo dục đại chúng cao. Đảng khác, nhiều lạm dụng và những khai thác vô luân đã để lại nhiều tác hại trên tâm hồn nhiều người, cách riêng là giới trẻ.

Giáo Hội Việt Nam thấy cần phải có chương trình giáo dục dành cho giới trẻ để có thể sử dụng cách hữu hiệu các phương tiện truyền thông tân tiến để phát triển thành người hơn; cần khuyến khích những ai chuyên môn sử dụng những tiến bộ trong truyền thông để loan báo Tin Mừng và nâng cao

nền luân lý; cần phối hợp các nỗ lực trong lãnh vực này của giáo dân, các dòng tu và giáo phận.

Ngoài lãnh vực truyền thông, Giáo Hội Việt Nam còn quan tâm các riêng đến di dân. Làn sóng di dân tại Việt Nam, trong nước cũng như ngoài nước, đang làm thay đổi bộ mặt đất nước, tại cả nơi đi lẫn nơi đến.

Một đảng chính những biến động xã hội đã tạo nên làn sóng di dân từ nông thôn lên thành thị hoặc đi lao động tại nước ngoài; đảng khác, tình trạng di dân lại tạo nên nhiều phức tạp về môi trường, xã hội, văn hoá. Dù thế nào chăng nữa, trong tiến trình hội nhập, anh chị em di dân luôn chịu nhiều áp lực về tâm lý, tình cảm, kinh tế, xã hội và cả trong đời sống luân lý đức tin. Họ thật sự cần đến tình thương hiền mẫu của Giáo Hội. Để làm dịu đi những cơ cực của họ và để giúp họ sớm hội nhập vào xã hội cũng như cộng đoàn Giáo Hội địa phương, Hội đồng Giám mục Việt Nam nên đi đến sự thống nhất về một số nguyên tắc và tiêu chuẩn trong phương sách mục vụ, nhất là mục vụ hôn nhân và dự tòng. Đồng thời các Giáo Hội địa phương tiếp nhận anh chị em di dân cũng cần đề ra một kế hoạch để hội nhập họ vào trong sinh hoạt đức tin. Nhờ đó, họ cảm nghiệm thật sự Giáo Hội là mẫu nhiệm hiệp thông, là mẹ hiền nâng đỡ, yêu thương và là vị thầy hướng dẫn khôn ngoan.

Đảng khác, lịch sử làm chứng rằng việc di dân cũng mang theo nhiều cơ hội cho việc loan báo Tin Mừng. Được chuẩn bị cách thích đáng, chính anh chị em di dân trở thành những nhà truyền giáo tại nơi họ đến và làm cho cộng đoàn Giáo Hội đón tiếp có khuôn mặt mới mẻ hơn. Vì thế, chăm sóc mục vụ cho anh chị em di dân là trách vụ gắn liền với sứ mạng truyền giáo, và cần được lưu tâm đặc biệt trong bối cảnh ngày nay (Đề Cương 42.43).

B. HỎI-ĐÁP

1- H. Vì sao Giáo Hội tại Việt Nam quan tâm cách riêng đến truyền thông xã hội?

T. Giáo Hội tại Việt Nam quan tâm cách riêng đến truyền thông xã hội vì một đàng các phương tiện truyền thông có thể góp phần lớn lao cho việc loan báo Tin Mừng, phổ biến những mẫu gương tốt lành, có tầm mức giáo dục đại chúng cao; nhưng đàng khác, nhiều lạm dụng và khai thác vô luân đã tác hại sâu xa trên tâm hồn nhiều người, cách riêng là giới trẻ.

2- H. Giáo Hội Việt Nam cần phải làm gì trong vấn đề truyền thông xã hội?

T. Giáo Hội Việt Nam phải có chương trình giáo dục về mục vụ truyền thông cho các tín hữu, cách riêng là giới trẻ; đồng thời khuyến khích những người thành thạo truyền thông dùng phương tiện truyền thông mà loan báo Tin Mừng.

3- H. Làn sóng di dân tại Việt Nam tạo ra những khó khăn và đem lại những thuận lợi nào?

T. Làn sóng di dân tại Việt Nam làm thay đổi bộ mặt đất nước, tại cả nơi đi lẫn nơi đến, và tạo nên nhiều phức tạp về môi trường, xã hội cũng như văn hóa, nhưng cũng mang theo nhiều cơ hội cho việc loan báo Tin Mừng.

4- H. Anh chị em di dân thường gặp những khó khăn nào?

T. Anh chị em di dân luôn chịu nhiều áp lực về tâm lý, tình cảm, kinh tế, xã hội và cả trong đời sống luân lý đức tin.

5- H. Hội đồng Giám mục Việt Nam cần có phương sách nào để giúp anh chị em di dân hội nhập vào xã hội cũng như vào cộng đoàn Giáo Hội địa phương?

T. Hội đồng Giám mục Việt Nam cần thống nhất về một số nguyên tắc và tiêu chuẩn trong phương sách mục vụ, nhất là mục vụ hôn nhân và dự tòng, đồng thời có kế hoạch cụ thể giúp anh chị em di dân hội nhập vào xã hội cũng như vào cộng đoàn Giáo Hội địa phương.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Giáo xứ của bạn nghĩ gì về ảnh hưởng của các phương tiện truyền thông tân tiến trên đời sống của các thành viên? Giáo xứ có kinh nghiệm gì về việc sử dụng các phương tiện truyền thông trong công việc loan báo Tin Mừng và truyền bá những mẫu sống tốt lành?
2. Theo bạn, làm thế nào để giúp giới trẻ biết sử dụng các phương tiện truyền thông tân tiến một cách lành mạnh và đem lại nhiều ích lợi cho bản thân?
3. Mục vụ di dân có phải là vấn đề lớn trong giáo xứ của bạn không? Nếu có, thì giáo xứ đã làm gì để nâng đỡ và giúp anh chị em di dân hội nhập vào cộng đoàn cũng như vào xã hội địa phương?

PHẦN KẾT

TIẾN BƯỚC TRONG HY VỌNG

Cùng với Các Thánh Tử Đạo Việt Nam, Giáo Hội Việt Nam chiêm ngắm và học với Đức Maria những bài học căn bản cho hành trình ơn gọi và sứ mạng như học biết xin vâng và cảm tạ, liên đới và hiệp thông, chia sẻ hồng ân đức tin và nhiệt tâm loan báo Đức Kitô để không ngừng tín thác vào quyền năng của Thiên Chúa và tiến bước trong niềm trông cậy vững vàng hướng về trời cao.

CÙNG VỚI CÁC THÁNH TỬ ĐẠO TẠI VIỆT NAM, GIÁO HỘI NHÌN LÊN ĐỨC MARIA

A. TRÌNH BÀY

Các Thánh Tử đạo tại Việt Nam đã không ngừng chiêm ngắm Mẹ Maria và học từ nơi Mẹ những bài học căn bản cho hành trình ơn gọi và sứ mạng người Kitô hữu. Theo gương Mẹ Maria, các ngài đã đáp trả tình yêu Thiên Chúa bằng tiếng “xin vâng” của đức tin, một niềm tin đơn sơ tín thác được thể hiện trong những bồn phận nhỏ bé hằng ngày, nhưng cũng là một niềm tin thật mãnh liệt đến độ thúc đẩy các ngài sẵn sàng hiệp thông với mẫu nhiệm Thánh giá qua những khổ đau, bắt bớ, tù đày và kể cả phải hiến dâng mạng sống. Chính vì thế, các ngài đã trở nên những chứng nhân sáng ngời của niềm hi vọng Kitô

giáo, và máu các ngài đổ ra đã trở nên hạt giống làm nảy sinh mùa lúa phong phú trên quê hương thân yêu này.

Cùng với các ngài, Giáo Hội tại Việt Nam tin tưởng vào tấm lòng từ mẫu dịu hiền của Mẹ La Vang. Chúng ta phó dâng cho Mẹ tất cả những dự định và đường hướng được đề ra trong Năm Thánh vì hạnh phúc tròn đầy của con dân Nước Việt. Có Mẹ nâng đỡ, chúng ta tin tưởng đáp trả tiếng Chúa mời gọi. Nhờ Mẹ dẫn dắt, chúng ta chắc chắn đến được với Chúa Kitô. Có Mẹ cùng đi, chúng ta đem Chúa đến cho mọi người.

Trong thời điểm ân sủng này, giữa bao thách đố, cùng với Thánh Thần, Giáo Hội tại Việt Nam, với cõi lòng hoán cải và niềm khao khát đi tới sự thánh thiện của Tin Mừng, thốt lên lời khẩn xin: Maranatha, Lạy Chúa Giêsu, xin ngự đến! (Đề Cương 44).

B. HỎI-ĐÁP

1- H. Các Thánh Tử đạo tại Việt Nam chiêm ngắm và học được những gì từ nơi Mẹ Maria?

T. Các Thánh Tử đạo tại Việt Nam đã không ngừng chiêm ngắm Mẹ Maria và học từ nơi Mẹ những bài học căn bản cho hành trình ơn gọi và sứ mạng người Kitô hữu.

2- H. Theo gương Mẹ Maria, các Thánh Tử đạo tại Việt Nam đã sống ơn gọi và sứ mạng Kitô hữu của mình như thế nào?

T. Các Thánh Tử đạo tại Việt Nam đã đáp trả tình yêu Thiên Chúa bằng tiếng “xin vâng” của đức tin, một niềm tin đơn sơ tín thác được thể hiện trong những bồn phận nhỏ bé hằng ngày, nhưng cũng là một niềm tin thật mãnh liệt đến độ sẵn sàng hiệp thông với máu nhiệm Thánh giá qua

những khổ đau, bất bớ, tù đày, kẻ cả phải hiến dâng mạng sống.

3- H. Giáo Hội Việt Nam chiêm ngắm và học được những gì từ nơi Mẹ Maria?

T. Giáo Hội Việt Nam chiêm ngắm và học được từ nơi Mẹ Maria bài học xin vâng và cảm tạ, liên đới và hiệp thông, chia sẻ hồng ân đức tin và loan báo Đức Kitô, để không ngừng tiến bước trong tin yêu và hy vọng.

4- H. Trong thời điểm ân sủng này, Giáo Hội Việt Nam muốn dâng lên Mẹ La Vang tâm tình gì?

T. Giáo Hội Việt Nam tin tưởng vào tấm lòng từ mẫu dịu hiền của Mẹ La Vang, đồng thời muốn phó dâng cho Mẹ tất cả những dự định và đường hướng được đề ra trong Năm Thánh này.

5- H. Nhờ Mẹ nâng đỡ và dẫn dắt, chúng ta tin tưởng và hy vọng những gì?

T. Nhờ Mẹ nâng đỡ, chúng ta tin tưởng đáp trả tiếng Chúa mời gọi. Nhờ Mẹ dẫn dắt, chúng ta đến với Chúa Kitô và đem Chúa đến cho mọi người.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Bạn hãy thuật lại tấm gương yêu mến và dõi bước theo Mẹ Maria của một trong các Thánh Tử đạo tại Việt Nam mà bạn biết.
2. Bạn hãy chọn một tấm ảnh hay một bài thánh ca về Đức Maria mà bạn yêu thích và chia sẻ tâm tình của bạn dành cho Mẹ.
3. Trong thời điểm ân sủng của Năm Thánh, bạn hiệp thông với

Giáo Hội Việt Nam trong những tâm tình và ước nguyện nào?

HỌC VỚI MẸ MARIA BÀI HỌC XIN VÂNG VÀ CẢM Ạ

A. TRÌNH BÀY

Giáo Hội Việt Nam nhìn lên Đức Nữ Trinh để thấy được khuôn mẫu và lối đường cho mình tiến bước. Trên hết mọi bài học, với lời “Xin Vâng” tuyệt vời, Mẹ dạy cho Giáo Hội Việt Nam biết để cho thánh ý Thiên Chúa được thể hiện trong mọi sự, phải luôn kết hợp với tình yêu Thiên Chúa trong niềm tri ân, để cho linh hồn nhảy mừng trong Chúa là Đấng Cứu độ, Đấng đã làm bao điều trọng đại vì yêu thương dân tộc Việt Nam này.

Khi ghi nhớ để suy đi nghĩ lại trong lòng những gì Thiên Chúa đã thực hiện trong tình yêu dành cho loài người, Mẹ dạy cho Giáo Hội Việt Nam phải hiểu mẫu nhiệm không bằng suy luận nhưng bằng cảm nghiệm của cả con người. Dưới chân Thánh Giá, Mẹ dẫn đưa Giáo Hội Việt Nam vào đến tận thẳm cung của mẫu nhiệm Tình yêu Thiên Chúa, Tình yêu đã khai sinh Giáo Hội từ cạnh sườn Đấng chịu đóng đinh (Đề Cương 44).

B. HỎI-ĐÁP

- 1- H. Trong thời điểm ân sủng này, Giáo Hội Việt Nam nhìn lên Đức Trinh Nữ Maria để làm gì?

- T. Trong thời điểm ân sủng này, Giáo Hội Việt Nam nhìn lên Đức Trinh Nữ Maria để thấy được khuôn mẫu và lối đường cho mình tiến bước.
- 2- H. Với lời “Xin Vâng” trong biến cố Truyền Tin, Mẹ Maria dạy chúng ta bài học gì?
- T. Mẹ dạy cho chúng ta biết để cho thánh ý Thiên Chúa được thể hiện trong mọi sự và luôn kết hợp với tình yêu Thiên Chúa trong niềm tri ân cảm tạ.
- 3- H. Với kinh “Ngợi Khen”, Mẹ Maria dạy chúng ta điều gì?
- T. Mẹ dạy chúng ta tri ân và cảm tạ Thiên Chúa, Đấng đã làm bao điều trọng đại vì yêu thương dân tộc Việt Nam này.
- 4- H. Khi suy đi nghĩ lại những gì Thiên Chúa đã thực hiện trong tình yêu dành cho loài người, Mẹ Maria dạy chúng ta điều gì?
- T. Mẹ dạy chúng ta phải hiểu màu nhiệm không bằng suy luận nhưng bằng cảm nghiệm của cả con người.
- 5- H. Khi đứng dưới chân Thánh Giá, Mẹ Maria đưa chúng ta vào huyền nhiệm nào?
- T. Mẹ dẫn chúng ta vào tận thẳm cung của màu nhiệm Tình yêu Thiên Chúa, Tình yêu đã khai sinh Giáo Hội từ cạnh sườn Đấng chịu đóng đinh.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Có lần nào bạn thực sự để cho Thiên Chúa thực hiện ý muốn của Ngài trong đời không? Sau đó, mọi sự đã diễn ra thế nào? Kinh nghiệm này giúp bạn lớn lên trong đời sống đức tin ra sao?

2. Hãy kể lại một kỷ niệm thật vui đã mang lại cho bạn niềm hạnh phúc tuyệt vời và niềm tin thác sâu xa vào Thiên Chúa.
3. Khi nào bạn cảm thấy gần gũi với Chúa hơn cả : khi buồn, khi vui, khi yêu, khi cầu nguyện? Lúc ấy, Chúa là ai đối với bạn?

HỌC VỚI MẸ MARIA

BÀI HỌC LIÊN ĐỐI VÀ HIỆP THÔNG

A. TRÌNH BÀY

Tham dự sâu xa vào mầu nhiệm Con Chúa nhập thể, Đức Maria cũng thật sự liên đới với cả nhân loại, thấu hiểu những khát vọng thâm sâu nhất của họ, và rộng tay cứu giúp. Tại tiệc cưới Cana, Mẹ dạy cho chúng ta biết liên đới với nhân loại như thế nào: bèn nhạy trước nhu cầu của những người chung quanh, cách riêng những người đang gặp khó khăn. Không chỉ nhận ra, Mẹ còn giúp họ thoát khỏi những bế tắc và đem lại niềm vui, hạnh phúc cho tất cả mọi người. Như thế, Mẹ dạy cho Giáo Hội Việt Nam ý nghĩa sâu xa và chân thật của hiệp thông và tham gia (Đề Cương 44).

B. HỎI-ĐÁP

- 1- H. Đức Maria bước theo Chúa Giêsu trong hành trình nhập thể như thế nào?

T. Mẹ liên đới với nhân loại, thấu hiểu những khát vọng thâm sâu nhất của con người và rộng tay cứu giúp họ.
- 2- H. Tại tiệc cưới Cana, Mẹ Maria dạy cho chúng ta bài học liên đới như thế nào?

T. Mẹ dạy cho chúng ta biết bèn chạy trước nhu cầu của những người chung quanh, cách riêng những người đang gặp khó khăn, giúp họ thoát khỏi những bế tắc, và đem lại cho họ niềm vui và hạnh phúc.

3- H. Tại tiệc cưới Cana, Mẹ Maria dạy cho chúng ta bài học hiệp thông như thế nào?

T. Mẹ dạy chúng ta hiệp thông với nhau qua việc chia vui sẻ buồn và hiệp thông với Chúa qua việc chuyển cầu và rộng tay cứu giúp những ai đang gặp khó khăn.

4- H. Tại tiệc cưới Cana, Mẹ Maria dạy chúng ta bài học tham gia như thế nào?

T. Mẹ dạy chúng ta lắng nghe và thực thi lời Chúa: “Người bảo gì, các anh cứ việc làm theo!”

5- H. Ngay sau tiệc cưới Cana, Đức Maria có trở về Nazareth không?

T. Không, Đức Maria theo Chúa Giêsu và các môn đệ xuống Capharnaum và ở lại đó ít ngày.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. “Người bảo gì, các anh cứ việc làm theo!” Lời này âm vang thế nào trong tâm hồn và cuộc sống của bạn?
2. Bạn có hiểu tại sao Đức Maria được gọi là người môn đệ đầu tiên và trọn hảo của Chúa Giêsu không?
3. Vì sao “vui mừng và hy vọng, ưu sầu và lo lắng của con người ngày nay, nhất là của người nghèo và những ai đau khổ, cũng là vui mừng và hy vọng, ưu sầu và lo lắng của các môn đệ Chúa Kitô, và không có gì thực sự là của con người mà lại không gieo âm hưởng trong lòng họ”?

HỌC VỚI MẸ MARIA BÀI HỌC CHIA SẺ HỒNG ÂN ĐỨC TIN VÀ LOAN BÁO ĐỨC KITÔ

A. TRÌNH BÀY

Ngày lễ Ngũ Tuần, trong sức mạnh tuôn tràn của Thánh Thần, Mẹ đã cùng các môn đệ mở tung cánh cửa phòng Tiệc ly để khởi đầu cho sứ vụ loan báo Tin Mừng. Mẹ muốn Giáo Hội Việt Nam hiểu rằng Nước Trời, Vương quốc của Tình yêu, không bao giờ có biên giới, và Thánh Thần sẽ đưa Giáo Hội đến mọi dân mọi nước để qui tụ con cái Thiên Chúa từ khắp thế giới về trong gia đình của Chúa Kitô. Tâm lòng nhân hậu của Mẹ La Vang dành cho đoàn con đất Việt không phân biệt lương giáo, đang dạy cho Giáo Hội biết quảng đại chia sẻ cho mọi người dân Việt hồng ân đức tin, và nhiệt tâm loan báo Đức Kitô là Đấng Cứu độ duy nhất của loài người. Như thế, trong cuộc lữ hành tiến về quê trời, Mẹ dạy cho chúng ta cách thức đồng hành với mọi người dù xa lạ trong niềm tin nhưng lại thật gần trong đức ái.

Hơn ai hết, Mẹ Maria hiểu rõ thế nào là niềm tin vào Thiên Chúa, Đấng sẽ thực hiện những gì Ngài đã nói, và thế nào là nỗi đau khi lưỡi gươm đâm thấu tâm hồn. Vì thế, Mẹ muốn thông truyền cho chúng ta sự can đảm của đức tin, sự bất khuất của lòng khiêm nhường tin thác vào quyền năng Thiên Chúa. Mẹ dạy cho Giáo Hội Việt Nam luôn hát bài Ngợi Khen, bài ca mang đến sức mạnh và can đảm trên đường lữ hành.

Là Nữ Trinh hồn xác lên trời, Đức Maria đã nên bảo chứng cho niềm trông cậy vững vàng của Giáo Hội Việt Nam đang tiến bước trong nỗi khát vọng hướng về trời cao. Mẹ dạy cho các tín hữu rằng những lao nhọc và ngay cả đau khổ vì

Đức Kitô sẽ mang lại cho ta vinh quang của con cái Thiên Chúa. Cuộc đời Mẹ bày tỏ Đức Cây không bao giờ làm chúng ta phải thất vọng (Đề Cương 44).

B. HỎI-ĐÁP

- 1- H. Khi cùng các môn đệ mở tung cánh cửa phòng Tiệc ly để khởi đầu cho sứ vụ loan báo Tin Mừng, Mẹ Maria muốn dạy chúng ta điều gì?
 - T. Mẹ muốn dạy chúng ta hiểu Nước Trời, Vương quốc của Tình yêu, không bao giờ có biên giới, và Thánh Thần sẽ đưa Giáo Hội đến mọi dân mọi nước để qui tụ con cái Thiên Chúa từ khắp thế giới về trong gia đình của Chúa Kitô.
- 2- H. Qua tấm lòng nhân hậu dành cho đoàn con đất Việt không phân biệt lương giáo, Mẹ La Vang dạy cho chúng ta điều gì?
 - T. Qua tấm lòng nhân hậu dành cho đoàn con đất Việt không phân biệt lương giáo, Mẹ La Vang không những dạy cho chúng ta biết quảng đại chia sẻ cho mọi người dân Việt hồng ân đức tin và nhiệt tâm loan báo Đức Kitô là Đấng Cứu độ duy nhất của loài người, mà còn dạy cho chúng ta cách thức đồng hành với mọi người, dù xa lạ trong niềm tin, nhưng lại thật gần trong đức ái.
- 3- H. Khi chịu khổ cực với Chúa Giêsu và dự phần vào hy lễ của Ngài, Mẹ Maria muốn thông truyền cho chúng ta điều gì?
 - T. Mẹ muốn thông truyền cho chúng ta sự can đảm của đức tin và sự bất khuất của lòng khiêm nhường tín thác vào

quyền năng Thiên Chúa, Đấng sẽ thực hiện những gì Ngài đã nói.

4- H. Để Giáo Hội Việt Nam có được sức mạnh và can đảm trên đường lữ hành, Mẹ Maria dạy chúng ta làm gì?

T. Mẹ dạy chúng ta luôn hát bài ca Ngợi Khen, bài ca mang lại cho chúng ta sức mạnh và can đảm trên đường lữ hành.

5- H. Khi được vinh hiển hồn xác trên trời, Mẹ Maria dạy chúng ta điều gì?

T. Mẹ dạy chúng ta hiểu rằng Đức Cây không bao giờ làm chúng ta phải thất vọng, vì những lao nhọc và đau khổ vì Đức Kitô, sẽ mang lại cho ta vinh quang của người con Thiên Chúa.

C. GỢI Ý TRAO ĐỔI

1. Hình ảnh Đức Maria ở giữa các tông đồ và cầu nguyện với các ngài sau khi Chúa lên trời trong Công Vụ 1,12-14 khơi lên trong bạn những suy nghĩ và tâm tình nào?
2. Được vinh hiển hồn xác trên trời, Đức Maria chiếu sáng như dấu chỉ lòng cậy trông vững vàng và niềm an ủi cho dân Chúa đang lữ hành (GH 68). Hình ảnh này khích lệ và nâng đỡ bạn trong đời sống đức tin như thế nào?
3. Qua tấm lòng nhân hậu dành cho đoàn con đất Việt không phân biệt lương giáo, Mẹ La Vang dạy cho chúng ta cách thức đồng hành với mọi người, dù xa lạ trong niềm tin, nhưng lại thật gần trong đức ái. Bạn có kinh nghiệm nào trong việc này?

M U C L U C

LỜI NGỎ	3
----------------------	---

PHẦN MỞ:

Thời điểm ân sủng và canh tân	5
--	---

- Tìm hiểu Năm Thánh
- Nhìn lại chặng đường lịch sử
Giáo Hội hình thành tại Việt Nam
- Nhìn lại chặng đường lịch sử
Giáo Hội phát triển tại Việt Nam.....
- Nhìn lại chặng đường lịch sử
Giáo Hội trưởng thành tại Việt Nam

PHẦN MỘT:

Về nguồn để khám phá lại bản chất và sứ mạng	29
---	----

Đề tài 1: Giáo Hội ý thức mình
là một thực tại thiêng liêng

1.1 Giáo Hội ý thức mình là Dân Thiên Chúa.....

1.2 Giáo Hội ý thức mình là Thân mình Chúa Kitô.....

1.3 Giáo Hội ý thức mình là Đền thờ Chúa Thánh Thần ..

Đề tài 2: Giáo Hội ý thức mình
còn là một thực tại hữu hình

2.1 Giáo Hội Việt Nam ý thức mình là một với Giáo Hội
phổ quát và với các giáo hội địa phương khác.....

2.2 Giáo Hội ý thức mình là một tổ chức theo phẩm trật

2.3 Giáo Hội ý thức mình là thánh
nhưng còn phải nên thánh.....

<u>Đề tài 3:</u> Giáo Hội Việt Nam sống cho Đức Kitô và Nước Trời	51
3.1 Nước Thiên Chúa đã hiện diện và còn đang phát triển	53
3.2 Nước Thiên Chúa là chính Đức Kitô	56
3.3 Nước Thiên Chúa là thế giới của sự công chính, bình an và hoan lạc	58
<u>Đề tài 4:</u> Giáo Hội Việt Nam đang tiến bước trong lịch sử	60
4.1 Giáo Hội xây dựng thế giới, nơi công chính, bình an và niềm vui ngự trị.....	63
4.2 Giáo Hội chống lại trào lưu tục hóa và chủ nghĩa vô tín	65
4.3 Giáo Hội chấp nhận đau khổ và học biết tha thứ.....	69

PHẦN HAI:

Nhìn vào hiện tại để khám phá những dấu chỉ thời đại.. 73

<u>Đề tài 5:</u> Giáo Hội muốn trở nên công đoàn hiệp thông .. 73	
5.1 Hiệp thông trong kinh nguyện và Thánh Thể	76
5.2 Hiệp thông trong niềm tin và hy vọng nhờ lắng nghe giáo huấn của các Tông đồ	79
5.3 Hiệp thông trong đức ái.....	81
<u>Đề tài 6:</u> Giáo Hội Việt Nam muốn trở nên một gia đình hơn một phẩm trật	84
6.1 Vai trò của Kitô hữu giáo dân trong Giáo Hội.....	86
6.2 Vai trò của Kitô hữu giáo sĩ trong Giáo Hội.....	90
6.3 Tương quan giữa Kitô hữu giáo sĩ và Kitô hữu giáo dân trong Giáo Hội	92

Đề tài 7: Giáo Hội Việt Nam muốn xây dựng sự hiệp thông theo mô hình Giáo Hội Tham Gia	96
7.1 Xây dựng Giáo Hội Tham Gia bằng cách khơi lên ý thức về Giáo Hội và ý thức xây dựng Giáo Hội	100
7.2 Xây dựng Giáo Hội Tham Gia bằng cách củng cố quan hệ bình đẳng và tinh thần đồng trách nhiệm giữa các Kitô hữu	103
7.3 Xây dựng Giáo Hội Tham Gia bằng cách tạo cơ hội cho mọi Kitô hữu phát huy khả năng và góp phần xây dựng xã hội	106
Đề tài 8: Phát huy sự tham gia của giáo dân vào hoạt động tông đồ trong giáo xứ	109
8.1 Phát huy sự tham gia của giáo dân vào đời sống kinh nguyện và bí tích	112
8.2 Phát huy sự tham gia của giáo dân vào hoạt động giáo lý	115
8.3 Phát huy sự tham gia của giáo dân vào việc quản trị giáo xứ	118

PHẦN BA:

Hướng về tương lai và nỗ lực xây dựng Giáo Hội như lòng Chúa mong ước	123
--	------------

Đề tài 9: Giáo Hội Việt Nam muốn đổi mới nhiệt tình loan báo Tin Mừng	123
9.1 Thăng tiến sứ vụ tiên tri	127
9.2 Thăng tiến sứ vụ tư tế	130
9.3 Thăng tiến sứ vụ mục tử	132

<u>Đề tài 10</u> : Giáo Hội Việt Nam muốn đổi mới phương thức loan báo Tin Mừng.....	135
10.1 Đối thoại với người nghèo	139
10.2 Đối thoại với văn hóa dân tộc.....	142
10.3 Đối thoại với các tôn giáo.....	146
<u>Đề tài 11</u> : Giáo Hội Việt Nam muốn theo Chúa Giêsu trên con đường nhập thế	150
11.1 Thực trạng xã hội	153
11.2 Thực trạng văn hóa.....	157
11.3 Thực trạng tôn giáo.....	161
<u>Đề tài 12</u> : Giáo Hội Việt Nam quan tâm đến giáo dục ..	164
12.1 Giáo Hội Việt Nam quan tâm đến đời sống gia đình	169
12.2 Giáo Hội Việt Nam quan tâm đến hoạt động bác ái và dẫn thân xã hội	171
12.3 Giáo Hội Việt Nam quan tâm đến truyền thông xã hội và di dân	175

PHẦN KẾT:

Tiến bước trong hy vọng	179
Cùng với các Thánh Tử đạo tại Việt Nam, Giáo Hội nhìn lên Đức Maria	179
Học với Mẹ Maria bài học Xin Vâng và Cảm Tạ	182
Học với Mẹ Maria bài học Liên Đới và Hiệp Thông	184
Học với Mẹ Maria bài học Chia sẻ HỒNG ân Đức tin và Loan báo Đức Kitô.....	186